

Hướng dẫn Sử dụng Điện thoại Nokia 6680

CE 168

CÔNG BỐ HỢP CHUẨN

Chúng tôi, NOKIA CORPORATION, trong phạm vi trách nhiệm của mình, xin công bố sản phẩm RM-36 đã tuân thủ các điều khoản qui định theo chỉ thị của Hội đồng: 1999/5/EC. Bản Công bố Hợp chuẩn có thể được tìm thấy tại địa chỉ http://www.nokia.com/phones/declaration_of_conformity/

Bản quyền © 2005 Nokia. Bản quyền đã đăng ký bảo hộ.

Nghiêm cấm sao chép, chuyển nhượng, phân phối hoặc lưu trữ một phần hay toàn bộ nội dung tài liệu này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được Nokia cho phép trước bằng văn bản.

Nokia, Nokia Connecting People và Pop-Port là các nhãn hiệu hoặc nhãn hiệu đã đăng ký của Nokia Corporation. Những sản phẩm hoặc tên công ty khác được đề cập ở đây có thể là các nhãn hiệu hoặc tên thương mại của từng doanh nghiệp.

Nokia tune là nhãn hiệu âm thanh của Nokia Corporation.

Symbian

Sản phẩm này có các phần mềm được Symbian Software Ltd. © 1998-2005 cấp bản quyền. Symbian và Symbian OS là các nhãn hiệu của Symbian Ltd.



Java™ và các nhãn hiệu dựa trên nền Java là các nhãn hiệu và nhãn hiệu đã đăng ký của Sun Microsystems, Inc.

Bluetooth là nhãn hiệu đã đăng ký của Bluetooth SIG, Inc.

Stac ®, LZS ®, ©1996, Stac, Inc., ©1994-1996 Microsoft Corporation.

Bao gồm một hoặc nhiều Bằng sáng chế của Mỹ: Số 4701745, 5016009, 5126739, 5146221 và 5414425. Các sáng chế đang chờ cấp bằng khác. Hi/fn ®, LZS ® ©1988-98, Hi/fn. Bao gồm một hoặc nhiều Bằng sáng chế của Mỹ: Số 4701745, 5016009, 5126739, 5146221 và 5414425. Các sáng chế đang chờ cấp bằng khác.

Các phần trong phần mềm của sản phẩm này là © Copyright ANT Ltd. 1998. Bản quyền đã đăng ký bảo hộ.

Bằng sáng chế của Mỹ số 5818437 và các sáng chế đang chờ cấp bằng khác. Bản quyền phần mềm nhập vào bản T9 © 1997-2005. Tegic Communications, Inc. Bản quyền đã đăng ký bảo hộ.

VIỆC SỬ DỤNG SẢN PHẨM NÀY TRONG BẤT KỲ HÌNH THỨC NÀO THEO TIÊU CHUẨN HÌNH ẢNH MPEG-4 SẼ BỊ CẤM. NGOÀI TRỪ VIỆC SỬ DỤNG CÓ LIÊN QUAN TRỰC TIẾP ĐẾN (A) DỮ LIỆU HAY THÔNG TIN (i) TẠO RA BỒI VÀ ĐƯỢC CUNG CẤP MIỄN PHÍ TỪ PHÍA KHÁCH HÀNG KHÔNG THAM GIA CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP; VÀ (ii) VIỆC SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH CẢ NHÂN; VÀ (B) CHO NHỮNG MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG KHÁC ĐƯỢC CẤP PHÉP RÕ RÀNG VÀ RIÊNG BIỆT BỞI MPEG LA, L.L.C.

Nokia thực hiện chính sách phát triển không ngừng. Nokia có quyền thay đổi và cải tiến bất kỳ sản phẩm nào được nêu trong tài liệu này mà không cần thông báo trước.

Nokia sẽ không chịu trách nhiệm trong mọi trường hợp về việc mất dữ liệu hay thu thập hoặc những thiết bị khác có tính chất đặc biệt, ngẫu nhiên, tất yếu, hay gián tiếp.

Nội dung của tài liệu này được cung cấp 'theo tình trạng hiện tại'. Ngoài trừ do yêu cầu của luật áp dụng liên quan, sẽ không có bất kỳ sự bảo đảm nào được thể hiện rõ ràng hay ngụ ý, bao gồm nhưng không giới hạn các bảo hành thương mại được bao hàm và sử dụng sản phẩm phù hợp với mục đích cụ thể, liên quan đến tính chính xác, độ tin cậy hoặc nội dung của tài liệu này. Nokia có quyền sửa đổi hoặc thu hồi tài liệu này tại bất kỳ thời điểm nào mà không cần thông báo trước.

Tính khả dụng của các sản phẩm riêng biệt có thể khác nhau tùy theo từng khu vực. Xin liên hệ với đại lý Nokia gần nhất.

Quản lý Xuất khẩu

Điện thoại này có chứa các thành phần, công nghệ hoặc phần mềm tuân thủ theo luật lệ và quy tắc xuất khẩu của Mỹ và các quốc gia khác. Những việc trái với luật pháp bị cấm.

THÔNG CÁO CỦA FCC VÀ HỘI CÔNG NGHIỆP CANADA

Thiết bị của bạn có thể gây nhiễu sóng TV hoặc radio (ví dụ như khi sử dụng máy gắn thiết bị thu sóng). Tổ chức FCC hoặc Hội công nghiệp Canada có thể yêu cầu bạn ngưng sử dụng điện thoại trong trường hợp không thể tránh khỏi việc nhiễu sóng. Nếu bạn cần giúp đỡ, xin liên hệ với bộ phận hỗ trợ dịch vụ tại nơi bạn cư trú. Thiết bị này đáp ứng điều khoản 15 thuộc bộ qui định của FCC. Sự vận hành thiết bị tùy thuộc vào điều kiện là thiết bị này không được gây nhiễu có hại.

THÔNG TIN VỀ CÁC ỨNG DỤNG MỞ RỘNG CHO ĐIỆN THOẠI NOKIA 6680

Bên trong gói sản phẩm, bạn sẽ thấy có Thẻ nhớ Đa phương tiện Điện thế Kịch cỡ nhỏ (RS-MMC) chứa các ứng dụng bổ sung do Nokia và các nhà phát triển ứng dụng thứ ba cung ứng. Nội dung của thẻ nhớ RS-MMC và việc cung cấp các ứng dụng và dịch vụ có thể khác nhau tùy theo quốc gia, đại lý bán lẻ và/hoặc nhà điều hành mạng. Các ứng dụng và thông tin thêm về việc sử dụng ứng dụng hiện có trên trang web www.nokia-asia.com/support chỉ với ngôn ngữ được chọn.

Một số các Hoạt động và tính năng của máy phụ thuộc vào thẻ SIM, tính năng nhắn tin MMS, hoặc phụ thuộc vào khả năng tương thích của các thiết bị và các dạng nội dung được hỗ trợ. Việc cung cấp các dịch vụ có thể khác nhau tùy theo vùng hoặc quốc gia. Một số dịch vụ có thể được tính phí riêng.

TRƯỜNG HỢP KHÔNG BẢO HÀNH

Các ứng dụng của bên thứ ba có trong thẻ nhớ đa phương tiện kích cỡ nhỏ (RS-MMC) do các cá nhân hoặc tổ chức không trực thuộc hoặc không liên kết với hãng Nokia sản xuất và sở hữu. Nokia không sở hữu bản quyền và/hoặc quyền sở hữu trí tuệ đối với các ứng dụng của các bên thứ ba này. Ví dụ Nokia không chịu trách nhiệm hỗ trợ đối với bất kỳ người dùng cuối nào hoặc về chức năng của các ứng dụng của bên thứ ba này, cũng như đối với các thông tin được mô tả trong ứng dụng hay các tài liệu này. Nokia không đảm bảo bất kỳ điều gì về các ứng dụng này.

BẠN THỪA NHẬN PHẦN MỀM VÀ/HOẶC CÁC ỨNG DỤNG (GỌI CHUNG LÀ "PHẦN MỀM") ĐƯỢC CUNG CẤP "THEO TÌNH TRẠNG HIỆN TẠI" MÀ KHÔNG CÓ BẤT KỲ SỰ ĐẢM BẢO NÀO DÙ LÀ TƯƠNG MINH HAY NGẪM ĐỊNH THEO PHẠM VI TỐI ĐA ĐƯỢC PHÁP LUẬT CHO PHÉP. CẢ NOKIA LÊN CÁC CÔNG TY CONG TÁC CỦA NOKIA ĐỀU KHÔNG ĐẠI DIỆN CHO BẤT KỲ AI HOẶC CHỊU TRÁCH NHIỆM BẢO HÀNH MỘT CÁCH TƯƠNG MINH HAY NGẪM ĐỊNH, BAO HÂM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN SỰ BẢO ĐẢM DANH TÍNH, ĐIỀU KIỆN MUA BẠN, HOẶC SỰ THÍCH HỢP TRONG MỤC ĐÍCH RIÊNG HOẶC CÁC PHẦN MỀM ĐÓ SẼ KHÔNG VI PHẠM BẤT KỲ BẢNG SÁNG CHẾ, HAY BẢN QUYỀN, THƯƠNG HIỆU NÀO HOẶC CÁC QUYỀN KHÁC CỦA BẤT KỲ HÃNG THỨ BA NÀO. NOKIA HAY CÁC CÔNG TY CONG TÁC ĐỀU KHÔNG CÓ SỰ ĐẢM BẢO MỌI TÍNH NĂNG CỦA PHẦN MỀM SẼ ĐÁP ỨNG CÁC YÊU CẦU CỦA BẠN HAY PHẦN MỀM KHÔNG BỊ TREO HOẶC KHÔNG CHỨA LỖI. BẠN SẼ CHỊU MỌI TRÁCH NHIỆM VÀ RỦI RO VỀ VIỆC CHỌN PHẦN MỀM ĐỂ CÓ ĐƯỢC CÁC KẾT QUẢ BẠN MONG MUỐN CỨNG NHƯ TRÁCH NHIỆM VỀ VIỆC CÀI ĐẶT, SỬ DỤNG VÀ CHẤP NHẬN CÁC KẾT QUẢ THU ĐƯỢC

TỪ PHẦN MỀM ĐÓ. TRONG PHẠM VI ĐƯỢC LUẬT PHÁP HIỆN HÀNH CHO PHÉP. TRONG BẤT KỲ TÌNH HUỐNG NÀO, NOKIA, CÁC NHÂN VIÊN NOKIA HOẶC CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT ĐỀU KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ KHẢ NĂNG MẤT MẤT LỢI NHUẬN, DOANH THU, THƯƠNG MẠI, DỮ LIỆU, THÔNG TIN HOẶC CHI PHÍ DANH CHO CÁC HANG HÓA HOẶC DỊCH VỤ THAY THẾ, CÁC THIẾT LẠI VỀ TÀI SẢN, TỒN HẠI SỨC KHỎE, GIẢN ĐOAN CÔNG VIỆC KINH DOANH, HOẶC CÁC TỒN THẤT MANG TÍNH TRỰC TIẾP, GIÁN TIẾP, NGẪU NHIÊN, TỒN THẤT VỀ KINH TẾ, TỒN THẤT VÍ MÔ, VIỆC BỊ PHẠT, CÁC TỒN THẤT HẾT QUẢ HOẶC ĐẶC BIỆT, CHỦ ĐỀ VÌ BẤT KỲ LÝ DO GÌ VÀ DÙ NÀY SINH HOẶC KHÔNG LIÊN QUAN ĐẾN HỢP ĐỒNG, HAY DO NHẦM LẪN, BẮT CẢN HAY CÁC LÝ DO KHÁC VỀ TRÁCH NHIỆM DO VẤN ĐỀ CÀI ĐẶT HOẶC SỬ DỤNG HOẶC KHÔNG CÓ KHẢ NĂNG SỬ DỤNG PHẦN MỀM, NGAY CẢ NẾU NOKIA HOẶC CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT ĐÃ ĐƯỢC KHUYẾN CẢO VỀ KHẢ NĂNG TỒN THẤT NÓI TRÊN. DO MỘT SỐ QUỐC GIA/TIẾU BANG/CƠ QUAN PHÁP QUYỀN KHÔNG CHO PHÉP CÁC YẾU TỐ LOẠI TRỪ HOẶC HẠN CHẾ VỀ TRÁCH NHIỆM NẾU TRÊN, NHƯNG CÓ THỂ CHẤP NHẬN CÁC TRÁCH NHIỆM GIỚI HẠN, TRONG CÁC TRƯỜNG HỢP NÀY, TRÁCH NHIỆM CỦA NOKIA, CÁC NHÂN VIÊN NOKIA HOẶC CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT SẼ ĐƯỢC GIỚI HẠN TRONG 50 EURO. KHÔNG CÓ BẤT KỲ ĐIỀU NÀO TRONG PHẦN QUI ĐỊNH LOẠI TRỪ NÀY VI PHẠM CÁC QUYỀN DO LUẬT PHÁP QUY ĐỊNH CỦA BẤT KỲ BÊN NÀO CÓ VAI TRÒ NGƯỜI TIỂU DÙNG.

COPYRIGHT (c) 2005 NOKIA. BẢN QUYỀN ĐÃ ĐĂNG KÝ BẢO HỘ, NOKIA VÀ NOKIA CONNECTING PEOPLE LÀ CÁC NHÂN HIỆU ĐÃ ĐĂNG KÝ CỦA NOKIA CORPORATION.

NOKIA CORPORATION
NOKIA MULTIMEDIA MARKETING
P.O. BOX 100, FIN-00045 NOKIA GROUP, FINLAND
ĐT +358 7180 08000
TELEFAX +358 7180 34016
WWW.NOKIA.COM

SỐ PHÁT HÀNH LẦN 2

Mục lục

An toàn cho người sử dụng.....8

Cài đặt riêng điện thoại 11

Cài đặt âm 12

Cấu hình offline 12

Truyền nội dung từ điện thoại khác..... 13

Hãy thay đổi cách nhìn của bạn về điện thoại 14

Kích hoạt chế độ chờ 14

Điện thoại của bạn 16

Clock – Đồng hồ 16

Cài đặt đồng hồ 16

World Clock 17

Điều chỉnh loa và âm lượng..... 17

File Manager – Chương trình quản lý tập tin.... 17

Xem mức sử dụng bộ nhớ 18

Không đủ bộ nhớ - làm trống bộ nhớ 18

Công cụ thẻ nhớ 19

Định dạng thẻ nhớ 20

Các phím tắt hữu dụng 20

Gọi điện 23

Cuộc gọi thoại 23

Cuộc gọi video 23

Quay nhanh một số điện thoại..... 25

Gọi điện hội nghị..... 25

Trả lời hoặc từ chối cuộc gọi 25

Trả lời hoặc từ chối cuộc gọi video 26

Call waiting (dịch vụ mạng) 26

Các tùy chọn trong khi gọi..... 27

Log – Nhật ký 28

Recent Call 28

Call duration 28

Packet data..... 28

Kiểm soát tất cả các sự kiện liên lạc..... 28

Contacts (Danh bạ)..... 30

Lưu tên và số điện thoại 30

Các số điện thoại và địa chỉ mặc định 30

Sao chép số liên lạc 31

Danh mục SIM và các dịch vụ SIM khác ... 31

Thêm nhạc chuông cho các số liên lạc 32

Quay số bằng khẩu lệnh	32	Chọn máy in	45
Thêm khẩu lệnh	33	Xem trước bản in	46
Gọi điện bằng khẩu lệnh	33	Cài đặt in ấn	46
Tạo các nhóm liên lạc	33	RealPlayerTM	46
Xóa thành viên khỏi nhóm	34	Phát video clip hoặc tập tin âm thanh	46
Camera và Gallery	35	Xem nội dung trực tuyến	47
Camera	35	Nhận các thông số cài đặt RealPlayer	47
Chụp hình	35	Messaging	49
Chụp hình liên tiếp	37	Viết văn bản	50
Chụp hình cho chính bạn—chức năng chụp tự động	37	Kiểu nhập văn bản truyền thống	50
Đèn flash	38	Kiểu nhập văn bản tiên đoán—Tự điển	51
Hiệu chỉnh ánh sáng và màu sắc	38	Sao chép văn bản	53
Điều chỉnh thông số cài đặt camera	38	Soạn và gửi tin nhắn	53
Quay phim	39	Nhận các thông số cài đặt MMS và e-mail	55
Điều chỉnh các cài đặt máy quay video	40	Inbox- Hộp thư đến – nhận tin nhắn	56
Gallery	40	Tin nhắn đa phương tiện	56
Xem hình ảnh	41	Dữ liệu và các thông số cài đặt	57
Imaging	43	Tin nhắn dịch vụ Web	57
Video Editor	43	My folder - Thư mục riêng	58
Biên tập đoạn video, âm thanh, và đoạn chuyển cảnh	43	Mailbox- Hộp thư	58
Image manager	45	Mở hộp thư	58
Image print	45	Tải tin nhắn e-mail	59
		Tự động tải tin nhắn e-mail	60
		Xóa các tin nhắn e-mail	60

Ngắt kết nối khỏi hộp thư	60	Kết nối an toàn	71
Outbox- Hộp thư đi-các tin nhắn chờ gửi đi....	61	Trình duyệt	71
Xem tin nhắn trên thẻ SIM	61	Xem các trang đã lưu.....	73
Cài đặt nhắn tin.....	62	Tải xuống và mua các mục	73
Tin nhắn văn bản	62	Ngưng kết nối.....	74
Tin nhắn đa phương tiện	63	Dọn cache	74
E-mail	64	Cài đặt web	74
Tin nhắn dịch vụ Web	65	Office	76
Tin nhắn quảng bá	66	Caculator- Máy tính	76
Cài đặt khác	66	Tính phần trăm	76
Calendar	67	Converter- Bộ chuyển đổi	76
Tạo các mục nhập lịch	67	Xác định loại tiền tệ gốc và tỉ giá chuyển đổi.....	77
Xem lịch	68	To do- Công việc.....	77
Cài đặt âm báo lịch	68	Tạo danh sách công việc.....	77
Xóa các mục lịch	68	Notes- Ghi chú	78
Cài đặt lịch	68	Recorder- Máy ghi âm.....	78
Web	69	My own	79
Truy cập Web	69	Go to—thêm phím tắt	79
Nhận các thông số cài đặt trình duyệt	69	Xóa phím tắt	79
Nhập cài đặt theo cách thủ công.....	69	Wallet-chi tiêu.....	79
Giao diện chỉ mục	70	Tạo mã chi tiêu	80
Thêm chỉ mục theo cách thủ công	70	Lưu trữ chi tiết thẻ cá nhân	80
Gửi chỉ mục	70	Tạo ghi chú cá nhân	81
Tạo kết nối	71		

Tạo cấu hình chi tiêu	81	Ghép nối thiết bị	92
Xem chi tiết vé	82	Nhận dữ liệu qua kết nối Bluetooth	93
Cài đặt chi tiêu	82	Tắt kết nối Bluetooth	93
Cài đặt lại chức năng chi tiêu và mã chi tiêu	82	Kết nối PC	93
		CD-ROM	93
		Điện thoại của bạn như một modem	93
IM-Tin nhắn trò chuyện	83	Conn Manager- Quản lý kết nối	93
Nhận thông số cài đặt IM	83	Chi tiết kết nối dữ liệu	94
Kết nối với server IM	83	Synchronise- Đồng bộ	94
Chỉnh sửa cài đặt IM	84	Tạo một cấu hình đồng bộ mới	95
Tìm kiếm nhóm và người dùng IM	84	Đồng bộ dữ liệu	96
Tham gia và rời khỏi một nhóm IM	84	Device manager-Quản lý thiết bị	96
Trò chuyện	85	Cài đặt cấu hình server	96
Ghi âm cuộc trò chuyện	85		
Xem và bắt đầu cuộc trò chuyện	86	Tools	98
Số liên lạc IM	86	Settings-Cài đặt	98
Quản lý các nhóm IM	87	Phone- Cài đặt cho máy	98
Quản lý một nhóm IM	88		98
Tạo nhóm trò chuyện mới	88	Call- Cài đặt cuộc gọi	99
Thêm và xóa các thành viên nhóm	88	Connection- Cài đặt kết nối	101
Cài đặt server trò chuyện	88	Date and time- Thời gian	104
		Security-Bảo mật	104
Connect	90	Call divert - Chuyển hướng cuộc gọi	107
Bluetooth	90	Call barring- Chặn cuộc gọi	108
Cài đặt kết nối Bluetooth	90	(Dịch vụ mạng)	108
Gửi dữ liệu qua kết nối Bluetooth	91	Network- Mạng	108

Enhancement (phụ kiện).....	109
Voice command (Lệnh thoại).....	109
Gán một lệnh thoại cho một ứng dụng.....	109
Manager.....	110
Cài đặt phần mềm và ứng dụng	110
Gỡ bỏ ứng dụng và phần mềm.....	111
Cài đặt ứng dụng.....	112
Activation keys—xử lý các tập tin được bảo vệ bản quyền.....	112
Giải quyết sự cố.....	114
Hỏi&Đáp	114
Thông tin về pin	117
Sạc và Xả pin.....	117
Hướng dẫn xác nhận pin Nokia.....	118

Phụ kiện chính hãng Nokia	120
Pin	121
Bộ tai nghe không dây HS-4W	121
Bộ phụ kiện trên xe cao cấp CK-7W	122
Bàn phím không dây SU-8W của Nokia	123
Bút kỹ thuật số Nokia SU-1B.....	123
Giữ gìn và Bảo trì	124
Thông tin bổ sung về sự an toàn	125
Từ mục.....	129

An toàn cho người sử dụng

Dưới đây là những hướng dẫn đơn giản và dễ hiểu. Việc không tuân theo các quy tắc này có thể gây nguy hiểm hoặc bị xem là phạm pháp. Đọc sách hướng dẫn sử dụng đầy đủ để biết thêm thông tin.



BẬT MÁY AN TOÀN Không nên bật điện thoại nếu bị cấm hoặc có thể gây nhiễu sóng hoặc nguy hiểm.



AN TOÀN GIAO THÔNG LÀ TRÊN HẾT

Nên tuân thủ các quy định của địa phương. Luôn giữ tay được rảnh để điều khiển xe. Điều quan tâm đầu tiên trong khi lái xe là an toàn giao thông.



NHIỀU SÓNG Tất cả các điện thoại vô tuyến đều có thể gây nhiễu sóng làm ảnh hưởng đến hoạt động của máy.



TẮT ĐIỆN THOẠI KHI Ở TRONG BỆNH VIỆN Tuân theo bất kỳ hạn chế nào. Tắt điện thoại khi ở gần các thiết bị y tế.



TẮT ĐIỆN THOẠI KHI Ở TRÊN MÁY BAY Tuân theo bất kỳ hạn chế nào. Các điện thoại vô tuyến có thể gây nhiễu liên lạc trên máy bay.



TẮT ĐIỆN THOẠI KHI ĐANG TIẾP NHIÊN LIỆU Không nên sử dụng điện thoại tại trạm tiếp nhiên liệu. Không nên sử dụng điện thoại gần nơi có nhiên liệu hoặc hóa chất.



TẮT ĐIỆN THOẠI KHI Ở GẦN NƠI CÓ PHÁT NỔ Tuân theo bất kỳ hạn chế nào. Không nên sử dụng điện thoại nơi đang có phát nổ.



SỬ DỤNG ĐIỆN THOẠI ĐÚNG CÁCH

Chỉ sử dụng điện thoại ở vị trí thông thường như được hướng dẫn trong tài liệu hướng dẫn sử dụng điện thoại. Không nên chạm vào ăng-ten khi không cần thiết.



SỬ DỤNG DỊCH VỤ CÓ CHẤT LƯỢNG

Chỉ những nhân viên có đủ khả năng chuyên môn mới được lắp đặt hoặc sửa chữa điện thoại.



PHỤ KIỆN VÀ PIN Chỉ sử dụng phụ kiện cải tiến và pin đã kiểm duyệt. Không kết nối điện thoại với những sản phẩm không tương thích.



CHỐNG VÔ NƯỚC Điện thoại này không thể chống vô nước. Nên giữ điện thoại thật khô.



DỰ PHÒNG Luôn nhớ dự phòng hay giữ lại bản viết tay tất cả thông tin quan trọng.



KẾT NỐI VỚI ĐIỆN THOẠI KHÁC Khi kết nối điện thoại với bất kỳ điện thoại nào khác, hãy đọc kỹ hướng dẫn sử dụng của thiết bị đó để biết những hướng dẫn chi tiết về an toàn. Không kết nối điện thoại với những sản phẩm không tương thích.



CÁC CUỘC GỌI KHẨN CẤP Bảo đảm chức năng của điện thoại đã được bật và đang ở trong vùng dịch vụ. Bấm **[*]** nhiều lần để xóa màn hình hiển thị và trở về màn hình bắt đầu. Nhập số điện thoại khẩn cấp vào, rồi bấm **[*]**. Cho biết nơi bạn đang ở. Không nên cúp điện thoại trừ khi được yêu cầu.

Giới thiệu điện thoại

Điện thoại vô tuyến mô tả trong sách hướng dẫn sử dụng này được phép sử dụng trên mạng gồm các băng tần EGSM 900/1800/1900 và UMTS 2000. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết thêm thông tin về mạng.

Khi sử dụng những tính năng của thiết bị này, hãy tuân thủ pháp luật và tôn trọng sự riêng tư và những quyền hợp pháp của người khác.



Cảnh báo: Bạn phải bật điện thoại để sử dụng các chức năng của máy, ngoại trừ chức năng báo thức. Không nên bật điện thoại nếu có thể gây nhiễu sóng hoặc nguy hiểm

Các dịch vụ mạng

Để sử dụng điện thoại, bạn phải có dịch vụ do nhà cung cấp dịch vụ vô tuyến cung cấp. Nhiều chức năng trên điện thoại phụ thuộc vào các chức năng trên mạng vô tuyến để hoạt động. Các Dịch vụ Mạng này không có sẵn trên tất cả các mạng và bạn phải thỏa thuận với nhà cung cấp dịch vụ trước khi bạn có thể sử dụng các Dịch vụ Mạng. Nhà cung cấp dịch vụ sẽ cung cấp thêm cho bạn các thông tin hướng dẫn sử dụng và mức phí sẽ được áp dụng khi sử dụng các dịch vụ mạng này. Một số mạng có thể

có các hạn chế ảnh hưởng đến cách sử dụng các Dịch vụ Mạng. Ví dụ một số mạng có thể không hỗ trợ tất cả ký tự và dịch vụ tùy thuộc ngôn ngữ.

Nhà cung cấp dịch vụ có thể yêu cầu bạn ngưng sử dụng hoặc tắt một số chức năng trong điện thoại của bạn. Nếu vậy, các chức năng này sẽ không hiển thị trên menu của điện thoại. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết thêm thông tin.

Thiết bị vô tuyến này là một thiết bị đầu cuối 3GPP GSM Phiên bản 99 hỗ trợ dịch vụ GPRS, và được thiết kế để hỗ trợ các mạng GPRS Phiên bản 97. Tuy nhiên, có thể có một số vấn đề về độ tương thích khi sử dụng trong các mạng GPRS Phiên bản 97. Để biết thêm thông tin, xin liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ của bạn.

Điện thoại này hỗ trợ giao thức WAP 2.0 (HTTP và SSL) hoạt động trên nền giao thức TCP/IP. Một số tính năng của thiết bị này, ví dụ như MMS, trình duyệt, e-mail và tải nội dung qua trình duyệt hoặc qua MMS, yêu cầu mạng phải hỗ trợ các công nghệ này.

Phụ kiện, pin và bộ sạc

Kiểm tra số hiệu của bộ sạc trước khi sử dụng với điện thoại này. Điện thoại này được thiết kế sử dụng điện do các bộ sạc ACP-12 và LCH-12 cung cấp.



Cảnh báo: Chỉ sử dụng pin, bộ sạc và phụ kiện cải tiến được Nokia phê chuẩn cho riêng kiểu điện thoại này. Việc sử dụng bất kỳ loại nào khác sẽ làm mất hiệu lực kiểm duyệt hoặc bảo hành và có thể gây nguy hiểm.

Liên hệ với đại lý của bạn để biết về các phụ kiện cải tiến chính hãng hiện có. Khi bạn rút dây dẫn của bất kỳ phụ kiện nào ra, cầm vào phích cắm, không nên kéo dây.

Điện thoại và các phụ kiện điện thoại có các linh kiện nhỏ. Giữ các phụ kiện ngoài tầm tay trẻ em.

Cài đặt riêng điện thoại



Lưu ý: Nhà cung cấp dịch vụ hoặc nhà điều hành mạng của bạn có thể yêu cầu cách sắp xếp thứ tự khác cho các mục của menu hoặc thêm vào các biểu tượng khác nhau trong menu điện thoại. Hãy liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ hoặc Trung tâm Chăm sóc Khách hàng của Nokia để được hỗ trợ về các tính năng khác với các tính năng được mô tả trong tài liệu hướng dẫn này.

- Để thay đổi hình nền ở chế độ chờ hoặc nội dung hiển thị của màn hình bảo vệ, xem phần "[Hãy thay đổi cách nhìn của bạn về điện thoại](#)", ở trang 14.
- Để sử dụng màn hình chờ để truy cập nhanh đến các ứng dụng được sử dụng thường xuyên, xem phần "[Kích hoạt chế độ chờ](#)" ở trang 14.
- Để cài đặt riêng kiểu chuông, xem phần "[Cài đặt âm](#)", ở trang 12.



- Để thay đổi các phím tắt được gán cho các hướng di chuyển khác nhau của phím di chuyển và các phím chọn khi ở chế độ chờ, xem phần "[Standby mode](#)" ở trang 99.
- Để thay đổi đồng hồ hiển thị khi ở chế độ chờ, chọn **Clock** > **Options** > **Settings** > **Clock type** > **Analogue** hoặc **Digital**.
- Để thay đổi âm báo thức, chọn **Clock** > **Options** > **Settings** > **Clock Alarm tone** và âm báo.
- Để thay đổi âm báo lịch, chọn **Calendar** > **Options** > **Settings** > **Calendar alarm tone** và âm báo.
- Để thay đổi lời chào cho một hình tĩnh hoặc hình động, chọn **Tools** > **Settings** > **Phone** > **General** > **Welcome note or logo**.
- Để gán một kiểu chuông riêng cho một số liên lạc, chọn **Contacts**. Xem phần "[Thêm nhạc chuông cho các số liên lạc](#)" ở trang 32.
- Để gán một số quay nhanh cho số liên lạc, bấm một phím số khi ở chế độ chờ (1 được dành riêng cho hộp thư thoại) và bấm . Bấm **Yes**, sau đó chọn một số liên lạc.
- Để sắp xếp lại menu chính, trong menu chính, chọn **Options** > **Move**, **New folder** hoặc **Move to folder**. Bạn có thể di chuyển các ứng dụng ít sử

dụng vào trong các thư mục và bố trí các ứng dụng thường dùng vào menu chính.



Cài đặt âm

Để cài đặt và tùy chỉnh kiểu chuông, âm báo có tin nhắn, và các kiểu chuông khác nhau cho các sự kiện, môi trường, hoặc nhóm người gọi đến khác nhau, bấm  và chọn **Tools > Profiles**. Bạn có thể thấy cấu hình được chọn hiện tại ở phía trên màn hình điện thoại ở chế độ chờ. Nếu cấu hình **General** đang được sử dụng, chỉ có ngày hiện tại được hiển thị.

Để thay đổi cấu hình, bấm  khi ở chế độ chờ. Di chuyển đến cấu hình bạn muốn kích hoạt và chọn **OK**.

 **Mẹo!** Khi bạn chọn một kiểu chuông, **Tone downloads** sẽ mở danh sách các chỉ mục. Bạn có thể chọn một chỉ mục và bắt đầu kết nối với trang Web để tải các kiểu chuông đó về.

Để chỉnh sửa một cấu hình, chọn **Tools > Profiles**. Di chuyển đến cấu hình và chọn **Options > Personalise**. Di chuyển đến cài đặt bạn muốn thay đổi và bấm  để mở các tùy chọn. Các kiểu chuông lưu trữ trong thẻ nhớ được chỉ báo bằng .

Xem qua danh sách kiểu chuông và lắng nghe từng kiểu chuông trước khi quyết định chọn. Bấm phím bất kỳ để ngừng âm thanh.

Để tạo một cấu hình mới, chọn **Options > Create new**.

Cấu hình offline

Cấu hình **Offline** cho phép bạn sử dụng điện thoại mà không cần kết nối mạng vô tuyến. Khi bạn kích hoạt cấu hình **Offline**, kết nối với mạng vô tuyến ở trạng thái tắt, và được chỉ báo bằng thanh chỉ báo cường độ tín hiệu . Tất cả tín hiệu điện thoại vô tuyến đi và đến điện thoại của bạn đều bị cấm. Nếu bạn cố gửi tin nhắn, chúng sẽ được đưa vào hộp thư đi để gửi sau.



Mẹo! Để biết thêm thông tin về cách thay đổi âm báo cho lịch hoặc đồng hồ, xem phần "[Cài đặt riêng điện thoại](#)" ở trang 11.



Cảnh báo: Khi sử dụng cấu hình Offline, bạn sẽ không thể gọi điện, ngoại trừ các cuộc gọi đến các số điện thoại khẩn cấp nhất định hoặc không thể sử dụng tính năng yêu cầu có mạng phủ sóng. Để gọi điện, thay đổi cấu hình kích hoạt chức năng điện thoại. Nếu máy bị khóa, bạn phải nhập mã mở khóa trước khi có thể thay đổi cấu hình và thực hiện cuộc gọi.



Cảnh báo: Bạn phải bật điện thoại để sử dụng cấu hình Offline. Không nên bật điện thoại nếu bị cấm hoặc có thể gây nhiễu sóng hoặc nguy hiểm.

Để thoát khỏi cấu hình **Offline**, chọn một cấu hình khác và chọn **Options > Activate > Yes**. Điện thoại sẽ kích hoạt lại các phiên truyền vô tuyến (với điều kiện cường độ tín hiệu đủ mạnh). Nếu một kết nối Bluetooth được kích hoạt trước khi vào cấu hình **Offline**, kết nối này sẽ bị ngắt. Kết nối Bluetooth sẽ tự động được kích hoạt trở lại sau khi thoát khỏi cấu hình **Offline**. Xem phần "**Cài đặt kết nối Bluetooth**" ở trang 90.



Truyền nội dung từ điện thoại khác

Bạn có thể sao chép số liên lạc, lịch, hình ảnh, video clip và tập tin âm thanh qua kết nối Bluetooth từ điện thoại Nokia Series 60 tương thích.

Bạn có thể sử dụng điện thoại Nokia 6680 mà không cần thẻ SIM. Cấu hình offline sẽ được tự động kích hoạt khi bạn bật nguồn điện thoại mà không gắn thẻ SIM. Chức năng này cho phép bạn sử dụng thẻ SIM trên một điện thoại khác.

Trước khi chuyển dữ liệu, bạn phải kích hoạt kết nối Bluetooth trên cả hai điện thoại. Trên từng điện thoại, bấm **⌂**, và chọn **Connect. > Bluetooth**. Chọn **Bluetooth > On**. Đặt tên cho từng điện thoại.

Để chuyển nội dung:

- 1 Bấm **⌂**, và chọn **Tools > Transfer** trên điện thoại Nokia 6680 của bạn. Thực hiện theo các hướng dẫn trên màn hình.
- 2 Điện thoại sẽ tìm các thiết bị có kết nối Bluetooth. Khi quá trình tìm kiếm kết thúc, chọn điện thoại khác trong danh sách.
- 3 Bạn sẽ được yêu cầu nhập mã trên điện thoại Nokia 6680. Nhập một mã (1-16 số) vào và chọn **OK**. Nhập cùng mã vào điện thoại kia và chọn **OK**.
- 4 Ứng dụng **Transfer** được gửi đến điện thoại khác dưới dạng tin nhắn.
- 5 Mở tin nhắn để cài đặt ứng dụng **Transfer** trên điện thoại kia và thực hiện theo các hướng dẫn trên màn hình. Ứng dụng sẽ được thêm vào menu chính.
- 6 Trong điện thoại Nokia 6680, chọn nội dung bạn muốn sao chép từ điện thoại khác.

Nội dung sẽ được sao chép từ bộ nhớ và thẻ nhớ của điện thoại khác vào điện thoại Nokia 6680 và thẻ nhớ. Thời gian sao chép tùy thuộc vào lượng dữ liệu sẽ được chuyển. Bạn có thể hủy lệnh sao chép và tiếp tục lại sau.



Hãy thay đổi cách nhìn của bạn về điện thoại

Để thay đổi giao diện màn hình điện thoại, ví dụ như hình nền, bảng màu và biểu tượng, bấm  và chọn **Tools > Themes**. Chủ đề hiện hành được chỉ báo bằng . Trong **Themes**, bạn có thể nhóm các phần tử từ các chủ đề khác nhau hoặc chọn các hình ảnh trong **Gallery** để cá nhân hóa chủ đề hơn nữa. Các chủ đề trên thẻ nhớ được chỉ báo bằng . Các chủ đề trên thẻ nhớ sẽ không có nếu bạn tháo thẻ nhớ ra khỏi điện thoại. Lưu các chủ đề vào bộ nhớ điện thoại trước khi tháo thẻ nhớ ra, hoặc lắp lại thẻ nhớ vào điện thoại để sử dụng các chủ đề.

 Các tùy chọn trong cửa sổ **Themes** chính là **Preview/Theme downloads, Apply, Edit, Help**, và **Exit**.

Để kích hoạt một chủ đề, di chuyển đến chủ đề đó và chọn **Options > Apply**.

Để xem trước một chủ đề, di chuyển đến chủ đề đó và chọn **Options > Preview**.

Để chỉnh sửa chủ đề, di chuyển đến một chủ đề và chọn **Options > Edit** để thay đổi các tùy chọn sau:

- **Wallpaper**—Hình sẽ được hiển thị dưới dạng hình nền khi ở chế độ chờ.
- **Colour palette**—Màu sắc được sử dụng trên màn hình.
- **Screen saver**—Kiểu màn hình riêng: ngày và giờ hoặc đoạn văn bản do bạn tự soạn. Xem phần Cài đặt thời gian nghỉ cho màn hình riêng ở trang 99.
- **Image in 'Go to'**—Hình nền cho ứng dụng Go to.

Để khôi phục chủ đề được chọn trở về cài đặt gốc, chọn **Options > Restore orig. theme** khi bạn chỉnh sửa một chủ đề.

Kích hoạt chế độ chờ

Sử dụng màn hình chờ để truy cập nhanh vào các ứng dụng bạn thường sử dụng.

Bấm , chọn **Tools > Settings > Phone > Standby mode > Active standby**, và bấm  để bật hoặc tắt chế độ chờ.

Màn hình chờ sẽ được hiển thị với các ứng dụng mặc định và lịch, ghi chú việc, và các sự kiện được liệt kê bên dưới.

Di chuyển đến một ứng dụng hoặc sự kiện và bấm .

Bạn không thể sử dụng các phím tắt của phím di chuyển chuẩn ở chế độ chờ khi chế độ chờ đang được kích hoạt.

- 1 Để thay đổi phím tắt của các ứng dụng mặc định, bấm , chọn **Tools > Settings > Phone > Standby mode > Active standby apps.**, và bấm .
- 2 Đánh dấu một phím tắt đến một ứng dụng và chọn **Options > Change.**
- 3 Chọn một ứng dụng mới trong danh sách và bấm .

Một số phím tắt đã được cài cố định và bạn không thể thay đổi các phím tắt này.



Điện thoại của bạn



Clock – Đồng hồ

► Các tùy chọn trong **Clock** là **Set alarm**, **Reset alarm**, **Remove alarm**, **Settings**, **Help**, và **Exit**.

Bấm , và chọn **Clock**.

Để cài âm báo mới, chọn **Options** > **Set alarm**.

Nhập giờ báo thức, và chọn **OK**. Khi âm báo được kích hoạt, chỉ báo  sẽ được hiển thị.

Để tắt âm báo, chọn **Stop**. Khi âm báo phát ra, bấm phím bất kỳ, hoặc chọn **Snooze** để ngừng âm báo trong năm phút trước khi báo lại. Bạn có thể thực hiện tối đa năm lần.

Nếu đến giờ báo thức trong khi tắt điện thoại, điện thoại sẽ tự bật và phát âm báo. Nếu bạn chọn **Stop**, điện thoại sẽ hỏi bạn có muốn khởi động để gọi điện thoại không. Chọn **No** để tắt điện thoại hoặc **Yes** để gọi và nhận cuộc gọi. Không được chọn **Yes** khi điện thoại có thể gây nhiễu sóng hoặc nguy hiểm.

Để hủy báo thức, chọn **Clock** > **Options** > **Remove alarm**.

Cài đặt đồng hồ

Để thay đổi cài đặt đồng hồ, chọn **Options** > **Settings** trong đồng hồ.

Để thay đổi dạng hiển thị đồng hồ ở chế độ chờ, di chuyển xuống và chọn **Clock type** > **Analogue** hoặc **Digital**.

Để cho phép mạng điện thoại di động cập nhật thông tin về thời gian, ngày tháng, và múi giờ cho điện thoại của bạn (dịch vụ mạng), di chuyển xuống dưới và chọn **Auto time update**. Để cài đặt **Auto time update** có tác dụng, điện thoại sẽ khởi động lại.

Để thay đổi âm báo, di chuyển xuống dưới và chọn **Clock alarm tone**.

Để thay đổi trạng thái tiết kiệm năng lượng vào ban ngày, di chuyển xuống và chọn **Daylight-saving**. Chọn **On** để thêm một giờ vào thời gian **My home city**. Xem phần **"World Clock"** ở trang 17. Khi thời gian mùa hè đã được kích hoạt, chỉ báo  sẽ được hiển thị trên màn hình chính của đồng hồ.

World Clock

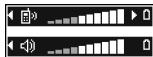
Mở **Clock**, và Bấm  để mở cửa sổ đồng hồ thế giới. Trên cửa sổ đồng hồ thế giới, bạn có thể xem giờ ở những thành phố khác nhau.

Để thêm các thành phố vào danh sách, chọn **Options > Add city**. Nhập các ký tự đầu tiên của tên thành phố vào. Trường tìm kiếm sẽ tự động xuất hiện và các thành phố tương ứng sẽ hiển thị. Chọn một thành phố. Bạn có thể thêm tối đa 15 thành phố vào danh sách.

Để cài thành phố hiện bạn đang ở, di chuyển đến một thành phố và chọn **Options > My home city**. Thành phố sẽ được hiển thị trong cửa sổ đồng hồ chính và thời gian trong điện thoại của bạn sẽ thay đổi tương ứng với thành phố được chọn. Kiểm tra xem thời gian có chính xác và khớp với múi giờ của bạn hay không.

Điều chỉnh loa và âm lượng

Để tăng hoặc giảm mức âm lượng, khi đang đàm thoại hoặc đang nghe nhạc, bấm  hoặc  tương ứng.



Loa gắn trong cho phép bạn nói và nghe điện thoại ở khoảng cách gần mà không cần phải cầm điện

thoại gần tai, ví dụ như khi bạn để điện thoại trên một cái bàn gần đó. Các ứng dụng âm thanh sử dụng loa theo mặc định.



Chú ý: Không để điện thoại gần tai khi sử dụng loa vì âm lượng loa có thể rất lớn.

- Để sử dụng loa trong một cuộc gọi, bắt đầu cuộc gọi đó và bấm .



File Manager – Chương trình quản lý tập tin

Nhiều tính năng trong điện thoại sử dụng bộ nhớ để lưu dữ liệu. Các tính năng này bao gồm danh bạ, tin nhắn, hình ảnh, kiểu chuông, lịch và ghi chú việc, tài liệu và các ứng dụng được tải về. Dung lượng bộ nhớ trống tùy thuộc vào lượng dữ liệu đã được lưu trong bộ nhớ điện thoại. Bạn có thể sử dụng thẻ nhớ làm vùng lưu trữ thêm. Các thẻ nhớ đều có thể ghi lại nhiều lần, vì vậy bạn có thể lưu và xóa dữ liệu trên thẻ.

Để trình duyệt các tập tin và thư mục lưu trong bộ nhớ điện thoại hoặc trên thẻ nhớ (nếu đang gắn vào máy), bấm , và chọn **Tools > File mgr..** Giao diện bộ nhớ điện thoại () sẽ mở ra. Bấm  để mở giao diện thẻ nhớ (.

Để di chuyển hoặc sao chép các tập tin vào thư mục, bấm  và  cùng lúc để đánh dấu tập tin và chọn **Options > Move to folder** hoặc **Copy to folder**.

Các biểu tượng trong **File mgr.**:



Thư mục



Thư mục có một thư mục con

Để tìm một tập tin, chọn **Options > Find** và bộ nhớ mà bạn sẽ dùng cho việc tìm kiếm, và nhập tên tập tin tương ứng cần tìm.



Mẹo! Bạn có thể sử dụng Nokia Phone Browser hiện có trong Nokia PC Suite để xem các bộ nhớ khác nhau trong điện thoại. Xem trong đĩa CD được cung cấp kèm theo bộ sản phẩm.

Xem mức sử dụng bộ nhớ

Để xem trong điện thoại đang có những loại dữ liệu nào và mức sử dụng bộ nhớ của mỗi loại dữ liệu, chọn **Options > Memory details**. Di chuyển xuống **Free memory** để xem dung lượng còn trống trong điện thoại.

Trong trường hợp có gắn thêm thẻ nhớ vào máy, để xác định dung lượng bộ nhớ còn trống trên thẻ nhớ, bấm  để mở cửa sổ thẻ nhớ và chọn **Options > Memory details**.

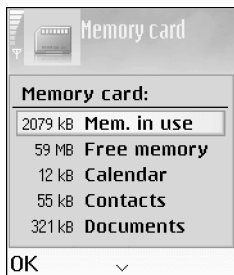
Không đủ bộ nhớ - làm trống bộ nhớ

Nếu dung lượng bộ nhớ điện thoại gần hết trong khi chức năng trình duyệt đang mở thì chức năng này sẽ tự động đóng lại để làm trống bộ nhớ. Nếu chức năng trình duyệt không mở và bộ nhớ điện thoại gần hết, điện thoại sẽ thông báo không đủ bộ nhớ và bạn phải làm giải phóng dung lượng bộ nhớ.

Để giải phóng bộ nhớ điện thoại, di chuyển dữ liệu sang thẻ nhớ bằng chương trình quản lý tập tin. Đánh dấu các tập tin sẽ được chuyển và chọn **Move to folder > Move to**, và chọn thư mục sẽ chuyển đến.

Để làm trống bộ nhớ bằng cách xóa dữ liệu, sử dụng **File mgr.** hoặc vào ứng dụng tương ứng. Ví dụ bạn có thể xóa các dữ liệu sau:

- Tin nhắn trong các thư mục **Inbox**, **Drafts**, và **Sent** trong phần **Messaging**
- Các tin nhắn e-mail đã tải về từ bộ nhớ điện thoại
- Các trang Web đã lưu
- Các tập tin âm thanh, video và hình ảnh đã lưu
- Thông tin về số liên lạc
- Ghi chú lịch
- Các ứng dụng được tải về. Xem thêm phần "**Manager**" ở trang 110.
- Tất cả các dữ liệu bạn không còn cần dùng đến nữa



Công cụ thẻ nhớ



Lưu ý: Điện thoại này sử dụng Thẻ MultiMedia Card (MMC) Reduced Size Dual Voltage (1,8/3V). Để đảm bảo khả năng hoạt động tương thích, chỉ nên sử dụng các loại thẻ MMC điện áp kép. Kiểm tra tính tương thích của thẻ MMC với nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp thẻ.

Bấm , và chọn **Tools > Memory**. Bạn có thể sử dụng thẻ nhớ làm vùng lưu trữ thêm. Bạn có thể lưu

dự phòng thông tin trong bộ nhớ điện thoại và khôi phục lại cho điện thoại sau.

Bạn không thể sử dụng thẻ nhớ nếu nắp của ngăn chứa thẻ nhớ mở.

Giữ tất cả thẻ nhớ ngoài tầm với trẻ em.

Không mở nắp ngăn chứa thẻ nhớ khi thẻ nhớ đang hoạt động. Việc mở nắp ngăn chứa thẻ có thể làm hư thẻ nhớ cũng như thiết bị và dữ liệu lưu trong thẻ nhớ có thể bị lỗi.

▲ Các tùy chọn trong công cụ dành cho thẻ nhớ là **Backup phone mem.**, **Restore from card**, **Format mem. card**, **Memory card name**, **Memory details**, **Help**, và **Exit**.

Chỉ sử dụng thẻ MMC tương thích với điện thoại này. Các loại thẻ nhớ khác, như thẻ SD sẽ không vừa với khe thẻ MMC và cũng không tương thích với điện thoại này. Sử dụng thẻ nhớ không tương thích có thể làm hư thẻ cũng như thiết bị và dữ liệu lưu trong thẻ có thể bị mất.

- Để lưu dự phòng các thông tin trên bộ nhớ điện thoại sang thẻ nhớ, chọn **Options > Backup phone mem.**
- Để khôi phục thông tin trong thẻ nhớ vào bộ nhớ điện thoại, chọn **Options > Restore from card.**

Định dạng thẻ nhớ

Khi định dạng lại thẻ nhớ, tất cả dữ liệu có trên thẻ sẽ bị mất.

 **Mẹo!** Để đổi tên thẻ nhớ, chọn **Options** > **Memory card name**.

Một số thẻ nhớ được định dạng sẵn khi bán ra nhưng một số thẻ nhớ khác yêu cầu phải định dạng. Tham khảo ý kiến người bán lẻ để xác định xem bạn có phải định dạng thẻ nhớ trước khi sử dụng hay không.

Để định dạng thẻ nhớ, chọn **Options** > **Format mem. card**. Chọn **Yes** để xác nhận. Khi quá trình định dạng kết thúc, đặt tên cho thẻ nhớ, và chọn **OK**.

Các phím tắt hữu dụng

Sử dụng phím tắt để truy cập nhanh các ứng dụng thường sử dụng trong điện thoại. Tham khảo các phần có liên quan trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này để biết thêm chi tiết về các chức năng.

Chụp hình

Trước khi chụp hình:

- Bấm **1**  để bật hoặc tắt chế độ ban đêm.

- Bấm **4**  để bật hoặc tắt chế độ chụp hình liên tục.
- Bấm **def 3** để điều chỉnh độ sáng.
- Bấm **mno 6** để điều chỉnh độ tương phản.

Sau khi chụp hình:

- Bấm **** để gửi hình **Via multimedia**, **Via e-mail** hoặc **Via Bluetooth**. Để biết thêm thông tin, xem "**Messaging**" ở trang 49 và "**Bluetooth**" ở trang 90.
- Để xóa hình, bấm **C**.
- Để chụp một hình mới, bấm **⊙**.

Quay video

Trước khi quay một đoạn video clip:

- Bấm **1**  để bật hoặc tắt chế độ ban đêm.
- Bấm **def 3** để điều chỉnh độ sáng.
- Bấm **mno 6** để điều chỉnh độ tương phản.

Sau khi quay một đoạn video clip:

- Bấm **** để gửi video **Via multimedia**, **Via e-mail** hoặc **Via Bluetooth**. Để biết thêm thông tin, xem "**Messaging**" ở trang 49 và "Kết nối **Bluetooth**" ở trang 90.
- Để xóa video, bấm **C**.
- Để quay một đoạn video mới, bấm **⊙**.

Xem hình trong Bộ sưu tập

- Bấm ***** + để chuyển giữa chế độ xem toàn màn hình và chế độ xem bình thường.
- Bấm **5** jkl để phóng to. Bấm phím này liên tục sẽ phóng to hình ở mức tối đa.
- Bấm **0** i để thu nhỏ. Bấm phím này liên tục sẽ đưa hình về chế độ bình thường.
- Sử dụng phím di chuyển, **2** abc hoặc **4** ghi, mno **6**, và **8** tuv để điều chỉnh mức phóng to/thu nhỏ hình.
- Bấm **1** op để xoay hình một góc 90 độ ngược chiều kim đồng hồ.
- Bấm **def** **3** để xoay hình một góc 90 độ theo chiều kim đồng hồ.

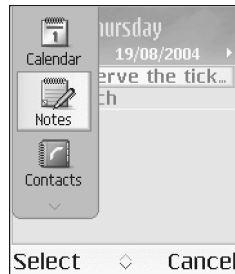
Chỉnh sửa văn bản và các danh sách

- Để đánh dấu một mục trong danh sách, di chuyển đến mục đó và bấm **⏏** và **⦿** cùng lúc.
- Để đánh dấu nhiều mục trong danh sách, bấm và giữ **⏏** trong khi bạn bấm **⦿** hoặc **⦿**. Dấu chọn sẽ được đặt kế bên mục được chọn. Để ngừng chọn, thả **⦿**, sau đó thả **⏏** ra. Khi bạn đã chọn tất cả các mục bạn muốn, bạn có thể chuyển hoặc xóa các mục này.
- Để copy và dán văn bản: Để chọn các chữ và từ, bấm và giữ phím **⏏**. Cùng lúc, bấm **⦿** hoặc **⦿**. Khi vùng chọn di chuyển, văn bản sẽ được tô

sáng. Để copy văn bản khi đang giữ **⏏**, bấm **Copy**. Để chèn văn bản vào tài liệu, bấm và giữ **⏏** và bấm **Paste**.

Chế độ chờ

- Để chuyển đổi giữa các ứng dụng đang mở, bấm và giữ **⏏**. Nếu bộ nhớ được sử dụng hết, điện thoại có thể đóng lại một số ứng dụng. Điện thoại sẽ lưu lại tất cả dữ liệu trước khi đóng ứng dụng.
- Để thay đổi cấu hình, bấm **⏏**, và chọn một cấu hình. Bấm và giữ **⏏** để chuyển giữa hai cấu hình **General** và **Silent**. Nếu bạn có hai số máy điện thoại, thao tác này cũng sẽ chuyển đổi giữa hai số máy.
- Để mở danh sách các số đã gọi mới nhất, bấm **⏏**.
- Để sử dụng lệnh thoại, bấm và giữ **⏏**.
- Để kết nối **Web**, bấm và giữ phím **⏏** **⦿**. Xem phần **"Web"** ở trang 69.



Để biết thêm các phím tắt nào sẽ hiện diện khi ở chế độ chờ, xem phần **"Kích hoạt chế độ chờ"** ở trang 14.

Khóa bàn phím (bảo vệ phím)

Sử dụng chức năng khóa bàn phím để ngăn việc tình cờ bấm phím.

- Để khóa: Khi ở chế độ chờ, bấm  , sau đó bấm  +  . Khi bàn phím bị khóa,  sẽ hiển thị trên màn hình.
- Để mở khóa: Bấm  , sau đó bấm  +  .

Khi bật chức năng khóa bàn phím, bạn chỉ có thể gọi đến các số điện thoại khẩn cấp được lập trình trong điện thoại. Nhập số điện thoại khẩn cấp rồi bấm phím  .

Để bật đèn màn hình khi bàn phím bị khóa, bấm  .

Gọi điện

Cuộc gọi thoại

 **Mẹo!** Để tăng hoặc giảm âm lượng trong khi gọi, bấm  hoặc .

- 1 Khi ở chế độ chờ, nhập số điện thoại, bao gồm cả mã vùng. Bấm  để xóa một số điện thoại. Để gọi điện quốc tế, bấm  + hai lần cho ký tự + (thay cho mã truy cập quốc tế), và nhập mã quốc gia, mã vùng (bỏ số 0 đứng trước nếu cần), và nhập số điện thoại cần gọi vào.
- 2 Bấm  để gọi số điện thoại đó.
- 3 Bấm  để ngừng cuộc gọi (hoặc hủy cuộc gọi).

 **Mẹo!** Để thay đổi số hộp thư thoại, bấm , và chọn **Tools > Voice mailbox > Options > Change number**. Nhập số vào (nhận được từ nhà cung cấp dịch vụ) và bấm **OK**.

Việc bấm  sẽ luôn kết thúc cuộc gọi, cho dù đang có một ứng dụng khác đang được kích hoạt.

Để thực hiện một cuộc gọi từ **Contacts**, bấm , và chọn **Contacts**. Di chuyển đến tên bạn muốn; hoặc nhập các ký tự đầu tiên của tên đó vào trường tìm. Các số liên lạc tương ứng sẽ được liệt kê. Bấm  để gọi điện. Chọn kiểu cuộc gọi **Voice call**.

Trước khi có thể thực hiện cuộc gọi theo cách này, bạn phải copy các số liên lạc từ thẻ SIM vào **Contacts**. Xem phần "**Sao chép số liên lạc**" ở trang 31.

Để gọi vào hộp thư thoại (dịch vụ mạng), bấm và giữ **1**  khi ở chế độ chờ. Xem thêm phần "**Call divert - Chuyển hướng cuộc gọi**" ở trang 107.

Để gọi lại số vừa gọi khi ở chế độ chờ, bấm  để truy cập danh sách 20 số điện thoại mà bạn đã gọi hoặc lần thử gọi gần nhất. Di chuyển đến số điện thoại muốn gọi và bấm  để gọi số đó.

Cuộc gọi video

Khi thực hiện cuộc gọi video, bạn có thể nhìn thấy hình ảnh hai chiều trong thời gian đàm thoại giữa bạn và người nhận cuộc gọi. Hình ảnh thu từ camera trong điện thoại của bạn sẽ được hiển thị trên màn hình của người nhận.

 **Mẹo!** Sử dụng vỏ che ống kính camera để chuyển qua lại giữa chế độ camera mặt trước và camera mặt sau. Xem phần "**Camera**" ở trang 35.

Để có thể thực hiện cuộc gọi video, bạn cần phải có thẻ USIM và đang ở trong phạm vi phủ sóng của mạng UMTS. Để biết tính khả dụng và thuê bao dịch vụ cuộc gọi video, liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Cuộc gọi video chỉ có thể được thực hiện được giữa hai thành viên. Cuộc gọi video có thể được áp dụng để gọi đến điện thoại di động tương thích hoặc một thuê bao ISDN. Cuộc gọi video không thể thực hiện được trong khi đang có cuộc gọi thoại, cuộc gọi video hoặc quá trình trao đổi dữ liệu đang diễn ra.

Biểu tượng:

 Bạn không nhận được hình video (hoặc người nhận không gửi hoặc mạng không chuyển đoạn video này).

 Bạn đã từ chối gửi tín hiệu hình ảnh từ điện thoại của bạn. Để gửi hình tĩnh thay vào đó, xem phần "Call- Cài đặt cuộc gọi" ở trang 99.

1 Để khởi động cuộc gọi video, nhập số điện thoại khi ở chế độ chờ, hoặc chọn **Contacts**, và chọn một số liên lạc. Sau đó chọn **Options > Call > Video call**.

2 Thời gian để khởi động một cuộc gọi video có thể kéo dài. Thông báo **Waiting for image** sẽ hiển thị.

Nếu cuộc gọi không thực hiện được (ví dụ như mạng không hỗ trợ cuộc gọi video, hoặc thiết bị nhận không tương thích), điện thoại sẽ yêu cầu bạn thực hiện cuộc gọi thông thường hoặc gọi tin nhắn thay vì dùng cuộc gọi video.

 **Mẹo!** Để tăng hoặc giảm âm lượng trong khi gọi, bấm  hoặc .

Cuộc gọi video có hiệu lực khi bạn có thể quan sát ảnh video của hai bên và nghe thấy âm thanh qua loa. Người nhận cuộc gọi có thể từ chối gửi hình ảnh () , và trong trường hợp này, bạn có thể nhìn thấy một hình tĩnh hoặc một hình nền màu xám. Bạn vẫn nghe được tiếng nói.



Chọn **Enable/Disable: Sending video, Sending audio** hoặc **Sending audio & video** nếu bạn muốn lựa chọn giữa việc xem hình video hoặc chỉ nghe tiếng nói.

Chọn **Zoom in** hoặc **Zoom out** để phóng to/thu nhỏ hình ảnh của bạn. Chỉ báo phóng to/thu nhỏ sẽ được hiển thị ở trên đầu màn hình.

- 3 Để kết thúc cuộc gọi video, bấm .

Quay nhanh một số điện thoại

Để gán một số điện thoại cho một trong các phím quay số nhanh (**2** abc – wxyz **9**), bấm  và chọn **Tools > Speed dial**. **1**  dùng cho hộp thư thoại.

Để gọi điện ở chế độ chờ, bấm phím quay số nhanh và .

-  **Mẹo!** Để quay nhanh một số điện thoại bằng cách bấm và giữ một phím, bấm , and select **Tools > Settings > Call > Speed dialling > On**.

Gọi điện hội nghị

- 1 Gọi điện cho thành viên thứ nhất.
- 2 Để gọi điện cho một thành viên khác, chọn **Options > New call**. Cuộc gọi đầu sẽ tự động ở trạng thái giữ.

- 3 Khi cuộc gọi mới được trả lời, để nổi thành viên đầu tiên vào cuộc gọi hội nghị, chọn **Options > Conference**.

Để thêm người mới vào cuộc gọi, lặp lại bước 2, và chọn **Options > Conference > Add to conference**. Điện thoại hỗ trợ các cuộc gọi hội nghị với tối đa sáu thành viên tham gia, kể cả bạn.

Để trò chuyện riêng với một trong các thành viên, chọn **Options > Conference > Private**. Chọn thành viên đó và bấm **Private**. Cuộc gọi hội nghị sẽ được chuyển sang trạng thái giữ. Những thành viên khác vẫn có thể tiếp tục cuộc gọi hội nghị. Khi đã kết thúc cuộc trò chuyện riêng, chọn **Options > Add to conference** để trở về cuộc gọi hội nghị.

Để loại một thành viên, chọn **Options > Conference > Drop participant**, di chuyển đến thành viên đó và chọn **Drop**.

- 4 Để kết thúc cuộc gọi hội nghị, bấm .

Trả lời hoặc từ chối cuộc gọi

Để trả lời cuộc gọi, bấm .

Để tắt âm chuông báo khi có cuộc gọi đến, chọn **Silence**.



Mẹo! Nếu nổi bộ tai nghe tương thích với điện thoại, bạn có thể trả lời và kết thúc cuộc gọi bằng cách nhấn phím tai nghe.

Nếu bạn không muốn trả lời cuộc gọi, bấm  để từ chối cuộc gọi. Người gọi sẽ nghe âm báo bận máy. Nếu bạn đã kích hoạt chức năng **Call divert > If busy** để chuyển hướng cuộc gọi, việc từ chối cuộc gọi đến cũng sẽ chuyển hướng cuộc gọi. Xem phần "**Call divert - Chuyển hướng cuộc gọi**" ở trang 107.

Khi từ chối một cuộc gọi đến, bạn cũng có thể gửi tin nhắn văn bản cho người gọi để báo lý do bạn không thể trả lời cuộc gọi. Chọn **Options > Send text message**. Bạn có thể chỉnh sửa văn bản trước khi gửi. Để thiết lập tùy chọn này và viết tin nhắn văn bản chuẩn, xem phần "**Call - Cài đặt cuộc gọi**" ở trang 99.

Nếu bạn trả lời một cuộc gọi thoại khi đang có một cuộc gọi video, cuộc gọi video sẽ bị ngắt.

Trả lời hoặc từ chối cuộc gọi video

Khi có cuộc gọi video đến, bạn có thể nhìn thấy biểu tượng .

- 1 Bấm  để trả lời cuộc gọi video. Thông báo **Allow video image to be sent to caller?** sẽ hiển thị.

Nếu bạn chọn **Yes**, hình ảnh được camera trong điện thoại của bạn chụp sẽ hiển thị trên máy của người gọi. Nếu bạn chọn **No**, hoặc không thực hiện thao tác nào, đoạn video sẽ không được gửi và bạn sẽ nghe thấy một âm báo. Một màn hình màu xám sẽ hiển thị thay thế cho hình ảnh video. Để thay màn hình màu xám bằng một hình tĩnh, xem phần "**Call - Cài đặt cuộc gọi**", **Image in video call** ở trang 99.

- 2 Để kết thúc cuộc gọi video, bấm .



Lưu ý: Mặc dù bạn đã ngăn máy gửi tín hiệu video khi sử dụng chức năng cuộc gọi video, cuộc gọi này sẽ vẫn bị tính cước như là cuộc gọi video. Kiểm tra việc tính phí với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

Call waiting (dịch vụ mạng)

Bạn có thể trả lời một cuộc gọi trong khi có một cuộc gọi khác đang diễn ra nếu bạn đã kích hoạt **Call waiting** (dịch vụ mạng) trong **Tools > Settings > Call > Call waiting**.



Mẹo! Để thay đổi nhạc chuông của điện thoại được sử dụng trong các môi trường và sự kiện khác nhau, ví dụ, khi bạn muốn tắt âm thanh của điện thoại, xem phần "**Cài đặt âm**" ở trang 12.

Để trả lời cuộc gọi chờ, bấm **↵**. Cuộc gọi đầu sẽ ở trạng thái giữ.

Để chuyển qua lại giữa hai cuộc gọi, bấm **Swap**. Chọn **Options > Transfer** để kết nối cuộc gọi đến hoặc cuộc gọi đang chờ vào cuộc gọi hiện tại và thoát ra khỏi các cuộc gọi này. Để kết thúc cuộc gọi hiện tại, bấm **↵**. Để kết thúc cả hai cuộc gọi, chọn **Options > End all calls**.

Các tùy chọn trong khi gọi

Nhiều tùy chọn mà bạn có thể sử dụng trong khi gọi là các dịch vụ mạng. Chọn **Options** khi đang gọi cho một số tùy chọn sau đây: **Mute** hoặc **Unmute**, **Answer**, **Reject**, **Swap**, **Hold** hoặc **Unhold**, **Activate handset**, **Activate loudsp.**, hoặc **Activate handsfree** (nếu bộ tai nghe Bluetooth tương thích được gắn vào), **End active call** hoặc **End all calls**, **New call**, **Conference**, và **Transfer**. Chọn một trong số các tùy chọn sau:

Replace - Để kết thúc cuộc gọi hiện tại và trả lời cuộc gọi đang chờ.

Send MMS (chỉ trong mạng UMTS)—Để gửi một hình ảnh hoặc một video trong tin nhắn đa phương tiện cho thành viên khác trong cuộc gọi. Bạn có thể chỉnh sửa tin nhắn và thay đổi người nhận trước khi gửi. Bấm **↵** để gửi tập tin đến một thiết bị tương thích (dịch vụ mạng).

Send DTMF—để gửi các chuỗi âm DTMF, ví dụ mật mã. Nhập chuỗi DTMF hoặc tìm trong Danh bạ. Để nhập ký tự chờ (**w**) hoặc ký tự tạm ngưng (**p**), bấm *** +** liên tục. Chọn **OK** để gửi âm.



Mẹo! Bạn có thể thêm âm DTMF vào các trường **Phone number** hoặc **DTMF** trong thẻ liên lạc.

Các tùy chọn trong khi gọi video

Chọn **Options** khi đang gọi video cho một số tùy chọn sau đây: **Hold** hoặc **Disable** (video, audio, hoặc cả hai), **Activate handset**, **Activate loudsp.**, hoặc **Activate handsfree** (nếu tai nghe tương thích với kết nối Bluetooth được gắn kèm), **End active call**, **Use front camera/Use back camera**, **Zoom in/Zoom out**, và **Help**.



Log – Nhật ký

Recent Call

Để quản lý các số điện thoại của các cuộc gọi bị nhỡ, đã nhận và đã gọi, bấm và chọn **Log > Recent calls**. Điện thoại chỉ ghi lại các cuộc gọi bị nhỡ và các cuộc gọi vừa nhận khi mạng hỗ trợ các chức năng này, khi điện thoại được bật và đang trong vùng phủ sóng.



Mẹo! Khi bạn thấy thông báo về các cuộc gọi bị nhỡ ở chế độ chờ, chọn **Show** để vào danh sách các cuộc gọi bị nhỡ. Để gọi lại, di chuyển đến một tên hoặc số và bấm .

Xóa danh sách các cuộc gọi gần đây – Để xóa tất cả danh sách, chọn **Options > Clear recent calls** trong cửa sổ Các cuộc gọi gần đây. Để xóa một trong các nhật ký cuộc gọi, mở nhật ký bạn muốn xóa và chọn **Options > Clear list**. Để xóa một sự kiện, mở một nhật ký, di chuyển đến sự kiện đó và bấm .

Call duration

Để theo dõi thời lượng của các cuộc gọi đến và đi, bấm , và chọn **Log > Call duration**.

Để cài màn hình hiển thị thời lượng cuộc gọi trong khi cuộc gọi đang diễn ra, chọn **Log > Options > Settings > Show call duration**. Chọn **Yes** hoặc **No**.



Lưu ý: Thời gian thực sự mà nhà cung cấp dịch vụ tính cước cho các cuộc gọi có thể khác nhau, tùy thuộc các tính năng mạng, hoàn tất việc thanh toán, v.v...

Để xóa bộ đếm thời lượng cuộc gọi, chọn **Options > Clear timers**. Để thực hiện, bạn cần phải có mã khóa máy, xem phần "**Security-Bảo mật**", "**Điện thoại và SIM**" ở trang 104.

Packet data

Để kiểm tra lượng dữ liệu đã gửi và nhận trong các kết nối dữ liệu gói, bấm , và chọn **Log > Packet data**. Ví dụ, bạn có thể phải trả phí cho những kết nối dữ liệu gói trên cơ sở lượng dữ liệu đã gửi và nhận.

Kiểm soát tất cả các sự kiện liên lạc

Các biểu tượng trong **Log**:



Sự kiện đến



Sự kiện đi



Các sự kiện liên lạc bị nhỡ

Để kiểm soát tất cả các cuộc gọi, tin nhắn văn bản hoặc kết nối dữ liệu đã được điện thoại ghi lại, bấm , chọn **Log**, và bấm  để mở nhật ký chung. Đối với từng sự kiện liên lạc, bạn có thể xem tên của người gửi hoặc nhận, số điện thoại, tên nhà cung cấp dịch vụ, hoặc điểm truy cập. Bạn có thể lọc nhật ký chung để chỉ xem một loại sự kiện và tạo các thẻ liên lạc mới dựa trên thông tin được lưu lại.



 **Mẹo!** Để xem danh sách các tin nhắn đã gửi, bấm , và chọn **Messaging > Sent**.

Các sự kiện phụ, ví dụ như tin nhắn văn bản đã được gửi thành nhiều phần và nhiều phiên kết nối dữ liệu, sẽ được ghi lại dưới dạng sự kiện liên lạc. Các kết nối vào hộp thư thoại, trung tâm nhắn tin đa phương tiện hoặc trang Web sẽ được hiển thị dưới dạng các phiên kết nối dữ liệu gói.



Lưu ý: Khi gửi tin nhắn, điện thoại sẽ hiển thị thông báo **Sent**. Thông báo này cho biết điện thoại đã gửi tin nhắn đến số trung tâm nhắn tin được lập trình trong điện thoại. Điều này không cho biết nơi dự định gửi đến đã nhận được tin nhắn hay chưa. Để biết thêm chi tiết về dịch vụ tin nhắn, xin kiểm tra với nhà cung cấp dịch vụ.

Để lọc nhật ký, chọn **Options > Filter** và một bộ lọc.

Để xóa nội dung nhật ký, nhật ký các cuộc gọi mới nhất và các báo cáo gửi tin nhắn cố định, chọn **Options > Clear log**. Chọn **Yes** để xác nhận.

Để cài **Log duration**, chọn **Options > Settings > Log duration**. Các sự kiện sẽ được lưu giữ trong bộ nhớ điện thoại trong một số ngày nhất định, sau đó chúng sẽ bị xóa để làm trống bộ nhớ. Nếu bạn chọn **No log**, tất cả nội dung, nhật ký cuộc gọi mới nhất và báo cáo gửi tin nhắn sẽ bị xóa vĩnh viễn.

Bộ đếm dữ liệu gói và thời gian kết nối: Để xem có bao nhiêu dữ liệu, được đo bằng kb, đã được truyền và thời lượng của phiên kết nối dữ liệu gói, di chuyển đến một sự kiện đến hoặc đi được chỉ báo bằng **Pack.**, và chọn **Options > View details**.



Contacts (Danh bạ)

Bấm và chọn **Contacts**. Trong **Contacts**, bạn có thể thêm vào kiểu chuông riêng, khẩu lệnh hoặc một hình ảnh dạng thu nhỏ vào thẻ liên lạc. Bạn cũng có thể tạo các nhóm liên lạc, cho phép bạn gửi tin nhắn văn bản hoặc e-mail đến nhiều người nhận cùng lúc. Bạn có thể thêm các thông tin liên lạc đã nhận được (danh thiếp) vào danh bạ. Xem phần "**Dữ liệu và các thông số cài đặt**" ở trang 57. Bạn chỉ có thể gửi hoặc nhận thông tin liên lạc từ các thiết bị tương thích.

► Các tùy chọn trong **Contacts** là **Open**, **Call**, **Create message**, **New contact**, **Open conversation**, **Edit**, **Delete**, **Duplicate**, **Add to group** (sẽ hiển thị nếu bạn đã tạo một nhóm), **Belongs to groups** (sẽ hiển thị nếu bạn đã tạo một nhóm), **Mark/Unmark**, **Copy**, **SIM contacts**, **Go to web address**, **Send**, **Contacts info**, **Help**, và **Exit**.

Lưu tên và số điện thoại

- 1 Chọn **Options > New contact**.
- 2 Điền vào các trường theo ý bạn và bấm **Done**.

► Các tùy chọn khi chỉnh sửa thẻ liên lạc: **Add thumbnail**, **Remove thumbnail**, **Add detail**, **Delete detail**, **Edit label**, **Help**, và **Exit**.

Để chỉnh sửa thẻ liên lạc trong **Contacts**, di chuyển đến thẻ liên lạc bạn muốn chỉnh sửa và chọn **Options > Edit**.

Để xóa một thẻ liên lạc trong **Contacts** chọn một thẻ, và bấm . Để xóa nhiều thẻ liên lạc cùng lúc, bấm và để chọn các số liên lạc và bấm để xóa.

Mẹo! Để tạo thêm và hiệu chỉnh các thẻ liên lạc, sử dụng ứng dụng Nokia Contacts Editor trong Nokia PC Suite. Xem trong đĩa CD được cung cấp kèm theo điện thoại.

Để đính kèm hình ảnh dưới dạng thu nhỏ vào thẻ liên lạc, mở thẻ liên lạc và chọn **Options > Edit > Options > Add thumbnail**. Hình ảnh dạng thu nhỏ sẽ được hiển thị khi có người gọi cho bạn.

Các số điện thoại và địa chỉ mặc định

Bạn có thể gán các số điện thoại hoặc địa chỉ mặc định vào thẻ liên lạc. Bằng cách này, nếu một đối tượng liên lạc sử dụng nhiều số điện thoại hoặc địa chỉ, bạn có thể dễ dàng gọi đi hay gửi tin nhắn đến đối tượng đó qua một số điện thoại hoặc địa chỉ nhất định.

- 1 Trong danh bạ, hãy chọn một số liên lạc và bấm .
- 2 Chọn **Options** > **Defaults**.
- 3 Chọn một mục mặc định mà bạn sẽ thêm số điện thoại hoặc địa chỉ vào, và chọn **Assign**.
- 4 Chọn một số điện thoại hoặc địa chỉ để cài làm giá trị mặc định.

Số điện thoại hoặc địa chỉ mặc định được trình bày dưới dạng các chữ gạch dưới trong thẻ liên lạc.

Sao chép số liên lạc

-  **Mẹo!** Để gửi thông tin về số liên lạc, chọn thẻ mà bạn muốn gửi. Chọn **Options** > **Send** > **Via text message**, **Via multimedia**, hoặc **Via Bluetooth**. Xem phần "**Messaging**" ở trang 49 và phần "**Gửi dữ liệu qua kết nối Bluetooth**" ở trang 91.
- Để sao chép các tên và số điện thoại từ thẻ SIM vào điện thoại của bạn, bấm , và chọn **Contacts** > **Options** > **SIM contacts** > **SIM directory**. Chọn tên bạn muốn sao chép và chọn **Options** > **Copy to Contacts**.

- Để copy số điện thoại, số fax hoặc số máy nhắn tin từ danh bạ vào thẻ SIM, chọn **Contacts** và mở một thẻ liên lạc. Di chuyển đến số điện thoại và chọn **Options** > **Copy** > **To SIM directory**.



Mẹo! Bạn có thể đồng bộ các số liên lạc với máy PC tương thích bằng Nokia PC Suite. Xem trong đĩa CD được cung cấp kèm theo điện thoại của bạn.

Danh mục SIM và các dịch vụ SIM khác



Lưu ý: Để biết tính khả dụng, giá cả và thông tin về việc sử dụng dịch vụ SIM, liên hệ với đại lý thẻ SIM (nhà điều hành mạng, nhà cung cấp dịch vụ hoặc đại lý khác).

Bấm , và chọn **Contacts** > **Options** > **SIM contacts** > **SIM directory** để xem các tên và số điện thoại được lưu trên thẻ SIM. Trong danh mục SIM, bạn có thêm, chỉnh sửa hoặc copy các số điện thoại vào danh bạ và bạn có thể thực hiện cuộc gọi.

Thêm nhạc chuông cho các số liên lạc

Khi số liên lạc hoặc thành viên của nhóm đó gọi cho bạn, điện thoại sẽ phát kiểu chuông được chọn (nếu số điện thoại của người gọi được gửi cùng với cuộc gọi và điện thoại của bạn nhận ra số này).



Mẹo! Quay số nhanh là một cách nhanh chóng để gọi đến các số điện thoại thường được sử dụng. Bạn có thể gán các phím quay số nhanh cho tám số điện thoại. Xem phần ["Quay nhanh một số điện thoại"](#) ở trang 25.

- 1 Bấm để mở thẻ liên lạc, hoặc vào danh sách nhóm và chọn một nhóm liên lạc.
- 2 Bấm **Options > Ringing tone**. Danh sách các kiểu chuông sẽ mở ra.
- 3 Chọn kiểu chuông bạn muốn sử dụng cho số liên lạc riêng hoặc nhóm được chọn.

Để xóa kiểu chuông, chọn **Default tone** trong danh sách các kiểu chuông.

Quay số bằng khẩu lệnh

Bạn có thể gọi điện bằng cách đọc khẩu lệnh đã được gán cho một thẻ liên lạc. Bất kỳ từ nào được nói ra đều có thể là khẩu lệnh.

Trước khi sử dụng khẩu lệnh, hãy lưu ý các điểm sau:

- Khẩu lệnh không tùy thuộc vào ngôn ngữ mà tùy thuộc vào giọng người nói.
- Bạn phải đọc tên chính xác như khi ghi âm khẩu lệnh.
- Khẩu lệnh rất nhạy với tiếng ồn xung quanh. Ghi âm khẩu lệnh và sử dụng chúng trong môi trường yên tĩnh.
- Không chấp nhận các tên quá ngắn. Sử dụng các tên dài và tránh các tên tương tự cho các số điện thoại khác nhau.



Lưu ý: Sử dụng khẩu lệnh có thể gặp khó khăn trong một môi trường ồn ào hoặc trong trường hợp khẩn cấp, vì thế bạn không nên chỉ dựa vào chức năng quay số bằng khẩu lệnh trong mọi trường hợp.

Thêm khẩu lệnh

 **Ví dụ:** Bạn có thể sử dụng tên của một người làm khẩu lệnh (ví dụ "John's mobile").

Mỗi thẻ liên lạc chỉ có thể có một khẩu lệnh. Bạn có thể thêm khẩu lệnh cho tối đa 50 số điện thoại.

- 1 Trong **Contacts**, mở thẻ liên lạc mà bạn muốn cài đặt khẩu lệnh.
- 2 Di chuyển đến số điện thoại bạn muốn cài khẩu lệnh, và chọn **Options > Add voice tag**.

 **Mẹo!** Để xem danh sách các khẩu lệnh bạn đã xác định, chọn **Contacts > Options > Contacts info > Voice tags**.

- 3 Chọn **Start** để ghi âm khẩu lệnh. Sau âm báo, đọc rõ những từ bạn muốn ghi âm làm khẩu lệnh. Chờ đến khi điện thoại phát lại khẩu lệnh đã ghi và lưu lại khẩu lệnh.  sẽ được hiển thị bên cạnh số điện thoại trong thẻ liên lạc, cho biết liên lạc đã được gán khẩu lệnh.

Gọi điện bằng khẩu lệnh

Bạn phải đọc khẩu lệnh chính xác như khi ghi âm khẩu lệnh. Khi bạn gọi điện bằng khẩu lệnh, chế độ loa sẽ được kích hoạt. Giữ điện thoại ở khoảng cách gần và phát âm khẩu lệnh rõ ràng.

Bấm và giữ . Một âm ngắn sẽ phát ra và thông báo **Speak now** sẽ hiển thị. Điện thoại sẽ phát khẩu lệnh gốc, hiển thị tên và số điện thoại, và quay số điện thoại ứng với khẩu lệnh được gán.

 **Mẹo!** Để nghe, thay đổi hoặc xóa khẩu lệnh, mở thẻ liên lạc và di chuyển đến số điện thoại đã được gán khẩu lệnh (được chỉ báo bằng ). Chọn **Options > Voice tags > Playback, Change**, hoặc **Delete**.

Tạo các nhóm liên lạc

- 1 Trong **Contacts**, bấm  để mở danh sách nhóm.
- 2 Chọn **Options > New group**.
- 3 Nhập tên cho nhóm hoặc sử dụng tên mặc định **Group**, và chọn **OK**.
- 4 Mở nhóm, và chọn **Options > Add members**.
- 5 Di chuyển đến một số liên lạc và bấm  để chọn số liên lạc đó. Để thêm cùng lúc nhiều thành viên, lặp lại thao tác này với tất cả các số liên lạc bạn muốn.
- 6 Chọn **OK** để thêm các số liên lạc vào nhóm.

Để đổi tên nhóm, chọn **Options > Rename**, nhập vào tên mới, và chọn **OK**.



Các tùy chọn trong cửa sổ danh sách nhóm là **Open**, **New group**, **Delete**, **Rename**, **Ringtone**, **Contacts info**, **Settings**, **Help**, và **Exit**.

Xóa thành viên khỏi nhóm

- 1 Trong danh sách nhóm, mở nhóm bạn muốn sửa đổi.
- 2 Di chuyển đến số liên lạc, và chọn **Options** > **Remove from group**.
- 3 Chọn **Yes** để xóa số liên lạc ra khỏi nhóm.



Mẹo! Để kiểm tra một số liên lạc đang thuộc nhóm nào, di chuyển đến số liên lạc, và chọn **Options** > **Belongs to groups**.

Camera và Gallery



Camera

Điện thoại Nokia 6680 có hai camera, một camera với độ phân giải cao nằm ở mặt sau của điện thoại, và camera với độ phân giải thấp hơn trên nằm ở mặt trước của điện thoại. Cả hai đều có chức năng chụp ảnh và quay phim.

Mở nắp che ống kính camera ở mặt sau của điện thoại để kích hoạt camera ở mặt sau, hoặc bấm  ở chế độ chờ để kích hoạt camera ở mặt trước (camera ở mặt sau chỉ được kích hoạt khi nắp che camera được mở ra).

 **Mẹo!** Thao tác mở nắp camera cũng đồng thời kích hoạt mở khóa bàn phím. Thao tác đóng nắp camera sẽ khóa bàn phím nếu đã cài chức năng này trước khi mở nắp.

Ứng dụng **Camera** được khởi động khi camera được kích hoạt và bạn có thể quan sát hình ảnh trước khi chụp. Bấm  hoặc  để di chuyển giữa các cửa sổ **Image** và **Video**.

Sử dụng nắp che ống kính camera để chuyển qua lại giữa hai camera. Với nắp che ống kính camera

mở, camera ở mặt sau sẽ được sử dụng. Với nắp che ống kính camera đóng, camera mặt trước sẽ được sử dụng; hoặc chọn **Options > Use front camera** hoặc **Use back camera** để chuyển đổi giữa hai camera.

Trong **Camera**, bạn có thể chụp hình và quay phim. Các hình ảnh và đoạn video clip đã quay sẽ được tự động lưu vào ứng dụng **Gallery**. Camera sẽ tạo các hình ảnh JPEG và các video clip được thu lại dưới dạng 3GPP với phần mở rộng .3GP. Bạn cũng có thể gửi các hình ảnh hoặc video dưới dạng tin nhắn đa phương tiện, dạng đính kèm e-mail hoặc sử dụng kết nối Bluetooth.

 **Mẹo!** Bạn có thể chèn hình vào danh thiếp. Xem phần "**Lưu tên và số điện thoại**" ở trang 30.

Điện thoại Nokia 6680 hỗ trợ hình chụp với độ phân giải lên đến 1280 x 960 pixel sử dụng camera ở mặt sau. Độ phân giải hình ảnh hiển thị trong tài liệu có thể khác với thực tế.

Chụp hình

Bấm hoặc để di chuyển giữa các cửa sổ **Image** và **Video**. Mở cửa sổ **Image**.

Các tùy chọn trước khi chụp hình là **Capture**, **New**, **Flash** (chỉ dành cho camera mặt sau), **Use front camera/Use back camera**, **Activate night mode/Deact. night mode**, **Sequence mode/Normal mode**, **Self-timer**, **Go to Gallery**, **Adjust**, **Settings**, **Help**, và **Exit**.

Các chỉ báo camera cho biết các thông tin sau:

- Chỉ báo bộ nhớ điện thoại () và thẻ nhớ () (1) cho biết nơi lưu trữ các hình ảnh.
- Chỉ báo hình ảnh (2) ước lượng số lượng hình ảnh, tùy vào chất lượng hình ảnh đã chọn, có thể lưu vừa đủ chứa trong bộ nhớ còn trống của điện thoại hoặc thẻ nhớ của bạn.
- Chỉ báo độ phóng hình (3) cho thấy mức độ phóng hình. Bấm để phóng to và bấm để thu nhỏ.
- Chỉ báo flash (4) cho biết chế độ đèn flash là **On** () , **Off** () , hoặc **Automatic** (không có biểu tượng).



- Chỉ báo chế độ ban đêm (5) cho biết chế độ ban đêm đang được sử dụng.
- Chỉ báo chế độ liên tiếp (6) cho biết chế độ liên tiếp đã được kích hoạt. Xem phần "[Chụp hình liên tiếp](#)" ở trang 37.
- Chỉ báo chụp tự động (7) cho biết thời gian đặt giờ chụp tự động. Xem phần "[Chụp hình cho chính bạn—chức năng chụp tự động](#)" ở trang 37.

Các phím tắt bao gồm:

- Bấm **1** để bật hoặc tắt chế độ ban đêm.
- Bấm **4** để bật hoặc tắt chế độ liên tiếp.
- Bấm **def 3** để điều chỉnh độ sáng.
- Bấm **mno 6** để điều chỉnh độ tương phản.

Để chụp hình, bấm . Không nên để điện thoại chuyển động trước khi chụp ảnh. Hình chụp sẽ được tự động lưu vào thư mục **Images** trong phần **Gallery**. Xem phần "[Gallery](#)" ở trang 40.

Việc lưu lại ảnh chụp có thể mất nhiều thời gian hơn nếu bạn thay đổi các cài đặt của tính năng phóng hình, ánh sáng, hoặc màu sắc.

Khi chụp hình, bạn nên lưu ý những vấn đề sau:

- Nên sử dụng cả hai tay để giữ camera yên.
- Để chụp hình hoặc quay video trong môi trường tối, hãy sử dụng chế độ ban đêm. Nếu bạn đang sử dụng chế độ chụp ban đêm, thời gian phơi

sáng sẽ dài hơn và bạn cần giữ yên camera lâu hơn.

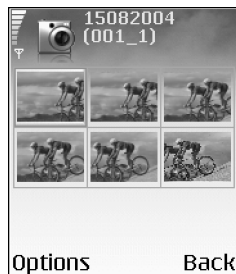
- Để điều chỉnh độ sáng đèn và màu sắc trước khi chụp hình, chọn **Options > Adjust > Brightness, Contrast, White balance** (chỉ dành cho camera mặt sau), hoặc **Colour tone** (chỉ dành cho camera mặt sau). Xem phần "**Hiệu chỉnh ánh sáng và màu sắc**" ở trang 38.
- Chất lượng hình ảnh đã phóng to sẽ thấp hơn khi chưa phóng, nhưng kích thước hình ảnh vẫn không đổi. Bạn có thể để ý thấy sự khác biệt về chất lượng hình ảnh khi quan sát chúng trên máy tính.
- **Camera** sẽ chuyển sang chế độ tiết kiệm pin nếu không có phím nào được bấm trong 1 phút. Để tiếp tục chụp hình, bấm **⏻**.

Sau khi chụp ảnh, bạn nên lưu ý các vấn đề sau:

- Nếu bạn không muốn giữ hình lại, bấm **⏻**.
- Để trở về chế độ kính ngắm để chụp hình mới, bấm **⏻**.
- Để gửi hình **via Bluetooth, via e-mail, hoặc Via multimedia**, bấm **↵**. Để biết thêm thông tin, xem phần "**Messaging**" ở trang 49 và "**Bluetooth**" ở trang 90.
- Để sử dụng hình ảnh làm hình nền trong chế độ chờ, chọn **Options > Set as wallpaper**.

Chụp hình liên tiếp

Chọn **Options > Sequence mode** để chụp sáu hình liên tiếp. Sau khi chụp, máy sẽ tự động lưu chúng vào trong **Gallery**, và sẽ hiển thị chúng dưới dạng lưới hình ảnh.



Chụp hình cho chính bạn—chức năng chụp tự động

Sử dụng chế độ nhập tự động để làm chậm quá trình chụp ảnh và do đó bạn có thể tự chụp ảnh của mình. Để cài thời gian chờ chụp tự động, chọn **Options > Self-timer > 10 seconds, 20 seconds, hoặc 30 seconds**. Chọn **Activate**. Chỉ báo chụp tự động (**⏻**) sẽ nhấp nháy và điện thoại phát những tín hiệu bíp trong khoảng thời gian chờ chụp. Camera sẽ chụp hình sau khi hết thời gian đã định.

Đèn flash

Camera mặt sau được trang bị đèn flash để chụp hình trong điều kiện ánh sáng yếu. Các chế độ đèn flash gồm: **On**, **Off**, và **Automatic**.

Chọn **Options > Flash > On** để dùng đèn flash.

Nếu đèn flash được cài ở chế độ **Off** hoặc **Automatic** trong điều kiện đủ ánh sáng, đèn flash vẫn phát ra luồng sáng cường độ thấp khi chụp ảnh. Điều này cho phép đối tượng được chụp hình biết được khi nào chụp xong. Không có hiệu ứng flash nào trên ảnh sau khi chụp.

Hiệu chỉnh ánh sáng và màu sắc

Để cho phép camera tái hiện màu sắc và ánh sáng trung thực hơn, hoặc để thêm các hiệu ứng vào hình ảnh hoặc phim, chọn **Options > Adjust**, và chọn một trong các tùy chọn sau:

Brightness—Di chuyển sang trái và phải để chọn độ sáng thích hợp.

Contrast—Di chuyển sang trái và phải để chọn độ tương phản thích hợp.

White balance (chỉ dành cho camera mặt sau)—Chọn điều kiện ánh sáng hiện tại trong danh sách.

Điều này cho phép camera tái hiện màu sắc trung thực hơn.

Colour tone (chỉ dành cho camera mặt sau)—Chọn hiệu ứng màu trong danh sách.

Bất kỳ thay đổi nào cũng được thể hiện một cách tương ứng qua màn hình, giúp bạn quan sát được kết quả cuối cùng của hình ảnh hoặc phim.

Điều chỉnh thông số cài đặt camera

- 1 Chọn **Options > Settings > Image**.
- 2 Di chuyển đến cài đặt bạn muốn thay đổi:
Image quality— **High**, **Normal**, và **Basic**. Chất lượng hình ảnh càng cao, càng cần nhiều dung lượng bộ nhớ. Chất lượng hình ảnh đã phóng to sẽ thấp hơn khi chưa phóng, nhưng kích thước hình ảnh vẫn không đổi. Bạn có thể nhận thấy sự khác biệt khi xem trên máy PC. Nếu bạn muốn in hình, chọn chất lượng hình **High** hoặc **Normal**.
Show captured image—Chọn **Yes** nếu bạn muốn xem hình đã chụp sau khi chụp hoặc chọn **No** nếu bạn muốn tiếp tục chụp hình ngay.
Image resolution (chỉ dành cho camera mặt sau)—Chọn độ phân giải bạn muốn sử dụng cho các hình sẽ chụp.
Chú giải: Độ phân giải là một giá trị đo độ sắc nét và độ rõ của một hình ảnh. Độ phân giải nói đến

số lượng điểm ảnh (pixel) trong một hình. Càng nhiều điểm ảnh, hình càng chi tiết và càng chiếm nhiều bộ nhớ.

Default image name—Đặt tên mặc định cho hình mà bạn sẽ chụp. Bạn có thể thay ngày tháng bằng tên hình riêng của bạn (ví dụ 'Holiday_2004').

Memory in use— Chọn nơi lưu hình ảnh của bạn.

Quay phim

Bấm  hoặc  để di chuyển giữa các cửa sổ **Image** và **Video**. Mở giao diện **Video**.

 Các tùy chọn trước khi quay phim là **Record**, **New**, **Use front camera/Use back camera**, **Activate night mode/Deact. night mode**, **Mute/Unmute**, **Go to Gallery**, **Adjust**, **Settings**, **Help**, và **Exit**.

Các chỉ báo máy quay phim cho biết các thông tin sau:

- Chỉ báo bộ nhớ điện thoại () và thẻ nhớ () (1) cho biết nơi lưu trữ các đoạn phim video.
- Chỉ báo chiều dài đoạn phim video hiện



thời (2) hiển thị thời gian đã dùng và thời gian còn lại.

- Chỉ báo độ phóng hình (3) cho thấy mức độ phóng hình. Bấm  để phóng to chủ thể trước khi hoặc trong khi quay video. Bấm  để thu nhỏ.
- Chỉ báo micro (4) cho biết micro đã được tắt tiếng.
- Chỉ báo chế độ ban đêm (5) cho biết chế độ ban đêm đang được sử dụng.

Các phím tắt bao gồm:

- Bấm **1**  để bật hoặc tắt chế độ ban đêm.
- Bấm **def** **3** để điều chỉnh độ sáng.
- Bấm **mno** **6** để điều chỉnh độ tương phản.

Để điều chỉnh độ sáng đèn và màu sắc trước khi chụp hình, chọn **Options** > **Adjust** > **Brightness**, **Contrast**, **White balance** (chỉ dành cho camera mặt sau), hoặc **Colour tone** (chỉ dành cho camera mặt sau). Xem phần "[Hiệu chỉnh ánh sáng và màu sắc](#)" ở trang 38.

Bấm  để bắt đầu quay phim. Ký hiệu quay  sẽ xuất hiện. Nếu bạn sử dụng camera ở mặt sau để quay phim, tín hiệu nhấp nháy từ đèn LED cho biết máy đang ghi lại hình ảnh. Không có hiệu ứng flash nào trên ảnh sau khi quay.

Để tạm ngưng quay phim bất kỳ lúc nào, bấm . Ký hiệu tạm ngưng  bắt đầu nhấp nháy trên màn hình Bấm  một lần nữa để tiếp tục quay phim.

Quá trình quay video tự động ngừng nếu quá trình quay được cài sang trạng thái tạm ngưng và bạn không bấm phim nào trong khoảng một phút.

Chọn **Stop** để ngừng quay phim. Đoạn video clip sẽ được tự động lưu vào thư mục **Video clips** trong phần **Gallery**. Xem phần "**Gallery**" ở trang 40.

Sau khi đã quay một đoạn phim video clip:

- Để phát lại ngay đoạn video clip mà bạn vừa quay, chọn **Options** > **Play**.
- Nếu bạn không muốn giữ lại đoạn phim, bấm .
- Để trở về chế độ kính ngắm để quay đoạn phim mới, bấm .
- Để gửi đoạn phim **via Bluetooth**, **via e-mail**, hoặc **Via multimedia**, bấm . Để biết thêm thông tin, xem phần "**Messaging**" ở trang 49 và "**Bluetooth**" ở trang 90.

Điều chỉnh các cài đặt máy quay video

Chọn **Options** > **Settings** > **Video** và chọn các cài đặt bạn muốn thay đổi:

Length—Nếu bạn chọn **Maximum**, thời gian quay sẽ giới hạn ở khoảng một giờ với không gian hiện có cho mỗi đoạn phim. Bạn không thể gửi các đoạn video clip dạng này bằng tin MMS, do các tính chất của việc quay phim. Chọn **Short** để quay các đoạn video clip có dung lượng lên đến 300kB, (tương đương khoảng 30 giây) để bạn có thể dễ dàng gửi các đoạn phim này dưới dạng tin nhắn đa phương tiện đến một thiết bị tương thích khác. Tuy nhiên, một số mạng chỉ hỗ trợ gửi các tin nhắn đa phương tiện với kích thước tối đa 100 kB.

Video resolution— Chọn 128x196 hoặc 176x144.

Default video name—Xác định một tên mặc định.

Memory in use—Xác định bộ nhớ lưu trữ mặc định, bộ nhớ điện thoại hoặc thẻ nhớ.



Gallery

Để lưu và sắp xếp các hình ảnh, tập tin âm thanh, danh mục bài hát, đoạn video clip, liên kết xem các nội dung phát trực tuyến, và các tập tin .ram, bấm , và chọn **Gallery**.

Chọn **Images** , **Video clips** , **Tracks** , **Sound clips** , **Links** , hoặc **All files** , và bấm  để mở hình đó ra.

Bạn có thể trình duyệt, mở và tạo các thư mục, đánh dấu chọn, sao chép và chuyển các mục vào thư mục. Các file âm thanh, đoạn phim video clip, tập tin .ram và các liên kết trực tuyến sẽ được mở và phát trong ứng dụng RealPlayer. Xem phần "RealPlayerTM" ở trang 46.

 **Mẹo!** Bạn có thể truyền hình ảnh từ điện thoại của bạn đến một máy PC tương thích bằng trình Nokia Phone Browser có sẵn trong phần mềm Nokia PC Suite. Xem trong đĩa CD được cung cấp cùng với điện thoại.

 **Mẹo!** Bạn có thể truyền tải các tập tin âm nhạc từ điện thoại vào thẻ nhớ bằng ứng dụng Nokia Audio Manager trong bộ phần mềm Nokia PC Suite. Xem trong đĩa CD được cung cấp cùng với điện thoại.

Bấm  để mở một tập tin hoặc thư mục. Hình ảnh được mở bằng trình xem hình ảnh. Xem phần "Xem hình ảnh" ở trang 41.

Để sao chép hoặc di chuyển các tập tin đến thẻ nhớ hoặc đến bộ nhớ điện thoại, chọn một tập tin và chọn **Options > Organise > Copy to memory card/ Move to memory card** hoặc **Copy to phone mem./ Move to phone mem..** Các tập tin lưu trữ trong thẻ nhớ được chỉ báo bằng .

Để tải tập tin về **Gallery** trong một trong các thư mục chính bằng trình duyệt, chọn  **Graphic downs., Video downs., Track downs.,** hoặc **Sound downs..** Trình duyệt sẽ mở ra và bạn có thể chọn một chỉ mục của trang sẽ tải về.

Tìm một tập tin và chọn **Options > Find**. Bắt đầu bằng cách nhập vào chuỗi ký tự để tìm kiếm (ví dụ như tên hoặc ngày tháng của tập tin đang cần tìm). Các tập tin phù hợp với điều kiện tìm kiếm sẽ được hiển thị.

Xem hình ảnh

Hình ảnh chụp bằng **Camera** sẽ được lưu trong **Gallery**. Bạn cũng có thể nhận được hình ảnh dưới dạng tin nhắn đa phương tiện, dạng tập tin đính kèm e-mail, hoặc qua kết nối Bluetooth. Để có thể xem một hình ảnh đã nhận được trong bộ sưu tập, bạn cần lưu hình vào bộ nhớ máy hoặc thẻ nhớ.

Mở thư mục **Images**  trong **Gallery** để bắt đầu xem hình, chọn một hình và bấm  để xem hình đó.

 Các tùy chọn khi xem ảnh là **Send, Set as wallpaper, Rotate, Zoom in/Zoom out, Full screen, Delete, Rename, View details, Add to 'Go to', Help,** và **Exit**.

Để xoay hình, chọn **Options > Rotate**. Bấm và giữ  để trở về giao diện bình thường.

Để phóng ảnh, chọn **Options > Zoom in** hoặc **Zoom out**. Bạn có thể thấy tỉ lệ phóng ở phía trên màn hình. Tỉ lệ sẽ không được lưu cố định.

Để xem các phần khác của hình ảnh, chọn **Options > Full screen**. Các thanh công cụ xung quanh ảnh sẽ bị loại bỏ. Để dịch chuyển tiêu điểm khi đang phóng to hoặc thu nhỏ hoặc đang xem ảnh trong chế độ toàn màn hình, sử dụng phím di chuyển.

Imaging



Video Editor

Để tạo các đoạn video clip theo ý muốn, bấm , và chọn **Imaging > Vid. editor**. Để hiệu chỉnh các đoạn video kết hợp và cắt cảnh các đoạn video clip và thêm vào các tập tin âm thanh, các đoạn chuyển cảnh và hiệu ứng. Chuyển cảnh là các hiệu ứng hình ảnh mà bạn có thể thêm vào khi bắt đầu và kết thúc đoạn phim hoặc giữa các đoạn video clip.

Biên tập đoạn video, âm thanh, và đoạn chuyển cảnh

- 1 Đánh dấu và chọn một hoặc nhiều đoạn video clip.
- 2 Chọn **Options > Edit**. Trong màn hình biên tập video, bạn có thể chèn các đoạn video clip để tạo đoạn phim tùy chỉnh và biên tập các đoạn phim bằng cách cắt cảnh và thêm hiệu ứng. Bạn có thể thêm sound clip và thay đổi thời lượng của đoạn phim. Bấm  và  để chuyển giữa đoạn video clip và tập tin âm thanh.



Mẹo! Để chụp hình các cảnh trong đoạn video, chọn **Options > Take snapshot** trong màn hình trình chiếu, màn hình xem trước, hoặc trong màn hình cắt hình.

Để biên tập đoạn video, chọn một trong các tùy chọn sau:

Preview—Để xem trước đoạn video clip của bạn.
Cut—Để bố trí các đoạn video clip hoặc tập tin âm thanh trong màn hình video clip đã cắt hoặc tập tin âm thanh đã cắt.

Insert

- **Video clip**—Để chèn đoạn video clip đã chọn. Màn hình chính sẽ hiển thị một hình thu nhỏ ứng với đoạn video clip. Hình thu nhỏ chính là cảnh phim có hình đầu tiên của đoạn video clip đó. Tên và chiều dài của đoạn video clip được chọn cũng được hiển thị.
- **Sound clip**—Chèn tập tin âm thanh được chọn. Tên và chiều dài của tập tin âm thanh đã chọn cũng được hiển thị trong màn hình chính.
- **New sound clip**—Ghi âm tập tin âm thanh mới vào vị trí đã chọn.

Edit video clip:

- **Move**—Để di chuyển đoạn video clip đến vị trí đã chọn.
- **Add colour effect**—Chèn hiệu ứng màu cho đoạn video clip.
- **Use slow motion**—Làm giảm tốc độ chiếu của đoạn video clip.
- **Mute sound/Unmute sound**—Tắt hoặc mở âm thanh của đoạn video clip gốc.
- **Remove**—Xóa đoạn video clip khỏi video.
- **Duplicate**—Để tạo bản sao của đoạn video clip được chọn.

Edit sound clip: (chỉ có khi bạn đã chèn tập tin âm thanh)

- **Move**—Để di chuyển tập tin âm thanh đến vị trí đã chọn.
- **Set duration**—Để chỉnh sửa độ dài tập tin âm thanh.
- **Remove**—Để xóa tập tin âm thanh ra khỏi đoạn video.
- **Duplicate**—Để tạo bản sao của tập tin âm thanh được chọn.

Edit transition—Có ba kiểu chuyển cảnh: ở đầu đoạn video, ở cuối đoạn video, và ở giữa các đoạn video clip. Đoạn chuyển cảnh ở đầu đoạn video có thể được chọn khi phần chuyển cảnh đầu tiên của đoạn video đang được bật.

- 3 Chọn **Save** để lưu đoạn video. Xác định giá trị cho **Memory in use** trong phần **Settings**. Mặc định là bộ nhớ máy.



Mẹo! Trong cửa sổ cài đặt, bạn có thể xác định **Default video name**, **Default sc. shot name**, và **Memory in use**.

Chọn **Send > Via multimedia**, **Via Bluetooth**, hoặc **Via e-mail** nếu bạn muốn gửi đoạn video. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ của bạn để biết dung lượng tối đa của tin nhắn đa phương tiện có thể gửi đi được. Nếu đoạn phim của bạn quá lớn không thể gửi đi dưới dạng tin nhắn đa phương tiện,  sẽ xuất hiện.



Mẹo! Nếu bạn muốn gửi một đoạn video clip trong tin nhắn vượt quá kích thước tối đa của một tin nhắn đa phương tiện mà nhà cung cấp dịch vụ cho phép, bạn có thể gửi đoạn video clip này qua kết nối Bluetooth đến người nhận đang trong vùng kết nối Bluetooth. Xem phần [“Gửi dữ liệu qua kết nối Bluetooth”](#) on page 91. Bạn cũng có thể chuyển các đoạn video qua kết nối Bluetooth vào máy tính cá nhân có trang bị công nghệ Bluetooth hoặc sử dụng một thiết bị đọc thẻ nhớ (gắn trong hoặc gắn ngoài).



Image manager

Để trình duyệt hình ảnh, bấm , và chọn **Imaging** > **Image mgr.**

- 1 Bấm  để chọn **Phone mem.** hoặc **Memory card.** **Image mgr.** cũng hiển thị số lượng thư mục hoặc hình ảnh chứa trong thư mục được chọn.
- 2 Mở thư mục để duyệt các hình ảnh của bạn. Bấm  và  để di chuyển giữa các hình ảnh và các thư mục. Bấm  để xem hình ảnh. Bấm  và  cùng lúc để đánh dấu các hình ảnh sẽ được hiển thị. Một dấu chọn sẽ được hiển thị cạnh hình đã chọn. Chọn **Options** > **Image show.** Bấm  và  để xem hình tiếp theo hoặc hình trước đó trong quá trình xem.

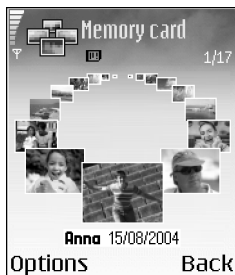


Image print

Chọn **Image print** để in ra các ảnh qua cổng USB (hỗ trợ công nghệ PictBridge), qua kết nối Bluetooth, hoặc qua thẻ nhớ MMC của bạn. Bạn có thể chọn máy in trong danh sách các máy in hiện có được liệt kê trong màn hình chọn máy in.



Lưu ý: Để in bằng máy in hỗ trợ PictBridge, chọn **Image print** trước khi bạn nối cáp USB.

Bấm , và chọn **Imaging** > **Image print.** Chọn hình bạn muốn in.

 Các tùy chọn trên màn hình chọn hình ảnh gồm **Print**, **Mark/Unmark**, **Open** (chỉ hiển thị khi bạn chọn một album), **Help**, và **Exit**.

Chọn máy in

Một khi bạn đã chọn các hình ảnh muốn in, một danh sách các thiết bị in hiện có sẽ được hiển thị. Nếu bạn đã nối vào máy in hỗ trợ PictBridge qua cổng USB dùng cáp DKU-2 bán kèm theo điện thoại, máy in này sẽ được tự động hiển thị.

Chọn thiết bị bạn muốn sử dụng. Màn hình xem trước bản in sẽ được hiển thị.

Xem trước bản in

Sau khi bạn chọn thiết bị in, các hình ảnh mà bạn chọn sẽ được trình bày theo bố cục đã định trước. Để thay đổi bố cục này, sử dụng phím di chuyển trái và phải để duyệt qua các bố cục có sẵn ứng với máy in đã chọn. Nếu bạn chọn nhiều hình ảnh không đủ để trình bày trên một trang đơn, di chuyển lên hoặc xuống để xem tiếp các trang khác.

▀ Các tùy chọn trong màn hình xem trước bản in gồm **Print**, **Settings**, **Help**, và **Exit**.

Cài đặt in ấn

Các tùy chọn cài đặt được hiển thị sẽ khác nhau tùy vào tính năng của thiết bị in mà bạn chọn.

Để chọn khổ giấy, chọn **Paper size**, chọn một khổ giấy trong danh sách, và chọn **OK**. Chọn **Cancel** để quay về màn hình trước đó.



RealPlayer™

Bấm , và chọn **Imaging > RealPlayer**. Với trình **RealPlayer**, bạn có thể xem lại các đoạn video clip, nghe sound clip, danh sách nhạc hoặc thưởng thức các tập tin media trực tuyến. Bạn có thể kích hoạt

liên kết trực tuyến khi bạn đang trình duyệt các trang Web hoặc lưu vào bộ nhớ điện thoại hoặc thẻ nhớ.

RealPlayer hỗ trợ các dạng tập tin có phần mở rộng như .aac, .awb, .m4a, .mid, .mp3, và .wav. Tuy nhiên, **RealPlayer** không nhất thiết hỗ trợ tất cả các định dạng hay biến thể của các dạng tập tin này. Ví dụ như **RealPlayer** có thể phát các tập tin .mp4, nhưng một số tập tin mp4 có thể chứa nội dung không tương thích với các chuẩn 3GPP và vì vậy sẽ không được điện thoại hỗ trợ.

▀ Các tùy chọn trong **RealPlayer** khi bạn chọn một đoạn video clip là **Play**, **Play in full screen/Continue**, **Continue in full scr.**, **Stop**, **Mute/Unmute**, **Clip details**, **Send**, **Settings**, **Help**, và **Exit**.

Phát video clip hoặc tập tin âm thanh

- Để phát tập tin media được lưu trong bộ nhớ máy hoặc thẻ nhớ, chọn **Options > Open** và chọn:
 - Most recent clips**—Để phát một trong sáu tập tin mới nhất được phát bằng **RealPlayer**.
 - Saved clip**—Để phát lại tập tin được lưu trong **Gallery**. Xem phần **"Gallery"** ở trang 40.
 - Mem. card sound clips**—Để phát một tập tin được lưu trong thẻ nhớ.
- Di chuyển đến một tập tin và bấm  để phát tập tin đó.

 **Mẹo!** Để xem video clip ở chế độ toàn màn hình, bấm **2** abc . Bấm một lần nữa để trở về chế độ màn hình bình thường.

Các biểu tượng trong **RealPlayer**:

-  Repeat - Lặp lại
-  Random - Ngẫu nhiên
-  Repeat and Random - Lặp lại và ngẫu nhiên
-  Loudspeaker muted - Tắt loa

Các phím tắt trong khi chạy chương trình:

Để tiến nhanh về trước, bấm và giữ .

Để trở về điểm đầu của tập tin media, bấm và giữ .

Để tắt âm, bấm và giữ  cho đến khi chỉ báo  hiển thị. Để bật âm, bấm và giữ  cho đến khi bạn nhìn thấy chỉ báo .

Xem nội dung trực tuyến

Nhiều nhà cung cấp dịch vụ yêu cầu bạn sử dụng điểm truy cập Internet (IAP) làm điểm truy cập mặc định. Các nhà cung cấp dịch vụ khác cho phép bạn sử dụng điểm truy cập WAP.

Bạn có thể cài đặt các điểm truy cập khi bạn khởi động điện thoại lần đầu tiên.

Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết thêm thông tin.



Lưu ý: Trong ứng dụng **RealPlayer**, bạn chỉ có thể truy cập một địa chỉ URL rtsp://. Tuy nhiên, **RealPlayer** có khả năng nhận dạng liên kết http với tập tin .ram.

Để xem các nội dung trực tuyến, chọn một liên kết đến nội dung trực tuyến trong **Gallery**, trên trang Web, hoặc nhận liên kết trong tin nhắn văn bản hoặc tin nhắn đa phương tiện. Trước khi nội dung được phát trực tuyến, điện thoại của bạn sẽ kết nối với trang này và bắt đầu nạp nội dung.

Nhận các thông số cài đặt RealPlayer

Bạn có thể nhận các thông số cài đặt **RealPlayer** trong tin nhắn văn bản đặc biệt được gửi từ nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Xem phần "[Dữ liệu và các thông số cài đặt](#)" ở trang 57. Để biết thêm thông tin, liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

Thay đổi các cài đặt của RealPlayer

Chọn **Options** > **Settings** và chọn một trong các tùy chọn sau:

Video—Để **RealPlayer** tự động phát lặp lại các đoạn video clip đã phát xong.

Audio settings—Để chọn bật hoặc tắt chế độ phát lặp lại các danh mục âm thanh và phát các tập tin âm thanh trong danh mục âm thanh theo thứ tự ngẫu nhiên.

Connection settings—Để chọn sử dụng một máy chủ proxy, thay đổi điểm truy cập mặc định, và xác định khoảng thời gian chờ và khoảng trị số cổng được dùng khi kết nối. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để nhận được các cài đặt phù hợp.

Proxy settings:

- **Use proxy**—Để sử dụng máy chủ proxy, chọn **Yes**.
 - **Proxy serv. address**—Nhập địa chỉ IP của máy chủ proxy.
 - **Proxy port number**—Nhập số cổng của máy chủ proxy.

Chú giải: Các máy chủ proxy là các máy chủ trung gian giữa các máy chủ cung cấp nội dung media và người sử dụng chúng. Một số nhà cung cấp dịch vụ sử dụng chúng để cung cấp các tính năng bảo mật bổ sung hoặc tăng tốc độ truy cập các trang web chứa các tập tin âm thanh hoặc đoạn video clip.

Network settings:

- **Default access point**—Di chuyển đến điểm truy cập bạn muốn dùng để kết nối vào Internet và bấm .

- **Online time**—Cài thời lượng để **RealPlayer** ngắt khỏi mạng khi bạn đã ngưng phát tập tin media qua liên kết mạng, chọn **User defined**, và bấm . Nhập khoảng thời gian, và chọn **OK**.
 - **Connection time-out**—Bấm  hoặc  để xác định khoảng thời gian chờ tối đa từ lúc chọn liên kết mạng đến lúc kết nối đến máy chủ media, và chọn **OK**.
 - **Server time-out**—Bấm  hoặc  để xác định khoảng thời gian tối đa cho việc chờ tín hiệu phản hồi từ máy chủ media đến trước khi ngắt kết nối, và chọn **OK**.
 - **Lowest UDP port**—Nhập trị số cổng thấp nhất trong khoảng trị số các cổng của máy chủ. Giá trị cực tiểu là 6970.
 - **Highest UDP port**—Nhập trị số cổng cao nhất trong khoảng trị số các cổng của máy chủ. Giá trị cực đại là 32000.
- Chọn **Options > Advanced settings** để hiệu chỉnh các giá trị bằng thông cho các mạng khác nhau.



Messaging

Bấm , và chọn **Messaging**. Trong phần **Messaging** bạn có thể tạo, gửi, nhận, xem, soạn thảo, và tổ chức các tin nhắn văn bản, các tin nhắn đa phương tiện, e-mail, và các tin nhắn văn bản đặc biệt chứa dữ liệu. Bạn cũng có thể nhận tin nhắn và dữ liệu qua kết nối Bluetooth, nhận tin nhắn dịch vụ Web, tin nhắn quảng bá và gửi các lệnh dịch vụ.

► Các tùy chọn trong màn hình chính **Messaging** bao gồm **Open**, **Create message**, **Connect** (chỉ hiển thị trong trường hợp bạn đã định nghĩa các thông số cấu hình cho hộp thư)/**Disconnect** (chỉ hiển thị nếu máy đang kết nối vào hộp thư), **SIM messages**, **Cell broadcast**, **Service command**, **Settings**, **Help**, và **Exit**.



Lưu ý: Các chức năng này chỉ có thể được sử dụng nếu chúng được nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ của bạn hỗ trợ. Chỉ các điện thoại tương thích có các tính năng tin nhắn đa phương tiện hoặc e-mail mới có thể nhận và hiển thị tin nhắn này. Một số mạng có thể gửi đến máy người nhận một liên kết dẫn đến trang Web mà người nhận có thể xem những tin nhắn đa phương tiện.

Khi bạn mở **Messaging**, bạn có thể nhìn thấy chức năng **New message** và một danh sách các thư mục:



Inbox—Chứa các tin nhắn đã nhận ngoại trừ e-mail và các tin nhắn quảng bá. Các tin e-mail được lưu trong **Mailbox**.



My folders—Để sắp xếp các tin nhắn của bạn vào trong các thư mục.



Mẹo! Sắp xếp tin nhắn bằng cách tạo thêm các thư mục mới bên trong **My folders**.



Mailbox—Trong phần **Mailbox**, bạn có thể kết nối vào hộp thư từ xa của bạn để tải về các tin e-mail mới hoặc xem các tin nhắn e-mail đã được tải về trước trong chế độ không trực tuyến. Xem phần **"E-mail"** ở trang 64.



Drafts—Lưu các tin nháp chưa được gửi đi.



Sent—Lưu 15 tin nhắn được gửi gần đây nhất, ngoại trừ những tin nhắn gửi đi qua kết nối Bluetooth. Để thay đổi số lượng tin nhắn sẽ được lưu, xem **"Cài đặt khác"** ở trang 66.



Outbox—Là nơi lưu tạm thời các tin nhắn đang chờ gửi.



Reports-Bạn có thể yêu cầu mạng gửi báo cáo về những tin nhắn văn bản hoặc tin nhắn đa phương tiện mà bạn đã gửi (dịch vụ mạng). Bạn sẽ không thể nhận được báo cáo đã gửi tin nhắn đa phương tiện đến một địa chỉ e-mail.



Mẹo! Khi bạn đã mở bất kỳ thư mục mặc định nào, bạn có thể chuyển đổi giữa các thư mục bằng cách bấm  hoặc .

Để nhập và gửi các yêu cầu dịch vụ (còn gọi là các lệnh USSD) đến nhà cung cấp dịch vụ, ví dụ như những lệnh kích hoạt các dịch vụ mạng, chọn **Options > Service command** trong màn hình chính của phần **Messaging**.

Cell broadcast là một dịch vụ mạng cho phép bạn nhận tin nhắn về nhiều chủ đề khác nhau, ví dụ như thời tiết hoặc tình trạng giao thông, do nhà cung cấp dịch vụ cung cấp. Để biết về các chủ đề có sẵn và các chủ đề thích hợp, liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ. Trong cửa sổ chính của **Messaging**, chọn **Options > Cell broadcast**. Trong giao diện chính, bạn có thể thấy thông tin trạng thái của chủ đề, số hiệu của chủ đề, tên chủ đề và chủ đề có được đánh dấu (P) cho biết có nhận những tin nhắn tiếp theo hay không.



Các tùy chọn trong **Cell broadcast** là **Open**, **Subscribe/Unsubscribe**, **Hotmark/Remove hotmark**, **Topic**, **Settings**, **Help**, và **Exit**.

Bạn không thể nhận các tin nhắn quảng bá qua mạng UMTS. Kết nối dữ liệu gói có thể ngăn không cho nhận tin nhắn quảng bá.

Viết văn bản

Kiểu nhập văn bản truyền thống

ABC và **abc** cho biết các kiểu nhập bạn đã chọn. **Abc** nghĩa là ký tự đầu tiên của từ được viết hoa, tất cả các ký tự khác đều được tự động chuyển sang dạng chữ thường. **123** chỉ thị kiểu số.

Chỉ báo **Abc** sẽ hiển thị ở phía trên bên phải màn hình khi bạn đang viết văn bản sử dụng kiểu nhập văn bản tiên đoán.

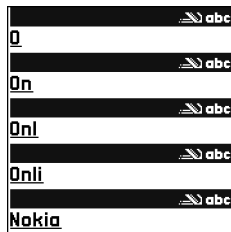
- Bấm một phím số (**1**  —  **9**) nhiều lần cho đến khi ký tự bạn cần dùng xuất hiện. Điện thoại sẽ cung cấp nhiều ký tự ứng với một phím số hơn số ký tự được in trên mặt của phím số đó.
- Để thêm số, bấm và giữ phím số.
- Để chuyển giữa chế độ chữ và số, bấm và giữ  **#**.

- Nếu chữ kế tiếp nằm cùng phím với chữ hiện tại, hãy đợi đến khi con trỏ hiển thị (hoặc bấm ) để kết thúc khoảng thời gian nghỉ rồi nhập chữ đó vào.
- Để xóa một ký tự, bấm . Bấm và giữ  để xóa nhiều ký tự.
- Các dấu chấm câu phổ biến nhất hiện đang có trong . Bấm  nhiều lần cho đến khi tìm đúng dấu chấm câu bạn cần. Bấm  + để mở danh sách các ký tự đặc biệt. Sử dụng  để xem qua danh sách và bấm **Select** để chọn một ký tự.
- Để thêm khoảng trắng, bấm  . Để di chuyển con trỏ đến dòng kế tiếp, bấm   ba lần.
- Để chuyển đổi giữa các kiểu ký tự khác nhau **Abc, abc, và ABC**, bấm  **#**.

Kiểu nhập văn bản tiên đoán—Từ điển

Bạn có thể nhập ký tự bất kỳ chỉ với một lần bấm phím. Kiểu nhập tiên đoán dựa trên một từ điển cài sẵn trong điện thoại mà bạn có thể thêm vào từ mới. Khi từ điển đầy, từ được thêm vào mới nhất sẽ thay thế từ cũ nhất.

- 1 Để kích hoạt kiểu nhập văn bản tiên đoán, bấm , và chọn **Dictionary on**. Điều này sẽ kích hoạt việc nhập văn bản theo kiểu nhập tiên đoán cho tất cả các trình soạn thảo trên điện thoại.  sẽ được hiển thị ở phía trên cùng bên phải màn hình khi bạn đang soạn văn bản bằng kiểu nhập tiên đoán.
- 2 Để viết từ bạn muốn, bấm các phím **2 abc** — **wxyz** **9**. Chỉ bấm mỗi phím một lần để nhập một chữ cái. Ví dụ như để viết từ 'Nokia' bằng từ điển tiếng Anh đã chọn, bấm **mno** **6** để nhập N, **mno** **6** để nhập o, **5 jkl** để nhập k, **4 ghi** để nhập i, và **2 abc** để nhập a. Từ đề nghị sẽ thay đổi sau mỗi lần bấm phím.
- 3 Khi bạn viết đúng một từ, để xác nhận lại, bấm , hoặc bấm   để thêm khoảng trắng. Nếu viết từ sai, bấm  + nhiều lần để tìm lần lượt các từ phù hợp có thể có trong từ điển, hoặc bấm , và chọn **Dictionary > Matches**. Nếu dấu **?** hiển thị sau từ đó, từ bạn định viết không có trong từ điển. Để thêm từ vào từ điển, chọn **Spell**, nhập từ mới vào (tối đa 32 ký tự)



bằng kiểu nhập văn bản truyền thống, và chọn **OK**. Từ này sẽ được thêm vào từ điển. Khi từ điển đầy, một từ mới sẽ thay cho từ được thêm vào cũ nhất.

4 Bắt đầu viết từ kế tiếp.

 **Mẹo!** Để bật hoặc tắt kiểu nhập văn bản tiên đoán, bấm nhanh  **#** hai lần.

Mẹo để sử dụng kiểu nhập tiên đoán

Để xóa một ký tự, bấm . Bấm và giữ  để xóa nhiều ký tự.

Để thay đổi giữa các kiểu ký tự khác nhau **Abc**, **abc**, và **ABC**, bấm  **#**. Nếu bạn bấm nhanh  **#** hai lần, máy sẽ tắt kiểu nhập văn bản tiên đoán.

 **Mẹo!** Kiểu nhập văn bản tiên đoán sẽ cố gắng đoán dấu chấm câu thông dụng nào (.,?!') cần dùng. Thứ tự và tính khả dụng của các dấu câu tùy thuộc vào ngôn ngữ trong từ điển.

Để chèn số khi ở chế độ nhập kiểu chữ, bấm và giữ phím số bạn cần.

Để chuyển giữa chế độ chữ và số, bấm và giữ  **#**.

Các dấu chấm câu phổ biến nhất hiện đang có trong **1** . Bấm **1**  rồi bấm  + liên tục để tìm dấu chấm câu bạn cần.

Bấm và giữ  + để mở danh sách các ký tự đặc biệt.

Bấm  + liên tục để xem các từ thích hợp mà từ điển đã tìm thấy.

Bấm , chọn **Dictionary**, và bấm  để chọn một trong các tùy chọn sau:

Matches—Để xem một danh sách các từ tương ứng với phím mà bạn bấm.

Insert word—Để thêm từ mới (tối đa 32 ký tự) vào từ điển bằng cách dùng kiểu nhập văn bản truyền thống. Khi từ điển đầy, một từ mới sẽ thay cho từ được thêm vào cũ nhất.

Edit word—Để sửa chữa từ bằng cách sử dụng kiểu nhập văn bản truyền thống. Tính năng này chỉ có hiệu lực đối với từ đang được dùng (được gạch dưới).

 **Mẹo!** Khi bạn bấm , các tùy chọn sau sẽ xuất hiện (tùy thuộc vào chế độ chỉnh sửa): **Dictionary** (kiểu nhập văn bản tiên đoán), **Alpha mode** (kiểu nhập văn bản truyền thống), **Number mode**, **Cut** (nếu văn bản đã được chọn), **Copy** (nếu văn bản đã được chọn), **Paste** (nếu trước đó văn bản đã được cắt hoặc copy), **Insert number**, **Insert symbol**, và **Writing language**: (thay đổi ngôn ngữ nhập văn bản đối với tất cả các trình soạn thảo trong điện thoại).

Viết từ ghép

Soạn phần đầu của từ ghép, bấm  để xác nhận phần này. Soạn phần sau của từ ghép. Để hoàn tất việc soạn từ ghép, bấm   để thêm khoảng trắng.

Tắt kiểu nhập văn bản tiên đoán

Bấm , và chọn **Dictionary > Off** để tắt kiểu nhập văn bản tiên đoán dùng cho tất cả các trình soạn thảo trong điện thoại.

Sao chép văn bản

- Để chọn các chữ và từ, bấm và giữ . Cùng một lúc, bấm  hoặc . Khi vùng chọn di chuyển, văn bản sẽ được tô sáng.
- Để copy văn bản khi đang giữ , bấm **Copy**.
- Để chèn văn bản vào một tài liệu, bấm và giữ , và bấm **Paste**, hoặc bấm  một lần, và chọn **Paste**.
Để chọn các dòng chữ, bấm và giữ . Cùng một lúc, bấm  hoặc .
Để xóa đoạn văn bản được chọn trong tài liệu, bấm .

Soạn và gửi tin nhắn

Hình thức của tin nhắn đa phương tiện có thể thay đổi tùy thuộc vào điện thoại nhận tin nhắn.

Việc bảo vệ bản quyền có thể sẽ không cho phép sao chép, chỉnh sửa hay chuyển tiếp một số hình ảnh, kiểu chuông hay nội dung khác.

 **Mẹo!** Bạn có thể soạn một tin nhắn từ bất kỳ ứng dụng nào có tùy chọn **Send**. Chọn một tập tin (hình ảnh hoặc văn bản) sẽ thêm vào tin nhắn, và chọn **Options > Send**.

Trước khi bạn có thể soạn tin nhắn đa phương tiện hoặc viết e-mail, bạn phải có thông số cài đặt kết nối phù hợp. Xem phần "**Nhận các thông số cài đặt MMS và e-mail**" ở trang 55 và phần "**E-mail**" ở trang 64.

 Các tùy chọn trong trình soạn thảo tin nhắn bao gồm **Send**, **Add recipient**, **Insert**, **Attachments** (e-mail), **Preview** (MMS), **Objects** (MMS), **Remove** (MMS), **Delete**, **Check contacts**, **Message details**, **Sending options**, **Help**, và **Exit**.

- Chọn **New message**. Danh sách các tùy chọn tin nhắn sẽ mở ra.
Text message—để gửi tin nhắn văn bản.
Multimedia message—để gửi tin nhắn đa phương tiện (MMS).

E-mail—để gửi một e-mail. Nếu bạn chưa thiết lập tài khoản e-mail, bạn sẽ được yêu cầu thực hiện điều này.



Mẹo! Di chuyển đến một số liên lạc và bấm  để chọn số liên lạc đó. Bạn có thể đánh dấu chọn nhiều người nhận cùng lúc.

- 2 Bấm  để chọn người hoặc nhóm người nhận trong danh bạ, hoặc nhập số điện thoại hoặc địa chỉ e-mail của người nhận vào. Bấm ***** + để thêm dấu chấm phẩy (;) phân cách những người nhận. Bạn cũng có thể sao chép và dán số điện thoại hoặc địa chỉ trong clipboard.
- 3 Bấm  để di chuyển đến trường người nhận.
- 4 Viết tin nhắn.
- 5 Để thêm một đối tượng media vào tin nhắn đa phương tiện, chọn **Options > Insert object > Image, Sound clip, hoặc Video clip**. Khi âm thanh được thêm vào, biểu tượng  sẽ hiển thị.
- 6 Để chụp một hình hoặc ghi một đoạn âm thanh hoặc video mới cho một tin nhắn đa phương tiện, chọn **Insert**



new > Image, Sound clip hoặc Video clip. Để chèn một trang mới vào tin nhắn, chọn **Slide**.

Chọn **Options > Preview** để xem qua trước các tin đa phương tiện.

- 7 Nếu bạn chọn **Insert new > Sound clip**, ứng dụng **Recorder** sẽ được kích hoạt và bạn có thể ghi âm một đoạn âm thanh mới. Bấm **Select**, đoạn âm thanh mới sẽ được tự động lưu lại và một bản sao của đoạn âm thanh này sẽ được chèn vào trong tin nhắn. Chọn **Options > Preview** để xem qua trước các tin đa phương tiện.
- 8 Để thêm một tập tin đính kèm vào e-mail, chọn **Options > Insert > Image, Sound clip, Video clip hoặc Note**. Các tập tin đính kèm e-mail được chỉ báo bằng biểu tượng  trên thanh di chuyển.
- 9 Để gửi tin nhắn, chọn **Options > Send**, hoặc bấm .



Lưu ý: Điện thoại hỗ trợ gửi tin nhắn văn bản không quá giới hạn 160 ký tự. Nếu tin nhắn bạn soạn vượt quá 160 ký tự, máy sẽ gửi tin nhắn thành một chuỗi hai hoặc nhiều tin nhắn, và bạn sẽ phải trả mức phí nhiều hơn. Trong thanh chỉ báo phía trên màn hình, bạn có thể thấy chỉ báo độ dài tin nhắn đếm lùi từ 160. Ví dụ, 10 (2) nghĩa là bạn vẫn có thể thêm 10 ký tự cho văn bản để gửi đi thành hai tin nhắn. Một số ký tự sẽ chiếm nhiều chỗ hơn các ký tự khác.



Lưu ý: Các tin nhắn e-mail sẽ được tự động lưu tạm trong thư mục **Outbox** trước khi gửi. Nếu không gửi được tin e-mail, tin này sẽ được giữ lại trong thư mục **Outbox** với trạng thái **Failed**.



Mẹo! Khi bạn gửi một tin nhắn đa phương tiện đến một địa chỉ e-mail hoặc một thiết bị có khả năng thu nhận những hình ảnh kích thước lớn, hãy chọn ảnh có kích thước lớn để gửi đi. Nếu bạn không chắc chắn rằng thiết bị nhận, hoặc mạng có hỗ trợ gửi các tập tin kích thước lớn hay không, bạn nên sử dụng hình ảnh có kích thước nhỏ hơn hoặc đoạn ghi âm có độ dài không quá 15 giây. Để thay đổi thông số cài đặt, chọn **Options > Settings > Multimedia message > Image size** trong cửa sổ chính của phần **Messaging**.



Mẹo! Trong phần **Messaging** bạn cũng có thể tạo các tập tin trình chiếu và gửi chúng dưới dạng tin nhắn đa phương tiện. Trong màn hình biên tập tin nhắn đa phương tiện, chọn **Options > Create presentation** (chỉ hiển thị trong trường hợp **MMS creation mode** được cài ở trạng thái **Guided** hoặc **Free**). Xem phần "**Tin nhắn đa phương tiện**" ở trang 63.

Nhận các thông số cài đặt MMS và e-mail

Bạn có thể nhận thông số cài đặt dưới dạng tin nhắn văn bản từ nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Xem phần "**Dữ liệu và các thông số cài đặt**" ở trang 57.

Để biết tính khả dụng và thuê bao dịch vụ dữ liệu, xin liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Thực hiện theo các hướng dẫn được nhà cung cấp dịch vụ cung cấp.

Nhập các thông số cài đặt MMS bằng tay:

- 1 Chọn **Tools > Settings > Connection > Access points**, và xác định các thông số cài đặt dùng cho điểm truy cập tin nhắn đa phương tiện. Xem phần "**Connection- Cài đặt kết nối**" ở trang 101.
- 2 Chọn **Messaging > Options > Settings > Multimedia message > Access point in use** và điểm truy cập bạn tạo sẽ được dùng làm kết nối ưu tiên. Xem thêm phần "**Tin nhắn đa phương tiện**" ở trang 63.



Mẹo! Để gửi kèm các tập tin không phải là âm thanh hoặc ghi chú, mở ứng dụng tương ứng nếu có, và chọn **Send > Via e-mail**.

Để có thể gửi, nhận, tải về, hồi âm, và gửi chuyển tiếp e-mail, bạn cần phải thực hiện các thao tác sau:

- Cấu hình đúng Điểm Truy cập Internet (IAP). Xem phần "[Connection- Cài đặt kết nối](#)" ở trang 101.
- Xác định đúng thông số cài đặt e-mail. Xem phần "[E-mail](#)" ở trang 64. Bạn cần phải có tài khoản e-mail riêng. Thực hiện theo các hướng dẫn nhận được từ hộp thư từ xa và nhà cung cấp dịch vụ Internet (ISP).



Inbox- Hộp thư đến – nhận tin nhắn

Các biểu tượng trong **Inbox**:

-  Tin nhắn chưa đọc trong **Inbox**
-  Tin nhắn văn bản chưa đọc
-  Tin nhắn đa phương tiện chưa đọc
-  Dữ liệu nhận được qua kết nối Bluetooth

Khi bạn nhận một tin nhắn,  và thông báo **1 new message** sẽ được hiển thị khi ở chế độ chờ. Bấm **Show** để mở tin nhắn. Để mở tin nhắn trong **Inbox**, di chuyển đến tin nhắn này, và bấm .

Nếu trong tin nhắn có số điện thoại, địa chỉ e-mail hoặc địa chỉ URL, chúng sẽ được gạch dưới. Mỗi mục được gạch dưới đều có thể được sử dụng làm đường dẫn tắt. Bấm  hoặc  để di chuyển qua các mục và chọn **Options** của từng mục, ví dụ để

thực hiện cuộc gọi sử dụng số điện thoại trong tin nhắn.

Để xóa mục được gạch dưới và các phím tắt, chọn **Automatic find off**.

Tin nhắn đa phương tiện



Chú ý: Các chủ đề tin nhắn đa phương tiện có thể chứa virus hoặc các yếu tố khác gây hại cho điện thoại hoặc máy PC. Không mở bất kỳ tập tin đính kèm nào nếu bạn không bảo đảm độ tin cậy của người gửi.

Khi mở một tin nhắn đa phương tiện () , bạn có thể thấy một hình ảnh và một thông báo, đồng thời nghe một âm hiệu phát qua loa () sẽ hiển thị trong trường hợp có kèm âm thanh). Nhấp vào mũi tên trên biểu tượng để nghe âm thanh đó.

Để biết tin nhắn đa phương tiện có kèm theo những loại đối tượng media nào, mở tin nhắn, và chọn **Options > Objects**. Bạn có thể chọn lưu một tập tin chứa đối tượng đa phương tiện vào điện thoại của bạn hoặc gửi tập tin này đi, ví dụ như qua kết nối Bluetooth đến một thiết bị tương thích khác.

Bạn cũng có thể nhận các tập tin trình chiếu đa phương tiện. Bạn có thể xem các tập tin trình chiếu này bằng cách chọn **Options > Play presentation**.

Việc bảo vệ bản quyền có thể sẽ không cho phép sao chép, chỉnh sửa hay chuyển tiếp một số hình ảnh, kiểu chuông hay nội dung khác.

Dữ liệu và các thông số cài đặt

Điện thoại của bạn có thể nhận nhiều loại tin nhắn văn bản có chứa dữ liệu (彩信), còn được gọi là tin nhắn qua mạng vô tuyến (OTA):

Configuration message—Bạn có thể nhận tin nhắn văn bản chứa các thông tin cấu hình như số dịch vụ, số hộp thư thoại, thông số cài đặt điểm truy cập Internet, cài đặt mã script đăng nhập điểm truy cập hoặc cài đặt e-mail do nhà điều hành mạng, nhà cung cấp dịch vụ, hoặc bộ phận quản lý thông tin của công ty của bạn gửi đến dưới dạng một tin nhắn cấu hình. Để lưu các thông số cài đặt này, chọn **Options > Save all**.

Business card—Để lưu các thông tin này vào **Contacts**, chọn **Options > Save business card**. Các chúng chỉ hoặc tập tin âm thanh được đính kèm với danh thiếp sẽ không được lưu.

Ringtone—Để lưu kiểu chuông, chọn **Options > Save**.

Operator logo—Để hiển thị logo mạng ở chế độ chờ thay cho tên nhận dạng nhà điều hành, chọn **Options > Save**.



Mẹo! Để thay đổi thông số cài đặt điểm truy cập mặc định dành cho tin nhắn đa phương tiện, chọn **Messaging > Options > Settings > Multimedia message > Access point in use**.

Calendar entry—Để lưu lời mời, chọn **Options > Save to Calendar**.

Web message—Để thêm chỉ mục vào danh sách chỉ mục trong trang Web, chọn **Options > Add to bookmarks**. Nếu tin nhắn có chứa cả thông số cài đặt điểm truy cập lẫn các chỉ mục, để lưu lại các dữ liệu này, chọn **Options > Save all**.

E-mail notification—Thông báo cho bạn biết có bao nhiêu e-mail mới trong hộp thư từ xa của bạn. Phần thông báo mở rộng có thể liệt kê nhiều thông tin chi tiết hơn.



Mẹo! Nếu bạn nhận một tập tin vCard có kèm theo ảnh, ảnh đó sẽ được lưu vào danh bạ.

Tin nhắn dịch vụ Web

Những tin nhắn dịch vụ Web (彩信) là những thông báo văn tắt (ví dụ như tiêu đề tin tức) và có thể chứa tin nhắn văn bản hoặc liên kết. Để biết tính khả dụng và thuê bao, xin liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ.



My folder - Thư mục riêng

Trong **My folders**, bạn có thể sắp xếp tin nhắn của bạn trong các thư mục, tạo thư mục mới, đổi tên và xóa thư mục.



Mẹo! Bạn có thể sử dụng các đoạn văn trong thư mục mẫu để tránh phải viết lại những tin nhắn bạn thường gửi.



Mailbox- Hộp thư

Nếu bạn chọn **Mailbox** và chưa cài đặt tài khoản e-mail, điện thoại sẽ nhắc bạn thực hiện điều đó. Xem phần **"E-mail"** ở trang 64. Khi bạn tạo một hộp thư mới, tên bạn đặt cho hộp thư sẽ thay thế cho tên **Mailbox** trong cửa sổ chính của phần **Messaging**. Bạn có thể tạo đến tối đa sáu hộp thư.

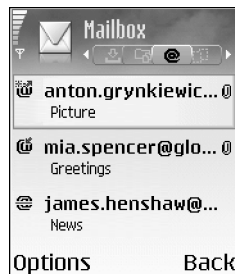
Mở hộp thư

Khi bạn mở hộp thư, bạn có thể chọn xem các e-mail đã tải về trước đây và tiêu đề e-mail offline hoặc kết nối với server e-mail.

Khi bạn di chuyển đến hộp thư của bạn và bấm , máy sẽ hỏi bạn **Connect to mailbox?**

Chọn **Yes** để kết nối với hộp thư của bạn và tải về các phần tiêu đề e-mail hoặc tin nhắn mới. Khi bạn xem tin nhắn trực tuyến, bạn phải kết nối thường trực tới một hộp thư từ xa bằng cách sử dụng một kết nối truyền dữ liệu gói. Xem thêm phần **"Connection- Cài đặt kết nối"** ở trang 101.

Chọn **No** để xem các tin nhắn e-mail đã tải về trước đó ở trạng thái offline. Khi bạn xem tin nhắn e-mail ở trạng thái offline, điện thoại của bạn sẽ không kết nối với hộp thư từ xa.



Tải tin nhắn e-mail

Nếu bạn đang ở trạng thái offline, chọn **Options > Connect** để bắt đầu kết nối với hộp thư từ xa.



Chú ý: Các tin nhắn e-mail có thể chứa virus hoặc các yếu tố khác gây hại cho điện thoại hoặc máy PC. Không mở bất kỳ tập tin đính kèm nào nếu bạn không bảo đảm độ tin cậy của người gửi.

- 1 Khi bạn đang kết nối vào hộp thư từ xa, chọn **Options > Retrieve e-mail**.
New—để tải tất cả các e-mail mới về điện thoại của bạn.
Selected—để chỉ tải về những e-mail được đánh dấu.
All—để tải về tất cả các tin nhắn từ hộp thư.
 Để ngừng việc tải tin nhắn về, chọn **Cancel**.
- 2 Sau khi bạn đã tải về các tin e-mail, bạn có thể vẫn xem chúng trực tuyến, hoặc chọn **Options > Disconnect** để ngắt kết nối và xem các tin e-mail offline.
 Biểu tượng tình trạng e-mail:
 E-mail mới (ở chế độ offline hoặc trực tuyến): phần nội dung chưa được tải về điện thoại của bạn (mũi tên hướng ra).
 E-mail mới: nội dung đã được tải về điện thoại của bạn (mũi tên hướng vào).

 Tin nhắn e-mail đã đọc.

 E-mail có tiêu đề đã đọc và nội dung tin nhắn đã bị xóa khỏi điện thoại.

- 3 Để mở một tin nhắn e-mail, bấm . Nếu tin nhắn e-mail chưa được tải về (mũi tên trên biểu tượng sẽ hướng ra phía ngoài) và bạn chưa kết nối vào mạng, bạn sẽ được hỏi xem bạn có muốn tải tin nhắn này về từ hộp thư không.

Để xem những tập tin đính kèm e-mail, mở tin nhắn được đánh dấu có phần đính kèm , và chọn **Options > Attachments**. Nếu biểu tượng đính kèm bị mờ, điều này có nghĩa là nội dung đó chưa được tải về điện thoại của bạn; chọn **Options > Retrieve**. Trong cửa sổ **Attachments**, bạn có thể tải về, mở, hoặc lưu các nội dung đính kèm đó. Bạn cũng có thể gửi các tập tin đính kèm bằng cách sử dụng kết nối Bluetooth.



Mẹo! Nếu hộp thư của bạn sử dụng giao thức IMAP4, bạn có thể qui định bao nhiêu e-mail sẽ được tải về, và có tải về các tập tin đính kèm hay không. Với giao thức POP3, các tùy chọn sẽ gồm **Headers only**, **Partially (kB)**, hoặc **Msgs. & attaches..**

Tự động tải tin nhắn e-mail

Để tải tin nhắn về tự động, chọn **Options > E-mail settings > Automatic retrieval > Header retrieval**:

Chọn **Always on** hoặc **Only in home net.**, và xác định thời điểm và chu kỳ tự động tải tin nhắn về.

Việc tải tin nhắn về tự động có thể làm tăng cước phí do truyền nhận dữ liệu.

Xóa các tin nhắn e-mail

Để xóa nội dung của tin nhắn e-mail khỏi điện thoại trong khi vẫn còn giữ lại nội dung đó trong hộp thư từ xa, chọn **Options > Delete > Phone only**.

Điện thoại sẽ sao lại tiêu đề e-mail trong hộp thư từ xa. Dù bạn xóa nội dung tin nhắn, tiêu đề e-mail vẫn còn lưu trên điện thoại của bạn. Nếu bạn muốn xóa cả tiêu đề, bạn phải xóa tin nhắn e-mail từ hộp thư từ xa, sau đó kết nối điện thoại với hộp thư từ xa lại để cập nhật tình trạng.



Mẹo! Để sao chép một e-mail từ hộp thư từ xa vào một thư mục trong **My folders**, chọn **Options > Copy to folder**, một thư mục trong danh sách và **OK**.

Để xóa e-mail trên điện thoại lẫn trên hộp thư từ xa, chọn **Options > Delete > Phone and server**.

Nếu bạn chưa kết nối vào mạng, e-mail trong điện thoại sẽ bị xóa trước. Trong lần kết nối kế tiếp vào hộp thư từ xa, e-mail sẽ được xóa tự động khỏi hộp thư từ xa. Nếu bạn đang sử dụng giao thức POP3, tin nhắn được đánh dấu xóa sẽ bị xóa chỉ sau khi bạn đã ngắt kết nối với hộp thư từ xa.

Để hủy thao tác xóa e-mail khỏi điện thoại lẫn trên server, di chuyển đến e-mail đã bị đánh dấu xóa khi đang ở phiên kết nối kế tiếp (☎), và chọn **Options > Undelete**.

Ngắt kết nối khỏi hộp thư

Khi bạn đang ở trạng thái trực tuyến, chọn **Options > Disconnect** để ngắt kết nối dữ liệu gói với hộp thư từ xa.



Mẹo! Bạn có thể vẫn duy trì kết nối với hộp thư và những e-mail mới đến (**Headers only** dưới dạng mặc định) sẽ được tải tự động từ hộp thư từ xa về điện thoại (chỉ trong trường hợp máy chủ hỗ trợ chức năng IMAP IDLE). Để duy trì ứng dụng nhắn tin chạy ẩn, bấm ☎ hai lần. Việc duy trì kết nối có thể làm tăng cước phí cuộc gọi do việc truyền nhận dữ liệu vẫn được tiếp tục.

Xem tin nhắn e-mail khi đang offline

Khi bạn mở **Mailbox** trong lần kế tiếp và bạn muốn xem và đọc tin nhắn e-mail ở trạng thái offline, bạn trả lời **No** cho câu hỏi **Connect to mailbox?**. Bạn có thể đọc các phần tiêu đề e-mail, nội dung của những tin nhắn e-mail đã tải về trước đó hoặc cả hai. Bạn cũng có thể soạn e-mail mới, trả lời hoặc chuyển tiếp e-mail sẽ được gửi đi trong lần kết nối hộp thư kế tiếp.



Outbox- Hộp thư đi-các tin nhắn chờ gửi đi

Outbox là vùng lưu trữ tạm thời dành cho các tin nhắn chờ được gửi đi.

Trạng thái các tin nhắn trong **Outbox** gồm:

Sending—Đang kết nối và đang gửi tin nhắn đi.

Waiting/Queued—Tin nhắn sẽ được gửi khi các tin nhắn trước có cùng kiểu đã được gửi.

Resend at (giờ)—Điện thoại sẽ gửi lại tin nhắn sau thời gian nghỉ. Bấm **Send** để bắt đầu gửi lại tin nhắn ngay lập tức.

Deferred—Bạn có thể cài tài liệu sang trạng thái chờ khi chúng đang được lưu trong **Outbox**. Di chuyển

đến tin nhắn đang được gửi đi và chọn **Options > Defer sending**.

Failed—Đã đạt số lần tối đa được phép gửi đi. Tin nhắn không gửi được. Nếu bạn đang cố gắng gửi một tin nhắn văn bản, mở tin nhắn này và kiểm tra xem các tùy chọn gửi tin có đúng hay không.



Ví dụ: Các tin nhắn sẽ được lưu trong hộp thư đi, ví dụ như trong trường hợp điện thoại bạn đang ở ngoài vùng phủ sóng. Bạn cũng có thể chỉ định thời điểm tin nhắn e-mail sẽ được gửi đi trong lần kết nối kế tiếp với hộp thư từ xa.

Xem tin nhắn trên thẻ SIM

Trước khi bạn có thể xem các tin nhắn trong thẻ SIM, bạn cần phải copy các tin nhắn này vào một thư mục trong điện thoại.

- 1 Trong cửa sổ chính của phần **Messaging**, chọn **Options > SIM messages**.
- 2 Chọn **Options > Mark/Unmark > Mark** hoặc **Mark all** để đánh dấu tin nhắn.
- 3 Chọn **Options > Copy**. Một danh sách các thư mục sẽ được mở ra.
- 4 Chọn một thư mục và chọn **OK** để bắt đầu sao chép. Mở thư mục để xem các tin nhắn.

Cài đặt nhắn tin

Tin nhắn văn bản

Chọn **Messaging > Options > Settings > Text message**.

Message centres—Liệt kê tất cả các trung tâm dịch vụ nhắn tin văn bản mà bạn xác định.

Msg. centre in use—Chọn trung tâm nhắn tin nào sẽ được sử dụng để gửi tin nhắn văn bản.

Receive report (dịch vụ mạng)—Để yêu cầu mạng gửi báo cáo cho tin nhắn của bạn. Khi cài sang **No**, chỉ tình trạng **Sent** sẽ được hiển thị trong Nhật ký. Xem phần **"Log – Nhật ký"** ở trang 28.

Message validity—Nếu không kết nối đến được người nhận tin nhắn trong một khoảng thời gian nhất định, tin nhắn sẽ bị xóa khỏi trung tâm nhắn tin. Mạng phải hỗ trợ tính năng này. **Maximum time** là thời gian tối đa mạng cho phép.

Message sent as—Chỉ nên thay đổi tùy chọn này trong trường hợp bạn chắc chắn rằng trung tâm nhắn tin của bạn có thể chuyển đổi tin nhắn văn bản sang các dạng tin khác. Liên hệ với nhà điều hành mạng.

Preferred connection—Bạn có thể gửi các tin nhắn văn bản qua mạng GSM thông thường hoặc dưới dạng dữ liệu gói, nếu mạng hỗ trợ. Xem phần **"Connection- Cài đặt kết nối"** ở trang 101.

Reply via same ctr. (dịch vụ mạng)—Chọn **Yes** nếu bạn muốn trả lời tin nhắn sử dụng cùng số trung tâm dịch vụ nhắn tin văn bản.

 Các tùy chọn khi chỉnh sửa các thông số cài đặt bao gồm **Edit**, **New msg. centre**, **Delete**, **Help**, và **Exit**.

Thêm trung tâm nhắn tin văn bản mới

- 1 Chọn **Message centres > Options > New msg. centre**.
- 2 Bấm , nhập tên cho trung tâm nhắn tin, và chọn **OK**.
- 3 Bấm  và , và nhập số trung tâm nhắn tin. Nhà cung cấp dịch vụ sẽ cấp cho bạn số này.
- 4 Chọn **OK**.
- 5 Để sử dụng các cài đặt mới, trở về màn hình cài đặt. Di chuyển đến **Msg. centre in use**, và chọn trung tâm nhắn tin mới.

Tin nhắn đa phương tiện

Chọn **Messaging > Options > Settings > Multimedia message**.

Image size—Xác định kích thước hình ảnh trong tin nhắn đa phương tiện. Các tùy chọn gồm **Original** (chỉ hiển thị khi **MMS creation mode** được cài ở trạng thái **Guided** hoặc **Free**), **Small**, và **Large**. Chọn **Original** để làm tăng kích thước của tin nhắn đa phương tiện.

MMS creation mode—Nếu bạn chọn **Guided**, điện thoại sẽ nhắc bạn nếu có tin nhắn được gửi đi nhưng có thể thiết bị nhận không hỗ trợ. Chọn **Restricted**, điện thoại sẽ ngăn bạn gửi đi các tin nhắn không được hỗ trợ.

Access point in use (Must be defined)—Chọn điểm truy cập nào sẽ được sử dụng làm kết nối ưu tiên cho trung tâm nhắn tin đa phương tiện.

Recept. in home net.—Chọn nhận hoặc không nhận tin nhắn MMS trong mạng chủ qua các tùy chọn **Automatic**, **Defer retrieval**, hoặc **Off**. Nếu bạn chọn **Defer retrieval**, tin nhắn sẽ được lưu lại ở trung tâm nhắn tin đa phương tiện. Để tải tin nhắn về sau, cài **Automatic**.

Reception if roaming—Chọn cách tải tin nhắn MMS về khi ở ngoài mạng chủ. Khi bạn đang ở ngoài mạng chủ, chi phí cho việc gửi và nhận các tin nhắn

đa phương tiện có thể cao hơn. Nếu bạn chọn **Reception if roaming > Automatic**, điện thoại của bạn sẽ tự động thiết lập kết nối dữ liệu gói để tải tin nhắn về. Chọn **Reception if roaming > Off** nếu bạn không muốn nhận các tin nhắn đa phương tiện khi bạn đang ở ngoài mạng chủ.

Allow anon. messages—Chọn **No** nếu bạn không muốn nhận các tin nhắn danh.

Receive adverts—Xác định việc bạn muốn nhận hoặc không nhận các tin nhắn quảng cáo đa phương tiện.

Receive report (dịch vụ mạng)—Chọn **Yes** nếu bạn muốn hiển thị tình trạng các tin đã gửi trong Nhật ký.



Lưu ý: Bạn sẽ không thể nhận được báo cáo đã gửi tin nhắn đa phương tiện đến một địa chỉ e-mail.

Deny report sending—Chọn **Yes** nếu bạn không muốn điện thoại của bạn gửi những báo cáo gửi tin của các tin nhắn đa phương tiện đã nhận.

Message validity—Nếu không kết nối được với người nhận tin nhắn trong một khoảng thời gian nhất định, tin nhắn sẽ bị xóa khỏi trung tâm nhắn tin đa phương tiện. Mạng phải hỗ trợ tính năng này.

Maximum time là thời gian tối đa mạng cho phép.



Mẹo! Bạn có thể cũng nhận được các thông số cài đặt đa phương tiện và e-mail từ nhà cung cấp dịch vụ của bạn dưới dạng tin nhắn OTA. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết thêm thông tin. Xem phần "**Dữ liệu và các thông số cài đặt**" ở trang 57.

E-mail

Chọn **Messaging > Options > Settings > E-mail**, hoặc trong cửa sổ hộp thư, chọn **Options > E-mail settings**, và chọn các tùy chọn sau:

Mailbox in use—Chọn hộp thư bạn muốn sử dụng để gửi e-mail.

Mailboxes—Sẽ mở danh sách các hộp thư đã được xác nhận. Nếu không có hộp thư nào được xác nhận, bạn sẽ được yêu cầu thực hiện điều này. Chọn một hộp thư để thay đổi các thông số cài đặt.

Mailbox settings:

Mailbox name—Đặt tên cho hộp thư.

Access point in use (Phải được xác định)—Chọn điểm truy cập Internet (IAP) cho hộp thư. Xem phần "**Connection- Cài đặt kết nối**" ở trang 101.

My e-mail address (Phải được xác định)—Nhập địa chỉ e-mail mà nhà cung cấp dịch vụ cấp cho bạn. Tin trả lời sẽ được gửi đến địa chỉ này.

Outgoing mail server (Phải được xác định)—Nhập địa chỉ IP hoặc tên máy chủ của server gửi e-mail. Bạn có thể sử dụng server gửi thư của nhà điều hành mạng của bạn. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết thêm thông tin.

Send message—Xác định cách gửi e-mail từ điện thoại. Chọn **Immediately** để máy kết nối vào hộp thư khi bạn chọn **Send message**. Chọn **When conn. avail.**—E-mail được gửi khi đang kết nối vào hộp thư từ xa.

User name—Nhập tên thuê bao của bạn do nhà cung cấp dịch vụ của bạn cấp.

Password:—Nhập mật khẩu của bạn. Nếu bạn để trường này trống, bạn sẽ được nhắc nhập mật mã khi bạn cố kết nối với hộp thư từ xa.

Incoming mail server (Phải được xác định)—Nhập địa chỉ IP hoặc tên server nhận e-mail của bạn.

Mailbox type:—Xác định giao thức e-mail mà nhà cung cấp dịch vụ hộp thư từ xa khuyến nghị bạn sử dụng. Các tùy chọn là **POP3** và **IMAP4**. Cài đặt này chỉ có thể được chọn một lần và không thể thay đổi nếu bạn đã lưu hoặc đã thoát khỏi cài đặt hộp thư. Nếu bạn sử dụng giao thức POP3, tin nhắn e-mail sẽ không được cập nhật tự động khi điện thoại đang ở chế độ trực tuyến. Để xem các tin nhắn e-mail mới

nhất, bạn phải ngắt kết nối và kết nối lại vào hộp thư của bạn.

Security (ports)—Được sử dụng với các giao thức POP3, IMAP4 và SMTP để bảo mật cho kết nối với hộp thư từ xa.

APOP secure login (không hiển thị nếu IMAP4 đã chọn làm **Mailbox type**)—Được sử dụng với giao thức POP3 để mã hóa việc gửi mật mã đến server e-mail từ xa trong khi kết nối vào hộp thư.

User settings:

E-mails to retrieve (sẽ không hiển thị nếu giao thức e-mail được cài sang POP3)—Xác định số e-mail mới sẽ được tải về hộp thư.

Retrieve—Xác định những thành phần nào của e-mail sẽ được tải về: **Headers only**, **Partially (kB)**, hoặc **Msgs. & attaches.** (sẽ không hiển thị nếu giao thức e-mail được cài sang IMAP4).

Retrieve attachments (sẽ không hiển thị nếu giao thức e-mail được cài sang POP3)—Xác định việc tải e-mail có hoặc không có các tập tin đính kèm.

Subscribed folders (sẽ không hiển thị nếu giao thức e-mail được cài sang POP3)—Bạn có thể thuê bao các thư mục khác trong hộp thư từ xa và tải nội dung về từ các thư mục đó.

Send copy to self—Chọn **Yes** để lưu bản sao e-mail vào hộp thư từ xa của bạn và vào địa chỉ được xác định trong phần **My e-mail address**.

Include signature—Chọn **Yes** nếu bạn muốn đính kèm chữ ký vào tin nhắn e-mail của bạn.

My name—Nhập tên của bạn vào đây. Tên của bạn sẽ được hiển thị trên điện thoại của người nhận thay thế cho địa chỉ e-mail của bạn trong trường hợp điện thoại người nhận hỗ trợ chức năng này.

Automatic retrieval:

Header retrieval—Khi chức năng này được kích hoạt, điện thoại sẽ tự động tải tin nhắn về. Bạn có thể xác định thời điểm và chu kỳ tự động tải tin nhắn về từ hộp thư.

Việc kích hoạt **Header retrieval** có thể làm tăng cước phí của bạn do dung lượng dữ liệu sẽ lớn hơn.

Tin nhắn dịch vụ Web

Chọn **Messaging > Options > Settings > Service message**. Cho phép bạn chọn nhận hoặc không nhận tin nhắn dịch vụ. Nếu bạn muốn điện thoại tự động kích hoạt trình duyệt và bắt đầu kết nối mạng để tải nội dung khi điện thoại nhận tin nhắn dịch vụ, chọn **Download messages > Automatically**.

Tin nhắn quảng bá

Kiểm tra lại với nhà cung cấp dịch vụ của bạn về các chủ đề hiện có và mã số chủ đề liên quan, và chọn **Messaging > Options > Settings > Cell broadcast** để thay các thông số cài đặt.

Language—**All** cho phép bạn nhận tin nhắn quảng bá dưới dạng tất cả các ngôn ngữ mà điện thoại hỗ trợ. **Selected** cho phép bạn chọn ngôn ngữ thể hiện trong tin nhắn quảng bá mà bạn sẽ nhận. Nếu bạn không thể tìm thấy ngôn ngữ mình cần, chọn **Other**.

Topic detection—Nếu bạn cài **Topic detection > On**, điện thoại sẽ tự động tìm kiếm các mã số chủ đề mới, và lưu các mã số mới không có tên vào danh sách chủ đề. Chọn **Off** nếu bạn không muốn máy tự động lưu các mã số chủ đề mới.

Cài đặt khác

Chọn **Messaging > Options > Settings > Other**.

Save sent messages—Chọn lưu hoặc không lưu bản sao của từng tin nhắn văn bản, tin nhắn đa phương tiện, hoặc e-mail mà bạn đã gửi vào thư mục **Sent**.

No. of saved msgs.—Xác định số lượng tin nhắn đã gửi sẽ được lưu vào thư mục **Sent** tại từng thời điểm. Giới hạn mặc định là 20 tin nhắn. Khi đã đạt giới hạn đó, tin nhắn cũ nhất sẽ bị xóa.

Memory in use—Chọn loại bộ nhớ để lưu các tin nhắn của bạn: **Phone memory** hoặc **Memory card**.



Mẹo! Nếu **Memory card** được chọn, hãy kích hoạt cấu hình offline trước khi mở nắp khe chứa thẻ nhớ hoặc trước khi tháo thẻ nhớ. Nếu bạn không dùng thẻ nhớ, các tin nhắn sẽ được lưu trong bộ nhớ điện thoại.

New E-mail alerts—Chọn hiển thị hoặc không hiển thị chỉ báo có e-mail mới, hoặc nghe nhạc chuông hoặc xem ghi chú, khi có thư mới vừa được gửi vào hộp thư.

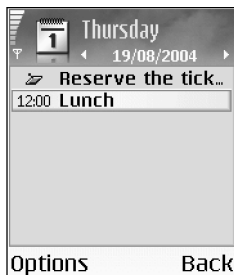
Calendar

-  **Phím tắt:** Bấm phím bất kỳ (1 00 – ) trong bất kỳ giao diện lịch nào. Mục Meeting sẽ được mở và các ký tự mà bạn đã nhập vào sẽ được thêm vào trường **Subject**.



Tạo các mục nhập lịch

- 1 Bấm , và chọn **Calendar > Options > New entry** và các tùy chọn sau:
Meeting—Để nhắc bạn ngày và giờ cụ thể của cuộc hẹn.
Memo—Để viết một mục chung trong ngày.
Anniversary—Để nhắc bạn các ngày sinh nhật hoặc các ngày đặc biệt.
 Các mục ngày kỷ niệm sẽ được lặp lại hàng năm.
 Điền thông tin vào các trường cho sẵn. Sử dụng  để di chuyển giữa các trường.
Alarm (chỉ dành cho hội họp)—Chọn **On**, và bấm  để điền vào các trường **Alarm time** và **Alarm**



date.  trong giao diện ngày có cài báo thức. Để ngừng âm báo lịch, chọn **Silence** để tắt âm báo lịch. Văn bản nhắc nhở vẫn còn ở trên màn hình. Chọn **Stop** để ngừng âm báo. Chọn **Snooze** để cài phát lại âm báo.

Repeat—Bấm  để thay đổi ghi chú lịch sẽ được lặp lại ( sẽ hiển thị trong giao diện Ngày).
Repeat until—Bạn có thể cài ngày kết thúc cho ghi chú lặp lại.

Synchronisation:

Private—sau khi đồng bộ, chỉ có bạn là người có thể nhìn thấy mục lịch và người khác sẽ không nhìn thấy mục này cho dù họ đang truy cập trực tuyến để xem lịch.

Public—Mục lịch này sẽ hiển thị cho những người đang truy cập trực tuyến vào lịch.

None—Mục lịch sẽ không được sao chép vào máy PC khi bạn đồng bộ.

- 3 Để lưu các mục lịch, chọn **Done**.

 **Mẹo!** Để gửi một ghi chú lịch đến một máy tương thích, chọn **Options > Send > Via text message**, **Via multimedia**, hoặc **Via Bluetooth**.

Xem lịch

 **Mẹo!** Chọn **Options** > **Settings** để thay đổi giao diện sẽ được hiển thị khi bạn mở lịch hoặc xem ngày đầu tuần.

Trong giao diện tháng, những ngày có ghi chú lịch sẽ được đánh dấu bằng một hình tam giác nhỏ ở góc phải bên dưới. Trong giao diện tuần, các memo và ngày kỷ niệm được đặt trước 8 giờ.

Các biểu tượng trong giao diện ngày và tuần:

 **Memo**

 **Anniversary**

Sẽ không có biểu tượng nào dành cho **Meeting**.

- Để vào một ngày cụ thể, chọn **Options** > **Go to date**, nhập ngày đó vào và chọn **OK**.
- Bấm  **#** để vào trực tiếp ngày đó.

 **Mẹo!** Bạn có thể chuyển dữ liệu lịch và công việc từ nhiều điện thoại Nokia khác nhau vào điện thoại của bạn hoặc đồng bộ hóa lịch và ghi chú việc với máy PC bằng Nokia PC Suite. Xem trong đĩa CD được cung cấp cùng với điện thoại.

Cài đặt âm báo lịch

Bạn có thể cài một âm báo nhắc nhở bạn về cuộc họp. Tùy chọn này không có cho các ghi chú.

- 1 Mở một mục mà bạn muốn cài âm báo và chọn **Alarm** > **On**.
- 2 Cài **Alarm time** và **Alarm date**.
- 3 Di chuyển đến chức năng **Repeat**, và bấm  để chọn chu kỳ lặp lại âm báo.
- 4 Chọn **Done**.

Để xóa một âm báo lịch, mở mục bạn muốn xóa âm báo và chọn **Alarm** > **Off**.

Xóa các mục lịch

Để xóa các mục cũ trong **Calendar** sẽ tiết kiệm bộ nhớ của điện thoại.

Để xóa nhiều sự kiện cùng lúc, vào giao diện Tháng và chọn **Options** > **Delete entry** và một trong các tùy chọn sau:

- **Before date**—Để xóa tất cả các ghi chú lịch được đặt trước ngày cụ thể.
- **All entries**—Để xóa tất cả các ghi chú lịch.

Cài đặt lịch

Để chỉnh sửa **Calendar alarm tone**, **Default view**, **Week starts on**, và **Week view title**, chọn **Options** > **Settings**.



Nhiều nhà cung cấp dịch vụ thường có các trang web được đặc biệt thiết kế để dùng trên các thiết bị di động. Để truy cập những trang web này, bấm  và chọn **Web**. Những trang Web này sử dụng ngôn ngữ đánh dấu không dây (WML), ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản mở rộng (XHTML), hoặc ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản (HTML).

Kiểm tra tính khả dụng, giá cả và thuế của các dịch vụ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Nhà cung cấp dịch vụ cũng sẽ hướng dẫn bạn cách sử dụng các dịch vụ này.

 **Phím tắt:** Để bắt đầu kết nối, bấm và giữ   khi ở chế độ chờ.

Truy cập Web

- Lưu các cài đặt cần thiết để truy cập trang Web bạn muốn sử dụng. Xem phần "[Nhận các thông số cài đặt trình duyệt](#)" ở trang 69 hoặc "[Nhập cài đặt theo cách thủ công](#)" ở trang 69.
- Kết nối vào trang Web. Xem phần "[Tạo kết nối](#)" ở trang 71.
- Bắt đầu duyệt trang web. Xem phần "[Trình duyệt](#)" ở trang 72.

- Kết thúc một kết nối Web. Xem phần "[Ngưng kết nối](#)" ở trang 74.

Nhận các thông số cài đặt trình duyệt

 **Mẹo!** Các cài đặt có thể được đăng tải sẵn trên trang Web của nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

Bạn có thể nhận các thông số về dịch vụ Web dưới dạng một tin nhắn dạng văn bản đặc biệt từ nhà điều hành mạng hoặc từ nhà cung cấp dịch vụ cung cấp trang Web. Xem phần "[Dữ liệu và các thông số cài đặt](#)" ở trang 57. Để biết thêm thông tin, liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

Nhập cài đặt theo cách thủ công

Thực hiện theo các hướng dẫn được nhà cung cấp dịch vụ cung cấp.

- 1 Chọn **Tools** > **Settings** > **Connection** > **Access points**, và xác định cài đặt cho điểm truy cập. Xem phần "[Connection- Cài đặt kết nối](#)" ở trang 101.

- 2 Chọn **Web > Options > Bookmark manager > Add bookmark**. Đặt một tên cho chỉ mục và địa chỉ của trang trình duyệt xác định điểm truy cập hiện tại.

Giao diện chỉ mục

 **Chú giải:** Một chỉ mục bao gồm một địa chỉ Internet (bắt buộc), tiêu đề của chỉ mục, điểm truy cập và tên người dùng kèm mật khẩu, nếu trang Web yêu cầu.

 Các tùy chọn trong giao diện chỉ mục là **Open, Download, Back to page, Bookmark manager, Mark/Unmark, Navigation options, Advanced options, Send, Find bookmark, Details, Settings, Help**, và **Exit**.

 **Lưu ý:** Điện thoại của bạn có một số chỉ mục dẫn đến một số trang không liên kết với Nokia. Nokia sẽ không chúng nhận hoặc chấp thuận các trang này. Nếu muốn truy cập các trang này, bạn nên đề phòng về sự an toàn hoặc nội dung của chúng như ở bất kỳ trang Internet nào.

Các biểu tượng trong giao diện chỉ mục:

 Trang bắt đầu được xác định cho điểm truy cập mặc định. Nếu bạn sử dụng điểm truy cập mặc định khác để trình duyệt, trang bắt đầu sẽ thay đổi tương ứng.

 Thư mục chỉ mục tự động chứa các chỉ mục () được thu thập tự động khi bạn trình duyệt các trang. Các chỉ mục trong thư mục này được sắp xếp theo tên miền.

 Bất kỳ chỉ mục nào cũng hiển thị tiêu đề hoặc địa chỉ Internet của chỉ mục đó.

Thêm chỉ mục theo cách thủ công

- 1 Trong giao diện chỉ mục, chọn **Options > Bookmark manager > Add bookmark**.
- 2 Điền thông tin vào các trường dữ liệu. Chỉ địa chỉ URL được xác nhận. Điểm truy cập mặc định sẽ được gán cho chỉ mục nếu không có giá trị nào khác được chọn. Bấm ***** + để nhập các giá trị đặc biệt như /, ., :, và @. Bấm  để xóa các ký tự.
- 3 Chọn **Options > Save** để lưu chỉ mục.

Gửi chỉ mục

Di chuyển đến một chỉ mục và chọn **Options > Send > Via text message**. Bấm  để gửi. Bạn có thể gửi nhiều chỉ mục cùng lúc.



Mẹo! Để gửi một chỉ mục, di chuyển đến chỉ mục đó và chọn **Options > Send > Via text message**.

Tạo kết nối

Khi bạn đã lưu tất cả các cài đặt kết nối cần thiết, bạn có thể truy cập các trang trình duyệt.

- 1 Chọn một chỉ mục hoặc địa chỉ vào trường . Khi bạn nhập địa chỉ, chỉ mục khớp với địa chỉ này sẽ hiển thị phía trên trường. Bấm  để chọn một chỉ mục tương ứng.

 Các tùy chọn khi trình duyệt (tùy thuộc vào trang mà bạn đang xem) là **Open, Accept, Remove file, Open in viewer, Open Wallet, Service options, Bookmarks, Save as bookmark, View images, Navigation options, Advanced options, Show images, Send bookmark, Find, Details, Settings, Help**, và **Exit**.

- 2 Bấm  để bắt đầu tải trang web về.

Kết nối an toàn

Nếu chỉ báo bảo vệ  hiển thị trong quá trình kết nối, việc truyền dữ liệu giữa thiết bị và cổng Internet hoặc máy chủ được mã hóa.

Biểu tượng an toàn không chỉ báo việc truyền dữ liệu giữa cổng và server nguồn (hoặc nơi lưu nội dung nguồn yêu cầu) được bảo vệ. Nhà cung cấp dịch vụ bảo vệ việc truyền dữ liệu giữa cổng và server nguồn.

Chọn **Options > Details > Security** để xem các thông tin chi tiết về tình trạng kết nối, trạng thái mã hóa, thông tin về máy chủ và việc xác nhận dành cho người sử dụng.

Những tính năng bảo vệ có thể được yêu cầu cho một số dịch vụ, ví dụ như các dịch vụ ngân hàng. Đối với những kết nối như vậy, bạn sẽ cần đến các chứng chỉ bảo vệ. Để biết thêm thông tin, xin liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ của bạn. Xem thêm phần "**Quản lý chứng chỉ**" ở trang 106.

Trình duyệt

Trên một trang trình duyệt, các liên kết mới sẽ xuất hiện với đường gạch dưới màu xanh và các trang đã liên kết có màu tím. Những hình chứa trang liên kết có đường viền màu xanh xung quanh.

Để vào một liên kết, đánh dấu ô lựa chọn, và để lựa chọn, bấm .

Để trở về trang trước trong khi trình duyệt, chọn **Back**. Nếu tùy chọn **Back** không có, chọn **Options** > **Navigation options** > **History** để xem danh sách các trang mà bạn đã vào trong phiên trình duyệt theo thứ tự thời gian. Danh sách các trang đã xem sẽ bị xóa sau mỗi lần kết thúc phiên trình duyệt.

Để tải về nội dung mới nhất từ server, chọn **Options** > **Navigation options** > **Reload**.

Để lưu một chỉ mục, chọn **Options** > **Save as bookmark**.



Mẹo! Để truy cập vào giao diện chỉ mục trong khi đang trình duyệt, bấm và giữ . Để trở về cửa sổ trình duyệt lần nữa, chọn **Options** > **Back to page**.

Để lưu lại một trang trong khi trình duyệt, chọn **Options** > **Advanced options** > **Save page**. Bạn có thể lưu các trang vào bộ nhớ của máy hoặc vào thẻ nhớ, và duyệt lại chúng khi không kết nối mạng. Để truy cập các trang này sau, bấm  trong giao diện chỉ mục để mở giao diện **Saved pages**.

Để nhập vào một địa chỉ URL mới, chọn **Options** > **Navigation options** > **Go to web address**.

Để mở danh sách phụ chứa các lệnh hoặc tác vụ trên trang trình duyệt đang mở, chọn **Options** > **Service options**.

Bạn có thể tải xuống các mục như nhạc chuông, hình ảnh, logo mạng, chủ đề, và các đoạn video clip. Các mục tải về sẽ được xử lý bởi các ứng dụng tương ứng trong điện thoại của bạn, ví dụ hình ảnh tải về sẽ được lưu vào **Gallery**.



Phím tắt: Sử dụng  **#** để chuyển nhanh xuống cuối trang và  **+** để chuyển nhanh về đầu trang.

Việc bảo vệ bản quyền có thể sẽ không cho phép sao chép, chỉnh sửa hay chuyển tiếp một số hình ảnh, kiểu chuông hay nội dung khác.



Chú ý: Chỉ cài đặt các phần mềm từ các nguồn đã được đảm bảo để tránh cài phải những phần mềm nguy hiểm.

Để tải xuống và xem các tin nhắn dịch vụ Web mới trong khi trình duyệt, chọn **Options > Advanced options > Read service msgs.** (chỉ hiển thị khi có tin nhắn mới). Xem thêm phần "**Tin nhắn dịch vụ Web**" ở trang 57.



Mẹo! Trình duyệt của bạn sẽ tự động thu thập các chỉ mục trong khi bạn đang duyệt các trang Web. Các chỉ mục sẽ được lưu vào trong thư mục chỉ mục tự động (☰) và được tự động sắp xếp theo tên miền. Xem thêm phần "**Cài đặt web**" ở trang 74.

Xem các trang đã lưu

Nếu bạn thường trình duyệt các trang có chứa thông tin không thay đổi, bạn có thể lưu lại để xem không cần kết nối. Trong giao diện các trang đã lưu, bạn cũng có thể tạo các thư mục để lưu lại các trang mà bạn đã trình duyệt.

▶ Các tùy chọn trong cửa sổ các trang đã lưu là **Open, Back to page, Reload, Saved pages, Mark/**

Unmark, Navigation options, Advanced options, Details, Settings, Help, và Exit.

Để mở giao diện các trang đã lưu, bấm  trong giao diện chỉ mục. Trong giao diện Các trang đã lưu, bấm  để mở một trang đã lưu ().

Để lưu lại một trang trong khi trình duyệt, chọn **Options > Advanced options > Save page.**

Để khởi động kết nối với dịch vụ trình duyệt và để tải về phiên bản mới nhất của trang, chọn **Options > Reload.** Điện thoại sẽ ở trạng thái trực tuyến sau khi bạn tải lại trang đó.

Tải xuống và mua các mục

Bạn có thể tải xuống các mục như nhạc chuông, hình ảnh, logo mạng, chủ đề, và các đoạn video clip. Các mục này có thể được cung cấp miễn phí hoặc bạn có thể mua chúng. Các mục tải về sẽ được xử lý bởi các ứng dụng tương ứng trong điện thoại của bạn, ví dụ hình ảnh tải về sẽ được lưu vào **Gallery.**



Chú ý: Chỉ cài đặt những ứng dụng từ nguồn bảo đảm chống lại phần mềm nguy hiểm khác.

- 1 Để tải xuống, di chuyển đến liên kết tương ứng và bấm .

Nếu mục này được cung cấp miễn phí, chọn **Accept**. Một khi đã tải xong, nội dung mục này sẽ được tự động mở bằng một ứng dụng thích hợp. Để hủy việc tải xuống, chọn **Cancel**.

- 2 Chọn tùy chọn thích hợp để mua mục đó, ví dụ "Mua".
- 3 Đọc cẩn thận tất cả thông tin được cung cấp. Nếu các nội dung trực tuyến phù hợp, bạn có thể sử dụng thông tin chi tiêu để đặt mua.
- 4 Chọn **Open Wallet**. Bạn sẽ được yêu cầu nhập mã chi tiêu. Xem phần "**Tạo mã chi tiêu**" ở trang 80.
- 5 Chọn loại thẻ tương ứng trong mục chi tiêu của bạn.
- 6 Chọn **Fill in**. Thông tin chi tiêu được chọn sẽ được tải lên.
Nếu chi tiêu của bạn không có chứa tất cả các thông tin cần thiết để mua hàng, bạn sẽ được yêu cầu nhập các chi tiết còn lại theo cách thủ công.



Lưu ý: Việc bảo vệ bản quyền sẽ không cho phép sao chép, chỉnh sửa hoặc chuyển tiếp một số hình ảnh, kiểu chuông hoặc nội dung khác.

Ngưng kết nối

Chọn **Options** > **Advanced options** > **Disconnect**, hoặc bấm và giữ  để thoát khỏi trình duyệt và trở về chế độ chờ.

Dọn cache

Thông tin hoặc dịch vụ bạn vừa truy cập được lưu trong bộ nhớ cache của điện thoại.



Lưu ý: Cache là một vị trí bộ nhớ được dùng để lưu dữ liệu tạm thời. Nếu bạn thử truy cập hoặc đã truy cập các thông tin bảo mật cần đến mật mã, làm trống bộ nhớ cache sau mỗi lần sử dụng. Thông tin hoặc dịch vụ bạn vừa truy cập được lưu trong bộ nhớ cache của điện thoại. Để xóa bộ nhớ cache, chọn **Options** > **Navigation options** > **Clear cache**.

Cài đặt web

Chọn **Options** > **Settings** và chọn một trong các tùy chọn sau:

Default access point—Để thay đổi điểm truy cập mặc định, bấm  để mở danh sách các điểm truy cập hiện có. Xem phần "**Connection- Cài đặt kết nối**" ở trang 101.

Show images—Để chọn xem bạn có muốn tải hoặc không tải hình ảnh về trong khi đang duyệt. Nếu bạn chọn **No**, để truy nhập vào các hình ảnh đó sau, chọn **Options > Show images**.

Font size—Để chọn kích cỡ chữ.

Default encoding – Nếu các ký tự văn bản không hiển thị đúng, bạn có thể chọn cách mã hóa khác tùy theo ngôn ngữ.

Automatic bookmarks—Để tắt chức năng thu thập chỉ mục tự động, chọn **Off**. Nếu bạn muốn tiếp tục thu thập các chỉ mục tự động nhưng ẩn giấu thư mục khỏi giao diện chỉ mục, chọn **Hide folder**.

Screen size—Để chọn nội dung hiển thị khi bạn đang trình duyệt. Chọn **Select. keys only**, hoặc **Full screen**.

Search page—Để xác nhận một trang Web sẽ được tải về khi bạn chọn **Navigation options > Open search page** trong giao diện chỉ mục hoặc khi đang trình duyệt.

Volume—Nếu bạn muốn trình duyệt để phát các âm thanh được nhúng trong các trang web, hãy chọn một mức âm lượng.

Rendering—Nếu bạn muốn hiển thị trang thật chính xác khi ở chế độ **Small screen**, chọn **By quality**. Nếu

bạn không muốn tải về các bảng chứa thuộc tính trình bày xếp tầng mở rộng, chọn **By speed**.

Cookies—Để cho phép hoặc không cho phép nhận và gửi các cookie.



Chú giải: Cookies là một phương tiện của các nhà cung cấp nội dung để nhận diện người dùng và những sở thích của họ đối với những nội dung thường dùng.

Java/ECMA script cho phép hoặc không cho phép sử dụng các đoạn mã script.

Security warnings—Để ẩn hoặc hiện các chỉ báo bảo mật.

Conf. DTMF sending—Chọn xem bạn có muốn xác nhận trước khi điện thoại gửi âm DTMF trong khi cuộc gọi thoại đang diễn ra hay không. Xem thêm phần **"Các tùy chọn trong khi gọi"** ở trang 27.

Wallet > On—Để mở chức năng chi tiêu tự động khi một trang trình duyệt tương thích mở ra. Xem phần **"Wallet-chi tiêu"** ở trang 79.

Office



Caculator- Máy tính

Để cộng, trừ, nhân, chia, tính căn bậc hai và tỷ lệ phần trăm, bấm và chọn **Office > Calculator**.



Lưu ý: Máy tính có độ chính xác giới hạn và được thiết kế để thực hiện các phép tính đơn giản.

Để lưu số điện thoại vào trong bộ nhớ (được chỉ báo bằng ký tự **M**), chọn **Options > Memory > Save**. Để truy cập một số điện thoại trong bộ nhớ, chọn **Options > Memory > Recall**. Để xóa một số điện thoại trong bộ nhớ, chọn **Options > Memory > Clear**.

Tính phần trăm

- 1 Nhập vào một con số cần tính phần trăm.
- 2 Chọn , , , hoặc .
- 3 Nhập phần trăm.
- 4 Chọn .



Converter- Bộ chuyển đổi

Để chuyển đổi các số đo, ví dụ như **Length** từ đơn vị này (**Yards**) sang đơn vị khác (**Metres**), bấm và chọn **Office > Converter**.



Các tùy chọn trong phần **Converter** là **Select unit/Change currency**, **Conversion type**, **Currency rates**, **Help**, và **Exit**.

Lưu ý rằng **Converter** có độ chính xác giới hạn và các lỗi làm tròn có thể xảy ra.

- 1 Di chuyển đến trường **Type** và bấm để mở danh sách các số đo. Di chuyển đến số đo bạn muốn sử dụng và chọn **OK**.
- 2 Di chuyển đến trường **Unit** đầu tiên và bấm . Chọn đơn vị cần chuyển đổi và chọn **OK**. Di chuyển đến trường **Unit** kế tiếp, và chọn đơn vị bạn muốn đổi ra.
- 3 Di chuyển đến trường **Amount** đầu tiên và nhập giá trị bạn muốn chuyển đổi. Các trường **Amount** khác sẽ tự động thay đổi để hiển thị giá trị chuyển đổi.

Bấm  # để thêm dấu thập phân và bấm * + cho các biểu tượng +, - (dành cho nhiệt độ), và E (số mũ).

Xác định loại tiền tệ gốc và tỉ giá chuyển đổi

 **Mẹo!** Để thay đổi thứ tự chuyển đổi, nhập giá trị vào trường **Amount** thứ hai. Kết quả sẽ được hiển thị trong trường **Amount** thứ nhất.

Trước khi thực hiện chuyển đổi tiền tệ, bạn cần chọn một loại tiền tệ cơ sở và thêm các tỉ giá chuyển đổi. Tỉ giá tiền tệ luôn là 1. Đồng tiền gốc xác định tỉ giá chuyển đổi của đồng tiền khác.

- 1 Chọn **Converter** > **Options** > **Currency rates**. Danh sách các loại tiền tệ sẽ mở ra và bạn có thể thấy loại tiền tệ gốc hiện thời ở đầu danh sách.
- 2 Để thay đổi đồng tiền gốc, di chuyển đến loại tiền tệ và chọn **Options** > **Set as base curr.**

 **Mẹo!** Để đổi tên một loại tiền tệ, vào giao diện tỉ giá chuyển đổi, di chuyển đến loại tiền tệ và chọn **Options** > **Rename currency**.

- 3 Nhập tỉ giá chuyển đổi. Di chuyển đến tiền tệ và nhập tỉ giá mới vào, điều đó có nghĩa là có bao nhiêu đơn vị tiền tệ sẽ bằng một đơn vị của đồng tiền gốc mà bạn đã chọn.

Sau khi bạn đã nhập tất cả các tỉ giá cần thiết, bạn có thể thực hiện việc chuyển đổi.



Lưu ý: Khi bạn thay đổi tiền tệ, bạn phải nhập tỉ giá mới vào vì tất cả các tỉ giá trước đó đã được chuyển về 0.



To do- Công việc

Tạo danh sách công việc

Bấm  và chọn **Office** > **To-do** để soạn ghi chú và lưu danh sách công việc.

Để thêm một ghi chú, bấm phím bất kỳ để nhập công việc vào trường **Subject**.

Để cài ngày sẽ làm việc đó, di chuyển đến trường **Due date** và nhập một ngày vào.

Để cài mức độ ưu tiên cho ghi chú **To-do**, di chuyển đến trường **Priority**, và bấm  để chọn mức độ ưu tiên. Các biểu tượng ưu tiên là  (**High**) và  (**Low**). Sẽ không có biểu tượng nào dành cho mức **Normal**.

Để đánh dấu một công việc đã hoàn tất, di chuyển đến công việc đó trong danh sách **To-do** và chọn **Options** > **Mark as done**.

Để khôi phục lại một công việc, di chuyển đến công việc đó trong danh sách **To-do** và chọn **Options > Mark as not done**.



Notes- Ghi chú

Bấm  và chọn **Office > Notes** để soạn ghi chú. Bạn có thể gửi nội dung ghi chú đến các thiết bị tương thích khác và lưu các tập văn bản đơn giản (dạng TXT) mà bạn nhận được vào **Notes**.



Recorder- Máy ghi âm

Bấm  , và chọn **Office > Recorder** để ghi âm lại các cuộc điện đàm và memo thoại. Nếu bạn đang ghi âm một cuộc điện đàm, cả hai bên tham gia đàm thoại đều nghe thấy một âm thanh mỗi 5 giây trong suốt thời gian ghi âm.

My own



Go to—thêm phím tắt

Phím tắt mặc định:

- Mở **Calendar**
- Mở **Inbox**
- Mở **Notes**

Để lưu các phím tắt (các liên kết đến hình ảnh, ghi chú, chỉ mục, v.v... mà bạn ưa thích), bấm và chọn **My own > Go to**. Các phím tắt chỉ được gán cho các ứng dụng riêng lẻ, ví dụ như **Gallery**. Không phải tất cả các ứng dụng đều có chức năng này.

- 1 Chọn một mục trong ứng dụng mà bạn muốn tạo phím tắt.
- 2 Chọn **Add to 'Go to'**. Phím tắt trong **Go to** sẽ được tự động cập nhật nếu bạn di chuyển ứng dụng đang gán phím (ví dụ như từ thư mục này sang thư mục khác).

Để thay đổi tên nhận dạng nằm ở góc trái bên dưới của biểu tượng phím tắt, chọn **Options > Shortcut icon**.

Xóa phím tắt

Chọn phím tắt và bấm . Bạn không thể xóa các phím tắt mặc định **Notes**, **Calendar**, và **Inbox**.

Khi bạn xóa ứng dụng hoặc tài liệu có sử dụng phím tắt trong **Go to**, biểu tượng phím tắt của mục bị xóa đó sẽ mờ đi trong màn hình **Go to**. Phím tắt sẽ bị xóa trong lần truy cập kế tiếp bạn vào **Go to**.



Wallet-chi tiêu

Bấm , và chọn **My own > Wallet**. Chức năng **Wallet** cung cấp cho bạn khu vực để bạn lưu trữ các thông tin cá nhân như số thẻ tín dụng hoặc thẻ rút tiền, địa chỉ và dữ liệu hữu ích khác như tên thuê bao và mật mã.

Thông tin lưu trong **Wallet** có thể được truy nhập trong khi trình duyệt để tự động điền vào các tờ khai trực tuyến trên trang trình duyệt, ví dụ khi dịch vụ yêu cầu chi tiết thẻ tín dụng. Dữ liệu trong **Wallet** sẽ được mã hóa và bảo vệ bằng một mã chi tiêu do bạn quy định.

Wallet sẽ tự động đóng lại sau 5 phút. Nhập mã chỉ tiêu để truy cập lại nội dung của ứng dụng này. Bạn có thể thay đổi khoảng thời gian tự động hết hạn này, nếu cần. Xem phần "[Cài đặt chỉ tiêu](#)" ở trang 82.

► Các tùy chọn trong cửa sổ **Wallet** chính là **Open**, **Settings**, **Help**, và **Exit**.

Tạo mã chỉ tiêu

Mỗi khi bạn mở ứng dụng **Wallet**, bạn sẽ được yêu cầu nhập mã chỉ tiêu. Nhập vào mã mà bạn đã tạo và chọn **OK**.

Khi bạn mở ứng dụng **Wallet** lần đầu tiên, bạn phải tạo mã chỉ tiêu của riêng mình:

- 1 Nhập mã mà bạn chọn (4—10 ký tự số), và chọn **OK**.
- 2 Bạn sẽ được yêu cầu xác nhận mã. Nhập vào mã mà bạn vừa nhập ở trên, và chọn **OK**. Không cho người khác biết mã chỉ tiêu của bạn.

Nếu bạn nhập mã chỉ tiêu sai ba lần liên tiếp, ứng dụng **Wallet** sẽ bị khóa trong 5 phút. Thời gian khóa sẽ tăng lên nếu bạn vẫn nhập sai mã chỉ tiêu.

Nếu bạn quên hoặc làm mất mã chỉ tiêu, bạn sẽ phải cài đặt lại mã này, và bạn sẽ mất toàn bộ các

thông tin lưu trữ trong phần **Wallet**. "[Cài đặt lại chức năng chỉ tiêu và mã chỉ tiêu](#)" ở trang 82.

Lưu trữ chi tiết thẻ cá nhân

- 1 Chọn loại **Cards** trong menu chính của ứng dụng **Wallet** và bấm .
- 2 Chọn loại thẻ trong danh sách và bấm .
 - Payment cards**—Thẻ tín dụng và thẻ rút tiền.
 - Loyalty cards**—Thẻ thành viên và thẻ lưu.
 - Online acc. cards**—Tên thuê bao và mật mã cá nhân dành cho các dịch vụ trực tuyến.
 - Address cards**—Chi tiết về các sổ liên lạc nhà riêng hoặc văn phòng.
 - User info cards**—Các thông tin cá nhân thường dùng dành cho các dịch vụ trực tuyến.
- 3 Chọn **Options** > **New card**. Một tờ khai trống sẽ mở ra.
- 4 Điền thông tin vào các trường, và chọn **Done**.

Bạn cũng có thể nhận thông tin thẻ về điện thoại trực tiếp từ nhà cung cấp thẻ hoặc nhà cung cấp dịch vụ (nếu họ cung cấp dịch vụ này). Bạn sẽ được thông báo như là người sở hữu thẻ chỉ tiêu ấy. Lưu lại hoặc loại bỏ thẻ chỉ tiêu. Bạn có thể xem và đổi tên thẻ đã lưu nhưng bạn không thể chỉnh sửa thẻ.

Bạn có thể mở, chỉnh sửa hoặc xóa các trường trong thẻ. Bất kỳ thay đổi nào cũng sẽ được lưu lại.

Tạo ghi chú cá nhân

Ghi chú cá nhân là phương tiện dùng để lưu trữ các thông tin nhạy cảm, ví dụ như số tài khoản ngân hàng. Bạn có thể truy cập dữ liệu trong ghi chú cá nhân từ trang trình duyệt. Bạn cũng có thể gửi ghi chú dưới dạng tin nhắn.

- 1 Chọn loại **Personal notes** trong menu chính của ứng dụng **Wallet**, và bấm .
- 2 Chọn **Options > New note**. Một ghi chú trống sẽ mở ra.
- 3 Bấm **1**   để bắt đầu viết. Bấm  để xóa các ký tự.
- 4 Chọn **Done** để lưu lại.

Tạo cấu hình chi tiêu

Sau khi đã lưu các chi tiết cá nhân của bạn, bạn có thể kết hợp các dữ liệu này vào cấu hình chi tiêu. Bạn có thể sử dụng cấu hình chi tiêu để tải các dữ liệu từ các loại thẻ và loại tùy chọn khác của ứng dụng chi tiêu về để dùng trên trình duyệt, ví dụ như khi điền vào tờ khai trực tuyến.

- 1 Chọn loại **Wallet profiles** trong menu chi tiêu chính và bấm .

- 2 Chọn **Options > New profile**. Bạn đang mở mẫu cấu hình chi tiêu mới.
- 3 Điền thông tin vào các trường hoặc chọn một trong các mục được liệt kê:
 - Profile name**—Chọn và nhập tên cấu hình.
 - Payment card**—Chọn thẻ trong danh sách.
 - Loyalty card**—Chọn thẻ trong danh sách.
 - Online access card**—Chọn thẻ trong danh sách.
 - Shipping address**—Chọn địa chỉ trong danh sách.
 - Billing address**—Theo mặc định, đây cũng là địa chỉ liên lạc. Nếu bạn yêu cầu một địa chỉ khác, chọn một địa chỉ từ mục thẻ ghi địa chỉ.
 - User info card**—Chọn thẻ trong danh sách.
 - Receive e-receipt**—Chọn nơi nhận trong danh sách.
 - Deliver e-receipt**—Chọn **To phone**, **To e-mail**, hoặc **To pho. & e-mail**.
 - RFID sending**—Cài sang trạng thái **On** hoặc **Off**. Chọn gửi hay không gửi mã nhận dạng điện thoại của riêng bạn cùng với cấu hình chi tiêu.
- 4 Chọn **Done**.

 **Ví dụ:** Bạn có thể tải các chi tiết thẻ thanh toán lên mà không cần nhập số thẻ và ngày hết hạn (tùy thuộc vào nội dung trình duyệt). Bạn cũng có thể tải tên thuê bao và mật mã được lưu dưới dạng thẻ truy cập khi kết nối với dịch vụ di động yêu cầu xác nhận.

Xem chi tiết vé

Bạn có thể nhận các thông báo của vé mua hàng trực tuyến qua trình duyệt. Các thông báo đã nhận đã lưu trong chi tiêu. Để xem các thông báo:

- 1 Chọn loại **Tickets** trong menu chính của ứng dụng **Wallet**, và bấm .
- 2 Chọn **Options** > **View**. Bạn không thể thay đổi bất kỳ trường nào trong thông báo này.

Cài đặt chi tiêu

Trong menu chính của ứng dụng **Wallet**, chọn **Options** > **Settings** và một trong các tùy chọn sau:

Wallet code—Thay đổi mã chi tiêu. Bạn sẽ được yêu cầu nhập mã hiện tại vào, tạo một mã mới và xác nhận mã này.

RFID—Cài các tùy chọn mã ID, loại, và tùy chọn gửi.

Automatic close—Thay đổi khoảng thời gian tự động hết hạn (1—60 phút). Sau khoảng thời gian này, bạn sẽ phải nhập lại mã chi tiêu để có thể truy cập vào nội dung.

Cài đặt lại chức năng chi tiêu và mã chi tiêu

Thao tác này sẽ xóa tất cả nội dung của ứng dụng **Wallet**.

Để cài đặt lại cả hai nội dung của ứng dụng **Wallet** và mã chi tiêu:

- 1 Nhập *#7370925538# khi ở chế độ chờ.
- 2 Nhập mã khóa điện thoại và chọn **OK**. Xem phần "[Security-Bảo mật](#)" ở trang 104.

Khi mở lại ứng dụng **Wallet**, bạn phải nhập vào mã chi tiêu mới. Xem phần "[Tạo mã chi tiêu](#)" ở trang 80.



IM–Tin nhắn trò chuyện

Bấm  và chọn **Connect.** > **IM.**

Nhắn tin trò chuyện là một dịch vụ mạng cho phép bạn chuyện trò với người khác bằng cách sử dụng các tin nhắn trò chuyện và tham gia vào các diễn đàn thảo luận (các nhóm IM) với các chủ đề cụ thể. Các nhà cung cấp dịch vụ khác nhau vận hành các máy chủ IM mà bạn có thể đăng nhập vào khi đã đăng ký dịch vụ IM.

 Các tùy chọn trong giao diện **IM** là **Open**, **Login/ Logout**, **Settings**, **Help**, và **Exit**.



Lưu ý: Kiểm tra tính khả dụng, giá cả và thuế của các dịch vụ trò chuyện với nhà điều hành mạng và/hoặc nhà cung cấp dịch vụ. Nhà cung cấp dịch vụ cũng sẽ hướng dẫn bạn cách sử dụng các dịch vụ này.

Nhận thông số cài đặt IM



Mẹo: Để bạn có thể tự động đăng nhập mỗi lần bắt đầu nhắn tin **IM** mà không cần phải nhập tên thuê bao và mật mã, chọn **Options** > **Settings** > **Server settings** > **IM login type** > **Automatic**.

Bạn phải lưu các thông số cài đặt để truy cập dịch vụ mà bạn muốn sử dụng. Bạn có thể nhận các cài đặt trong một tin nhắn văn bản đặc biệt, còn gọi là tin nhắn thông minh, từ nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ, nơi cung cấp dịch vụ IM. Xem phần **"Dữ liệu và các thông số cài đặt"** ở trang 57. Bạn cũng có thể nhập các thông số cài đặt theo cách thủ công. Xem phần **"Cài đặt server trò chuyện"** ở trang 88.

Kết nối với server IM

- 1 Mở **IM** để điện thoại của bạn kết nối với máy chủ IM hiện đang sử dụng. Để thay đổi server IM đang sử dụng và lưu server IM mới, xem phần **"Cài đặt server trò chuyện"**, ở trang 88.
- 2 Nhập tên thuê bao và mật mã của bạn vào và bấm  để đăng nhập vào. Tên thuê bao và mật khẩu truy cập máy chủ IM của bạn do nhà cung cấp dịch vụ cấp. Bạn có thể chọn **Cancel** để chuyển sang trạng thái Offline; để đăng nhập vào server IM sau, chọn **Options** > **Login**. Bạn không thể gửi hoặc nhận tin nhắn khi đang offline.
- 3 Để thoát ra, chọn **Options** > **Logout**.

Chỉnh sửa cài đặt IM

Chọn **Options > Settings > IM settings**.

Use screen name (chỉ hiển thị nếu server hỗ trợ các nhóm IM) – Để nhập một bí danh (tối đa 10 ký tự), chọn **Yes**.

IM presence—Cho phép những người khác biết bạn có trực tuyến hay không, chọn **Active for all**.

Allow messages from—Để cho phép các tin nhắn từ tất cả, chọn **All**.

Allow invitations from—Để chỉ cho phép nhận các lời mời từ các số liên lạc trong danh bạ IM, chọn **IM contacts only**. Các lời mời IM sẽ được gửi bởi các số liên lạc IM, những người muốn bạn tham gia vào các nhóm của họ, đến bạn.

Message scrolling speed—Để chọn tốc độ hiển thị các tin nhắn mới.

Sort IM contacts—Để phân loại các số liên lạc IM **Alphabetically** hoặc **By online status**.

Availability reloading—Để chọn cách cập nhật thông tin về các số liên lạc IM của bạn khi trực tuyến hoặc không trực tuyến, chọn **Automatic** hoặc **Manual**.

Tìm kiếm nhóm và người dùng IM

Để tìm các nhóm, trong giao diện **IM groups**, chọn **Options > Search**. Bạn có thể tìm theo **Group name**, **Topic**, và **Members** (tên thuê bao).

Để tìm người dùng, trong giao diện **IM contacts**, chọn **Options > Search**. Bạn có thể tìm theo **User's name**, **User ID**, **Phone number**, và **E-mail address**.

Tham gia và rời khỏi một nhóm IM

Để tham gia một nhóm IM mà bạn đã lưu, di chuyển đến nhóm đó và bấm .

Để tham gia vào nhóm IM không có trong danh sách nhưng bạn biết mã thuê bao của nhóm này, chọn **Options > Join new group**. Nhập mã ID của nhóm vào và bấm .

Để rời khỏi nhóm IM, chọn **Options > Leave IM group**.

Trò chuyện

Khi bạn đã tham gia một nhóm IM, bạn có thể xem các tin nhắn được trao đổi trong nhóm và gửi các tin nhắn của riêng bạn.

 Các tùy chọn trong khi trò chuyện **Send**, **Send private msg.**, **Reply**, **Forward**, **Insert smiley**, **Send invitation**, **Leave IM group**, **Add to banned list**, **Group**, **Record convers./Stop recording**, **Help**, và **Exit**.

Để gửi một tin nhắn, soạn tin nhắn đó trong trường soạn thảo tin nhắn và bấm .

Để gửi một tin nhắn riêng đến một thành viên nhóm, chọn **Options** > **Send private msg.**, chọn người nhận, soạn tin nhắn và bấm .

Để trả lời tin nhắn riêng được gửi đến cho bạn, chọn **Options** > **Reply**.

Để mời các số liên lạc IM trực tuyến cùng tham gia vào nhóm IM, chọn **Options** > **Send invitation**, chọn các số liên lạc bạn muốn mời, soạn lời mời và bấm .

Để ngăn không nhận các tin nhắn từ một số thành viên nào đó, chọn **Options** > **Blocking options** và chọn một theo các bước sau:

Add to blocked list—Để khóa tin nhắn từ thành viên được chọn hiện tại.

Add ID to list manually—Để nhập Mã thuê bao của người tham gia. Nhập ID vào và bấm .

View blocked list—Để xem những người tham gia hiện có tin nhắn đang bị chặn.

Unblock—Để chọn người dùng bạn muốn xóa khỏi danh sách bị chặn. Bấm .

Ghi âm cuộc trò chuyện

 Các tùy chọn trong giao diện các cuộc trò chuyện được ghi âm là **Open**, **Delete**, **Send**, **Mark/Unmark**, **Login/Logout**, **Settings**, **Help**, và **Exit**.

Để ghi âm thành một tập tin các tin nhắn được trao đổi trong cuộc trò chuyện hoặc trong khi bạn tham gia một nhóm IM, chọn **Options** > **Record convers.**, nhập tên cho tập tin trò chuyện và bấm . Để ngừng ghi âm, chọn **Options** > **Stop recording**.

Các tập tin trò chuyện đã ghi âm sẽ được tự động lưu vào **Recorded chats**.

Để xem các cuộc trò chuyện được ghi âm, trong giao diện chính, chọn **Recorded chats**, chọn cuộc trò chuyện và bấm .

Xem và bắt đầu cuộc trò chuyện

Vào giao diện **Conversations** để thấy một danh sách những người tham gia mà bạn đang trò chuyện với họ.

Để bắt đầu cuộc trò chuyện, di chuyển đến một nhóm, và bấm .

► Các tùy chọn khi xem một cuộc trò chuyện là **Send**, **Add to IM contacts**, **Insert smiley**, **Forward**, **Record convers./Stop recording**, **Blocking options**, **End conversation**, **Help**, và **Exit**.

Để tiếp tục cuộc trò chuyện, viết tin nhắn của bạn và bấm .

Để trở về danh sách cuộc trò chuyện mà không đóng cuộc trò chuyện hiện tại, bấm **Back**.

Để đóng cuộc trò chuyện, chọn **Options** > **End conversation**. Cuộc trò chuyện hiện thời sẽ tự đóng lại khi bạn thoát khỏi **IM**.

Để bắt đầu một cuộc trò chuyện mới, chọn **Options** > **New conversation**:

Select recipient—Để xem danh sách các số liên lạc trò chuyện đã lưu hiện đang trực tuyến. Di chuyển đến số liên lạc bạn muốn trò chuyện và bấm .



Chú giải: Mã thuê bao được nhà cung cấp dịch vụ cung cấp cho những người đăng ký dịch vụ này.

Enter user ID – Để nhập tên thuê bao của người bạn muốn trò chuyện và bấm .

Để lưu một thành viên chuyện trò vào danh bạ IM, di chuyển đến thành viên đó và chọn **Options** > **Add to IM contacts**.

Để tự gửi tin trả lời cho tin nhắn gửi đến, chọn **Options** > **Set auto reply on**. Nhập văn bản vào và bấm **Done**. Bạn vẫn có thể nhận các tin nhắn.

Số liên lạc IM

Vào **IM contacts** để lấy lại các số liên lạc trò chuyện từ server hoặc để thêm một số liên lạc trò chuyện mới vào danh sách liên lạc. Khi bạn đăng nhập vào máy chủ, danh sách trò chuyện đã sử dụng trước đó đã được tự động lấy lại từ máy chủ.

► Các tùy chọn trong giao diện **IM contacts** là **Open conversation**, **Open**, **Change contact list**, **Reload user availab.**, **Belongs to groups**, **New IM contact**, **Move to other list**, **Edit**, **Delete**, **Switch tracking on**, **Blocking options**, **Login/Logout**, **Settings**, **Help**, và **Exit**.

Để tạo một số liên lạc mới, chọn **Options > New IM contact > Enter manually**. Điền vào các trường **Nickname** và **User ID** và chọn **Done**.

Để chuyển một số liên lạc từ một danh sách trên server đến danh sách đã nhận, chọn **Options > New IM contact > Move from other list**.

Để thay đổi danh sách số liên lạc trò chuyện, chọn **Options > Change contact list**.

Chọn một trong số các tùy chọn sau:

Open conversation - Để bắt đầu một cuộc trò chuyện mới hoặc tiếp tục cuộc trò chuyện hiện tại với số liên lạc này.

Switch tracking on - Để điện thoại thông báo mỗi khi số liên lạc trò chuyện trực tuyến hoặc không trực tuyến.

Belongs to groups - Để xem số liên lạc trò chuyện tham gia vào nhóm nào.

Reload user availab.—Để cập nhật thông tin về các số liên lạc nào hiện đang trực tuyến hoặc không trực tuyến. Tình trạng trực tuyến được hiển thị bằng một chỉ báo kế bên tên liên lạc. Tùy chọn này chỉ có khi bạn đã cài **Availability reloading** sang **Automatic** trong **IM settings**.

Quản lý các nhóm IM

 Các tùy chọn trong giao diện **IM groups** là **Open**, **Join new group**, **Create new group**, **Leave IM group**, **Group**, **Search**, **Login/Logout**, **Settings**, **Help**, và **Exit**.

Vào giao diện **IM groups** để xem danh sách các nhóm IM mà bạn đã lưu hay đang tham gia vào.

Di chuyển đến một nhóm, chọn **Options > Group** và một trong các tùy chọn sau:

Save—Để lưu một nhóm chưa lưu mà bạn đang tham gia vào.

View participants—Để xem thành viên nào hiện đang tham gia vào nhóm thuê bao.

Details—Để xem mã ID nhóm, chủ đề, thành viên tham gia, người quản lý nhóm (chỉ hiển thị nếu bạn có quyền chỉnh sửa), danh sách các thành viên bị khóa (chỉ hiển thị nếu bạn có quyền chỉnh sửa) và các cuộc trò chuyện riêng có được phép trong nhóm không.

Settings—Để xem và chỉnh sửa cài đặt nhóm trò chuyện. Xem phần **"Tạo nhóm trò chuyện mới"** ở trang 88.

Quản lý một nhóm IM

Tạo nhóm trò chuyện mới

Chọn **IM groups > Options > Create new group**.
Nhập cài đặt cho nhóm.

Bạn có thể chỉnh sửa cài đặt nhóm IM nếu bạn có quyền quản trị của nhóm đó. Người tạo nhóm sẽ tự động được gán quyền quản trị.

Group name, Group topic và Welcome note—Để thêm chi tiết mà các thành viên sẽ nhìn thấy khi tham gia vào nhóm.

Group size—Để xác định số thành viên tối đa được phép tham gia vào nhóm.

Allow search—Để xác nhận nếu người khác có thể dò tìm nhóm trò chuyện bằng chức năng tìm kiếm.

Editing rights—Để xác định các thành viên nhóm trò chuyện mà bạn muốn trao quyền để mời các số liên lạc tham gia vào nhóm IM và chỉnh sửa cài đặt nhóm.

Group members—Xem phần "**Thêm và xóa các thành viên nhóm**" ở trang 88.

Banned list—Nhập các thành viên không được phép tham gia vào nhóm IM.

Allow private msgs.—Để chỉ cho phép nhắn tin giữa các thành viên được chọn.

Group ID—Sẽ được tạo tự động và không thể thay đổi.

Thêm và xóa các thành viên nhóm

Để thêm các thành viên vào nhóm, chọn **IM groups**, di chuyển đến một nhóm IM và chọn **Options > Group > Settings > Group members > Selected only** hoặc **All**.

Để xóa một thành viên khỏi nhóm IM, di chuyển đến thành viên đó và chọn **Options > Remove**. Để xóa tất cả thành viên, chọn **Options > Remove all**.

Cài đặt server trò chuyện

Chọn **Options > Settings > Server settings**. Bạn có thể nhận các thông số về dịch vụ Web dưới dạng một tin nhắn dạng văn bản đặc biệt từ nhà điều hành mạng hoặc từ nhà cung cấp dịch vụ cung cấp dịch vụ trò chuyện. Bạn sẽ nhận mã thuê bao và mật mã từ nhà cung cấp dịch vụ khi bạn đăng ký dịch vụ này. Nếu bạn không biết mã thuê bao hoặc mật mã, liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ.

Để thay đổi server IM mà bạn muốn kết nối đến, chọn **Default server**.

Để thêm một server mới vào danh sách server IM, chọn **Servers > Options > New server**. Nhập vào các cài đặt sau:

Server name—Nhập tên cho server trò chuyện.

Access point in use—Chọn điểm truy cập bạn muốn sử dụng cho server.

Web address—Nhập địa chỉ URL của server IM.

User ID—Nhập mã thuê bao của bạn vào.

Password - Nhập mật mã đăng nhập của bạn.

Connect



Bluetooth

Công nghệ Bluetooth cho phép dùng khả năng kết nối không dây để gửi hình ảnh, video clip, các đoạn nhạc và âm thanh, và ghi chú hoặc để kết nối vô tuyến với các thiết bị tương thích có hỗ trợ Bluetooth khác như máy tính chẳng hạn. Vì các thiết bị sử dụng công nghệ Bluetooth liên lạc qua sóng radio, điện thoại và các thiết bị khác không cần phải đặt cùng phương. Hai thiết bị chỉ cần cách nhau tối đa 10 mét, mặc dù kết nối này có thể bị nhiễu sóng do các vật cản như tường hoặc các thiết bị điện tử khác.

Thiết bị này tuân theo Thông số Bluetooth 1.2 hỗ trợ các cấu hình sau: Generic Access Profile, Serial Port Profile, Bluetooth Printing Profile, Dial-up Networking Profile, Headset Profile, Handsfree Profile,

Generic Object Exchange Profile, Object Push Profile, File Transfer Profile, và Basic Imaging Profile Để đảm bảo khả năng tương tác giữa các thiết bị khác nhau hỗ trợ công nghệ Bluetooth, hãy sử dụng các phụ kiện được Nokia phê chuẩn cho

kiểu điện thoại này. Hãy kiểm tra với các nhà sản xuất của các thiết bị khác để xác định khả năng tương thích với thiết bị này.

Có thể có các hạn chế khi sử dụng công nghệ Bluetooth ở một số nơi. Hãy kiểm tra với nhà chức trách địa phương hay nhà cung cấp dịch vụ của bạn.

Các tính năng sử dụng công nghệ Bluetooth hoặc cho phép các tính năng như vậy hoạt động ẩn trong khi đang sử dụng các tính năng khác sẽ làm hao pin và giảm tuổi thọ của pin.

Cài đặt kết nối Bluetooth

Bấm và chọn **Connect. > Bluetooth.**

Nhập vào các cài đặt sau:

Bluetooth—Cài **On** hoặc **Off**.

My phone's visibility > Shown to all- Các thiết bị Bluetooth khác có thể tìm thấy điện thoại của bạn hoặc **Hidden**- Các thiết bị khác không thể tìm thấy điện thoại của bạn.

My phone's name - Xác định tên cho điện thoại của bạn. Sau khi bạn đã kết nối Bluetooth như kích hoạt và đã thay đổi **My phone's visibility** thành **Shown to**

all, những người sử dụng thiết bị Bluetooth khác có thể nhìn thấy điện thoại của bạn và tên này.

Gửi dữ liệu qua kết nối Bluetooth

Tại một thời điểm, bạn chỉ có thể kích hoạt một kết nối Bluetooth.

- 1 Mở một ứng dụng có lưu mục mà bạn muốn gửi. Ví dụ, để gửi một hình ảnh đến một thiết bị tương thích khác, mở **Gallery**.
- 2 Chọn mục, ví dụ như hình ảnh, và chọn **Options** > **Send** > **Via Bluetooth**.



Mẹo! Khi đang dò tìm thiết bị, một vài thiết bị chỉ có thể hiển thị địa chỉ duy nhất (địa chỉ thiết bị). Để tìm địa chỉ duy nhất của điện thoại, nhập mã ***#2820#** vào khi ở chế độ chờ.

Điện thoại bắt đầu dò tìm các thiết bị có trong phạm vi. Các thiết bị sử dụng công nghệ Bluetooth trong phạm vi kết nối lần lượt xuất hiện trên màn hình điện thoại. Bạn có thể thấy một ký hiệu thiết bị, tên thiết bị, kiểu thiết bị hoặc một tên tắt.



Mẹo! Nếu bạn đã dò thấy những thiết bị trước đây, một danh sách thiết bị đã tìm thấy trước đó được hiển thị trước. Để bắt đầu cuộc dò tìm mới, chọn **More devices**. Nếu bạn tắt điện thoại, danh sách sẽ bị xóa.

Để hủy bỏ việc dò tìm, bấm **Stop**. Danh sách thiết bị sẽ ngưng và bạn có thể thực hiện một kết nối đến một trong các thiết bị đã tìm thấy.

- 3 Chọn thiết bị mà bạn muốn kết nối đến.
- 4 Nếu thiết bị khác yêu cầu ghép nối trước khi dữ liệu có thể truyền, một âm báo sẽ phát ra và bạn được yêu cầu nhập mã khóa. Tạo mã khóa cho riêng bạn (1-16 số) và thỏa thuận với người dùng thiết bị khác để sử dụng cùng mã khóa. Mật mã chỉ có thể sử dụng một lần.



Mẹo! Để gửi văn bản qua kết nối Bluetooth (thay vì dùng tin nhắn văn bản), hãy vào **Notes**, viết văn bản và chọn **Options** > **Send** > **Via Bluetooth**.

Sau khi ghép nối, thiết bị sẽ được lưu vào giao diện các thiết bị ghép nối.

Chú giải: Ghép nối có nghĩa là xác nhận. Những người dùng thiết bị qua công nghệ Bluetooth nên thỏa thuận mã khóa chung và sử dụng cùng mã khóa cho cả hai bên để ghép nối chúng. Những thiết bị không có giao diện người dùng có một mã khóa được cài trước.

Khi kết nối đã được thiết lập, thông báo **Sending data** sẽ hiển thị.

Thư mục **Drafts** trong **Messaging** sẽ không lưu các tin nhắn được gửi qua kết nối Bluetooth.

Biểu tượng cho các thiết bị khác nhau:

-  Máy tính
-  Điện thoại
-  Audio hoặc video
-  Tai nghe
-  Khác

Kiểm tra trạng thái của kết nối Bluetooth

- Khi  hiển thị ở chế độ chờ, kết nối Bluetooth sẽ được kích hoạt.
- Khi  nhấp nháy, điện thoại của bạn đang cố kết nối với thiết bị khác.
- Khi  hiển thị liên tục, kết nối Bluetooth sẽ được kích hoạt.

Ghép nối thiết bị

-  **Mẹo!** Để định nghĩa một tên tắt (biệt hiệu hoặc bí danh), di chuyển đến thiết bị và chọn **Options > Assign short name** trong giao diện Thiết bị ghép nối. Tên này sẽ giúp bạn nhận ra một thiết bị nào đó trong lúc tìm kiếm thiết bị hay khi một thiết bị gửi yêu cầu kết nối.

Các thiết bị đã ghép nối sẽ dễ dàng nhận thấy hơn, chúng sẽ được chỉ báo bằng  trong khi tìm thiết

bị. Trong giao diện **Bluetooth** chính, bấm  để mở giao diện các thiết bị ghép nối ().

Để ghép nối với một thiết bị, chọn **Options > New paired device**. Điện thoại sẽ bắt đầu dò tìm thiết bị. Chọn thiết bị. Trao đổi mã khóa. Xem bước 4 trong phần **"Gửi dữ liệu qua kết nối Bluetooth"** ở trang 91.

Để hủy một ghép nối, di chuyển đến thiết bị và chọn **Options > Delete**. Nếu bạn muốn hủy tất cả các ghép nối, chọn **Options > Delete all**.

-  **Mẹo!** Nếu bạn đang kết nối với một thiết bị và xóa ghép nối với thiết bị đó, ghép nối sẽ bị xóa ngay, nhưng kết nối vẫn còn hoạt động.

Để gán hoặc không gán quyền cho thiết bị, di chuyển đến một thiết bị và chọn các tùy chọn sau:

Set as authorised- Các kết nối giữa điện thoại và thiết bị này có thể được thực hiện mà bạn không biết. Bạn không cần chấp nhận hoặc gán quyền. Sử dụng trạng thái này cho các thiết bị của bạn, ví dụ như tai nghe hoặc máy PC tương thích, hoặc các thiết bị của người mà bạn tin cậy.  cho biết các thiết bị được gán quyền trong giao diện thiết bị ghép nối.

Set as unauthorised - Yêu cầu kết nối từ thiết bị này phải được chấp nhận tuần tự.

Nhận dữ liệu qua kết nối Bluetooth

Khi bạn nhận dữ liệu qua kết nối Bluetooth, một âm báo sẽ phát ra và máy sẽ hỏi bạn có muốn nhận tin nhắn không. Nếu bạn chấp nhận,  sẽ hiển thị và mục này sẽ được đặt vào thư mục **Inbox** trong **Messaging**. Tin nhắn nhận được qua kết nối Bluetooth được chỉ báo bằng . Xem phần "**Inbox-Hộp thư đến – nhận tin nhắn**" ở trang 56.

Tắt kết nối Bluetooth

Để tắt kết nối Bluetooth, chọn **Bluetooth > Off**.

Kết nối PC

Bạn có thể sử dụng điện thoại với các chương trình ứng dụng đa dạng của các truyền thông dữ liệu và kết nối với máy PC. Với Nokia PC suite, bạn có thể đồng bộ số liên lạc, lịch và ghi chú công việc giữa điện thoại và máy PC tương thích. Phải luôn kết nối với máy PC để đồng bộ dữ liệu với điện thoại. Để biết thêm thông tin về cách cài đặt phần mềm Nokia PC Suite (tương thích với Windows 2000 và Windows XP), xem Tài liệu Hướng dẫn Sử dụng dành cho Nokia PC Suite và mục trợ giúp Nokia PC Suite trong phần "Cài đặt" trên đĩa CD.

CD-ROM

Đĩa CD sẽ khởi động sau khi bạn đưa đĩa vào ổ đĩa CD của một máy PC tương thích. Nếu không, bạn thực hiện các bước sau: Mở Windows Explorer, nhấp phím phải chuột vào ổ đĩa CD mà bạn đã gắn đĩa CD và chọn Autoplay (Chạy Tự động).

Điện thoại của bạn như một modem

Bạn có thể sử dụng điện thoại làm modem để gửi và nhận e-mail, hay để kết nối Internet qua một máy PC tương thích bằng cách sử dụng một kết nối Bluetooth hay cáp dữ liệu. Bạn có thể tìm thấy các hướng dẫn cài đặt chi tiết trong Tài liệu Hướng dẫn sử dụng dành cho Nokia PC Suite trong Tùy chọn modem trên đĩa CD.



Conn Manager- Quản lý kết nối

Bạn có thể có nhiều kết nối dữ liệu hoạt động cùng lúc khi bạn sử dụng điện thoại trong các mạng GSM và UMTS. Bấm  và chọn **Connect. > Conn. mgr.** để xem trạng thái của nhiều kết nối dữ liệu, xem chi tiết lượng dữ liệu đã gửi và nhận, và kết thúc các kết nối. Khi bạn mở **Conn. mgr.**, bạn sẽ thấy các tùy chọn sau:

- Mở các kết nối dữ liệu: cuộc gọi dữ liệu () và kết nối dữ liệu gói (), hoặc ().
- Trạng thái của từng kết nối
- Lượng dữ liệu được tải lên và tải về cho từng kết nối (chỉ hiển thị cho các kết nối dữ liệu gói)
- Thời lượng kết nối (chỉ hiển thị cho cuộc gọi dữ liệu).



Lưu ý: Thời gian thực sự mà nhà cung cấp dịch vụ tính cước cho các cuộc gọi có thể khác nhau, tùy thuộc các tính năng mạng, hoàn tất việc thanh toán, v.v...

Để kết thúc kết nối, di chuyển đến một kết nối và chọn **Options > Disconnect**.

Để đóng tất cả các kết nối đang mở, chọn **Options > Disconnect all**.

Chi tiết kết nối dữ liệu

 Các tùy chọn trong giao diện **Conn. mgr.** khi có một hoặc nhiều kết nối là **Details**, **Disconnect**, **Disconnect all**, **Help**, và **Exit**.

Để xem chi tiết của một kết nối, di chuyển đến kết nối đó và chọn **Options > Details**.

Name—Tên của Điểm truy cập Internet (IAP) hoặc tên kết nối modem đang dùng, nếu là kết nối dial-up.

Bearer - Loại kết nối dữ liệu: **Data call**, **High sp. GSM**, hoặc **Packet data**.

Status- Tình trạng hiện thời của kết nối: **Connecting**, **Conn.(inact.)**, **Conn.(active)**, **On hold**, **Disconntng.**, hoặc **Disconnected**.

Received - Lượng dữ liệu, tính theo byte, mà điện thoại đã nhận.

Sent - Lượng dữ liệu, tính theo byte, mà điện thoại đã gửi.

Duration - Khoảng thời gian kết nối được thiết lập.

Speed - Tốc độ nhận và gửi dữ liệu hiện tại theo KB/giây.

Name—Tên điểm truy cập được sử dụng.

Dial-up—Số liên lạc được sử dụng.

Shared (sẽ không hiển thị nếu kết nối không được dùng chung) - Số ứng dụng sử dụng cùng kết nối.



Synchronise- Đồng bộ

Bấm  và chọn **Connect. > Sync**. Ứng dụng **Sync** cho phép bạn đồng bộ lịch và danh bạ với các ứng dụng sổ địa chỉ và lịch khác nhau trên máy tính tương thích hoặc trên Internet.

Ứng dụng đồng bộ sử dụng công nghệ SyncML để đồng bộ. Để có thêm thông tin về tính tương thích SyncML, xin liên hệ với nhà cung cấp ứng dụng lịch và số địa chỉ mà bạn muốn đồng bộ dữ liệu với điện thoại.

Bạn có thể nhận các thông số cài đặt đồng bộ dưới dạng một tin nhắn văn bản đặc biệt. Xem phần "[Dữ liệu và các thông số cài đặt](#)" ở trang 57.

Tạo một cấu hình đồng bộ mới

 Các tùy chọn trong giao diện **Sync** chính là **Synchronise**, **New sync profile**, **Edit sync profile**, **Delete**, **View log**, **Set as default**, **Help**, và **Exit**.

- 1 Nếu không có cấu hình nào được quy định, điện thoại sẽ hỏi xem bạn có muốn tạo một cấu hình mới không. Chọn **Yes**.
Để tạo thêm một cấu hình mới bổ sung, chọn **Options** > **New sync profile**. Chọn hoặc dùng giá trị mặc định hoặc sao chép giá trị của cấu hình đã có và sử dụng như một cấu hình mới.
- 2 Xác định:
Sync profile name - Đặt tên cho cấu hình.
Data bearer—Chọn kiểu kết nối: **Web**, **Bluetooth**, hoặc **Data cable**.
Access point - Chọn một điểm truy cập bạn muốn sử dụng để kết nối dữ liệu.

Host address - Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ hoặc người quản trị hệ thống để có chỉ số đúng.

Port - Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ hoặc người quản trị hệ thống để có chỉ số đúng.

User name - Mã thuê bao của bạn cho server đồng bộ. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ hoặc người quản trị hệ thống để có mã số đúng.

Password - Nhập mật mã của bạn vào. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ hoặc người quản trị hệ thống để có mật mã đúng.

Allow configuration—Chọn **Yes** nếu bạn muốn cho phép server khởi động đồng bộ.

Auto-accept all reqs.—Chọn **No** nếu bạn muốn điện thoại hỏi bạn trước khi server khởi động quá trình đồng bộ.

Network authentic. (chỉ hiển thị nếu **Data bearer** được cài sang **Web**)—Chọn **Yes** để nhập tên thuê bao và mật mã vào. Bấm  để xem các trường tên thuê bao và mật mã.

Bấm  để chọn: **Calendar**, **Contacts**, hoặc **Notes**.

- Chọn **Yes** nếu bạn muốn đồng bộ cơ sở dữ liệu được chọn.
- Trong **Remote database**, chọn loại đồng bộ: **Normal** (đồng bộ hai chiều), **To server only**, hoặc **To phone only**.

- Nhập vào đường dẫn chính xác để truy nhập lịch, số địa chỉ hoặc dữ liệu ghi chú từ xa qua server.

3 Bấm **Back** để lưu cài đặt và trở về giao diện chính.

Đồng bộ dữ liệu

Trong giao diện **Sync** chính, bạn có thể nhìn thấy các cấu hình đồng bộ khác nhau và dữ liệu nào sẽ được đồng bộ:

- 1 Chọn một cấu hình đồng bộ và **Options** > **Synchronise**. Tình trạng đồng bộ sẽ được hiển thị ở phía dưới màn hình.
Để hủy quá trình đồng bộ trước khi kết thúc, bấm **Cancel**.
- 2 Bạn sẽ được thông báo khi quá trình đồng bộ hoàn tất. Sau khi đồng bộ xong, chọn **Options** > **View log** để mở một tập tin báo cáo cho thấy trạng thái đồng bộ (**Complete** hoặc **Incomplete**) và bao nhiêu mục lịch hay số liên lạc được bổ sung, cập nhật, xóa hay bỏ qua (không đồng bộ) trong điện thoại hay trên máy chủ.



Device manager-Quản lý thiết bị

Bấm  và chọn **Connect**. > **Dev. mgr.**. Bạn có thể nhận các cấu hình server và các thông số cài đặt cấu hình khác nhau từ nhà điều hành mạng, nhà cung cấp dịch vụ hoặc bộ phận quản lý thông tin của công ty. Các thông số cài đặt cấu hình này có thể bao gồm các cài đặt điểm truy cập để kết nối dữ liệu và các cài đặt khác được sử dụng bởi các ứng dụng khác trong điện thoại.

Để kết nối với server và nhận các thông số cài đặt cấu hình về điện thoại, chọn **Start configuration**.

Để cho phép hoặc từ chối nhận các thông số cài đặt cấu hình từ nhà cung cấp dịch vụ, chọn **Enable config.** hoặc **Disable config.**

Cài đặt cấu hình server

Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để nhận được các cài đặt phù hợp.

Server name—Nhập tên server cấu hình.

Server ID—Nhập mã thuê bao để xác nhận server cấu hình.

Server password—Nhập mật mã để nhận dạng điện thoại với server.

Session mode—Chọn **Bluetooth** hoặc **Web**.

Access point—Chọn một điểm truy cập sẽ được sử dụng khi kết nối với server.

Host address—Nhập địa chỉ URL của server.

Port—Nhập số cổng của server.

User name và **Password**—Nhập mật mã và tên thuê bao của bạn vào.

Allow configuration—Để nhận cài đặt cấu hình từ server, chọn **Yes**.

Auto-accept all reqs.—Nếu bạn muốn điện thoại yêu cầu xác nhận trước khi nhận một cấu hình từ server, chọn **No**.

Tools



Settings-Cài đặt

Để thay đổi cài đặt, bấm  và chọn **Tools > Settings**. Di chuyển đến nhóm cài đặt và bấm  để mở ra. Di chuyển đến một cài đặt bạn muốn thay đổi và bấm .



Phone- Cài đặt cho máy

General

Phone language—Việc thay đổi ngôn ngữ của văn bản hiển thị trên điện thoại cũng sẽ ảnh hưởng đến các dạng hiển thị ngày giờ và các dấu phân cách được sử dụng, ví dụ như trong các phép tính.

Automatic chọn ngôn ngữ theo thông tin trên thẻ SIM. Sau khi thay đổi ngôn ngữ hiển thị, bạn cần khởi động lại điện thoại.

Việc thay đổi các cài đặt của **Phone language** hoặc **Writing language** sẽ ảnh hưởng lên mọi ứng dụng trong điện thoại và những thay đổi vẫn có hiệu lực cho đến khi bạn lại thay đổi các cài đặt này lần nữa.

Writing language—Việc thay đổi ngôn ngữ cũng tác động đến các ký tự và ký tự đặc biệt được sử dụng khi soạn thảo văn bản cũng như khi sử dụng từ điển hỗ trợ kiểu nhập văn bản tiên đoán.

Dictionary—Bạn cũng có thể cài kiểu nhập văn bản tiên đoán sang **On** hoặc **Off** cho tất cả các chương trình chỉnh sửa trên điện thoại. Từ điển hỗ trợ kiểu nhập văn bản tiên đoán sẽ không có sẵn cho tất cả ngôn ngữ.

Welcome note or logo—Biểu tượng chào hoặc lời chào sẽ được hiển thị nhanh mỗi khi bạn bật điện thoại. Chọn **Default** để sử dụng hình ảnh mặc định, **Text** để nhập lời chào (tối đa 50 ký tự) hoặc **Image** để chọn một hình chụp hoặc hình ảnh trong **Gallery**.

Orig. phone settings—Bạn có thể cài lại một số cài đặt trở về giá trị ban đầu. Để thực hiện, bạn cần phải có mã khóa. Xem phần **"Security-Bảo mật"**, **"Điện thoại và SIM"** ở trang 105. Sau khi cài đặt lại, điện thoại có thể cần nhiều thời gian hơn khi khởi động. Các tài liệu và tập tin sẽ không bị ảnh hưởng.

Standby mode

Active standby—Sử dụng phím tắt vào các ứng dụng khi ở chế độ chờ. Xem phần "**Kích hoạt chế độ chờ**" ở trang 14.

Left selection key—Để gán một phím tắt cho phím chọn trái (—) khi ở chế độ chờ, chọn một ứng dụng trong danh sách.

Right selection key—Để gán một phím tắt cho phím chọn phải (—) khi ở chế độ chờ, chọn một ứng dụng trong danh sách.

Bạn cũng có thể gán phím tắt trên bàn phím cho những thao tác khác nhau trên phím di chuyển, bằng cách chọn một ứng dụng trong danh sách Phím tắt trên phím di chuyển sẽ không có hiệu lực khi điện thoại bật chế độ chờ.

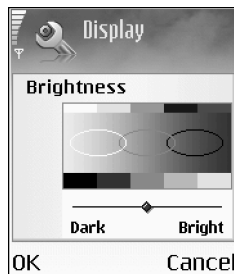
Operator logo—Cài đặt này chỉ được hiển thị khi bạn đã nhận và lưu lại logo mạng. Bạn có thể chọn hiển thị hoặc không hiển thị logo mạng.

Display

Brightness—Bạn có thể thay đổi độ sáng màn hình sang mức sáng hơn hoặc tối hơn. Độ sáng màn hình sẽ tự động điều chỉnh để phù hợp với môi trường.

Screen saver timeout—Màn hình riêng sẽ được kích hoạt khi hết thời hạn này.

Light time-out—Chọn khoảng thời gian đèn nền sáng trước khi tự động tắt.



Call- Cài đặt cuộc gọi

Send my caller ID (dịch vụ mạng)—Bạn có thể cài số điện thoại hiển thị (**Yes**) hoặc ẩn (**No**) trên máy của người mà bạn đang gọi, hoặc giá trị này có thể được nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ cài đặt trước khi bạn đăng ký thuê bao (**Set by network**).

Call waiting (dịch vụ mạng)—Nếu bạn đã kích hoạt chức năng cuộc gọi chờ, mạng sẽ thông báo cho bạn biết có cuộc gọi mới đến trong khi bạn đang có cuộc gọi. Chọn **Activate** để yêu cầu mạng kích hoạt cuộc gọi đang chờ, **Cancel** để yêu cầu mạng tắt cuộc gọi đang chờ, hoặc **Check status** để kiểm tra xem chức năng này đã được kích hoạt hay chưa.

Reject call with SMS—Chọn **Yes** để gửi tin nhắn văn bản đến người gọi nhằm thông báo lý do bạn không thể trả lời cuộc gọi. Xem phần "[Trả lời hoặc từ chối cuộc gọi](#)" ở trang 25.

Message text—Viết đoạn văn bản sẽ được gửi dưới dạng tin nhắn văn bản khi bạn từ chối một cuộc gọi.

Image in video call—Bạn có thể từ chối gửi hình ảnh động khi nhận một cuộc gọi video. Chọn hình tĩnh sẽ được hiển thị thay cho video.

 **Mẹo!** Để thay đổi cài đặt chuyển hướng cuộc gọi, bấm  và chọn **Tools > Settings > Call divert**. Xem phần "[Call divert - Chuyển hướng cuộc gọi](#)" ở trang 107.

Automatic redial—Chọn **On**, điện thoại sẽ cố gọi lại tối đa mười lần sau lần gọi không thành công. Để ngừng chức năng gọi lại tự động, bấm .

Summary after call—Kích hoạt cài đặt này để điện thoại hiển thị vắn tắt thời lượng xấp xỉ của cuộc gọi sau cùng.

Speed dialling—Chọn **On**, bấm và giữ phím này để quay các số điện thoại đã được gán cho các phím quay nhanh (**2** abc – wxyz **9**). Xem thêm phần "[Quay nhanh một số điện thoại](#)" ở trang 25.

Anykey answer—Chọn **On**, và bạn có thể trả lời cuộc gọi đến bằng cách bấm nhanh phím bất kỳ, ngoại trừ phím , ,  và .

Line in use (dịch vụ mạng)—Cài đặt này chỉ được hiển thị khi thẻ SIM hỗ trợ hai số thuê bao, nghĩa là có hai số điện thoại thuê bao. Chọn số điện thoại bạn muốn sử dụng để thực hiện cuộc gọi và gửi tin nhắn văn bản. Bạn có thể trả lời cuộc gọi trên cả hai số máy bất kể đã chọn số máy nào. Nếu bạn chọn **Line 2** nhưng chưa thuê bao dịch vụ mạng này, bạn sẽ không thực hiện được cuộc gọi. Khi số máy 2 được chọn, **2** sẽ hiển thị khi ở chế độ chờ.

 **Mẹo!** Để chuyển đổi giữa các số điện thoại, bấm và giữ  **#** khi ở chế độ chờ.

Line change (dịch vụ mạng)—Để ngăn việc chọn số thuê bao, chọn **Line change > Disable** nếu được thẻ SIM hỗ trợ. Để thay đổi cài đặt này, bạn cần phải có mã PIN2.



Connection- Cài đặt kết nối

Kết nối dữ liệu và điểm truy cập

Điện thoại của bạn hỗ trợ các kết nối truyền dữ liệu gói (⌘), ví dụ như GPRS trong mạng GSM.



Chú giải: Dịch vụ Vô tuyến Trộn gói (GPRS) sử dụng công nghệ dữ liệu gói, trong đó thông tin được gửi đi dưới dạng các gói dữ liệu nhỏ qua mạng di động.

Để thiết lập một kết nối dữ liệu, bạn cần phải có một điểm truy cập. Bạn có thể xác định nhiều điểm truy cập khác nhau, ví dụ như:

- Điểm truy cập MMS dùng để gửi và nhận tin nhắn đa phương tiện,
- Điểm truy cập dành cho ứng dụng Web để xem các trang WML hoặc XHTML
- Điểm truy cập Internet (IAP) dùng để gửi và nhận e-mail.

Đối với các dịch vụ bạn muốn truy cập, bạn cần phải tham khảo ý kiến nhà cung cấp dịch vụ về loại điểm truy cập. Để biết tính khả dụng và thuê bao dịch vụ kết nối dữ liệu gói, liên hệ với nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

Kết nối dữ liệu gói trong mạng GSM và UMTS

Khi bạn sử dụng điện thoại trong các mạng GSM và UMTS, nhiều kết nối dữ liệu có thể được kích hoạt cùng lúc, các điểm truy nhập có thể chia sẻ cùng một kết nối dữ liệu, và các kết nối dữ liệu vẫn còn hoạt động trong quá trình cuộc gọi thoại diễn ra. Để kiểm tra các kết nối dữ liệu đang hoạt động, xem phần "[Conn Manager- Quản lý kết nối](#)" ở trang 93.

Các chỉ báo sau đây có thể hiển thị bên dưới chỉ báo cường độ tín hiệu, tùy thuộc vào loại mạng bạn đang sử dụng:

⌘ Mạng GSM, mạng hỗ trợ dữ liệu gói.

⌘ Mạng GSM, kết nối dữ liệu gói đang hoạt động, dữ liệu đang được truyền đi.

⌘ Mạng GSM, nhiều kết nối dữ liệu gói đang hoạt động.

⌘ Mạng GSM, kết nối dữ liệu gói đang được giữ. (Điều này có thể xảy ra khi đang có cuộc gọi thoại.)

⌘ Mạng UMTS, mạng hỗ trợ dữ liệu gói.

⌘ Mạng UMTS, kết nối dữ liệu gói đang hoạt động, dữ liệu đang được truyền đi.

⌘ Mạng UMTS, nhiều kết nối dữ liệu gói đang hoạt động.

Nhận thông số cài đặt điểm truy cập

Bạn có thể nhận thông số cài đặt điểm truy cập dưới dạng tin nhắn văn bản từ nhà cung cấp dịch vụ, hoặc các thông số được cài đặt sẵn trong điện thoại. Xem phần "[Dữ liệu và các thông số cài đặt](#)" ở trang 57.

Để tạo một điểm truy cập mới, chọn **Tools** > **Settings** > **Connection** > **Access points**.

Bạn có thể cài một điểm truy cập sang chế độ được nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ bảo vệ (S). Bạn không thể chỉnh sửa hoặc xóa các điểm truy cập được bảo vệ.

Điểm truy cập

 Các tùy chọn trong danh sách **Access points** là **Edit**, **New access point**, **Delete**, **Help**, và **Exit**.

Thực hiện theo các hướng dẫn được nhà cung cấp dịch vụ cung cấp.

Connection name—Đặt tên mô tả cho kết nối.

Data bearer—Tùy thuộc vào kiểu kết nối dữ liệu bạn chọn, chỉ có một số trường cài đặt có thể sử dụng. Điền tất cả các trường được đánh dấu bằng đoạn **Must be defined**, hoặc có dấu hoa thị màu đỏ. Các trường khác có thể để trống, trừ phi bạn được nhà cung cấp dịch vụ hướng dẫn làm cách khác.

 Các tùy chọn khi chỉnh sửa các thông số cài đặt điểm truy cập là **Change**, **Advanced settings**, **Help**, và **Exit**.

Để có thể sử dụng kết nối dữ liệu, nhà cung cấp dịch vụ mạng phải hỗ trợ chức năng này, và nếu cần, kích hoạt chức năng này bằng thẻ SIM của bạn.

Access point name (chỉ dành cho dữ liệu gói) — Điện thoại sẽ yêu cầu tên điểm truy cập để thiết lập kết nối với mạng dữ liệu gói và UMTS. Bạn có thể nhận tên điểm truy cập từ nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ.

 **Mẹo!** Xem thêm phần "[Nhận các thông số cài đặt MMS và e-mail](#)" ở trang 55, "[E-mail](#)" ở trang 64, và "[Truy cập Web](#)" ở trang 69.

User name—Máy sẽ yêu cầu tên thuê bao để thiết lập kết nối dữ liệu, và tên thuê bao này thường được nhà cung cấp dịch vụ cung cấp. Tên thuê bao được phân biệt chữ hoa và chữ thường.

Prompt password—Nếu bạn phải nhập mật mã mới mỗi khi đăng nhập vào máy chủ, hoặc muốn lưu mật mã vào máy, chọn **Yes**.

Password—Máy sẽ yêu cầu mật mã để thiết lập kết nối dữ liệu, và mật mã này thường được nhà cung cấp dịch vụ cung cấp. Mật khẩu thường được phân biệt chữ hoa và chữ thường.

Authentication—Chọn **Normal** hoặc **Secure**.

Homepage—Tùy thuộc vào cấu hình bạn đang thiết lập, nhập địa chỉ trang Web hoặc địa chỉ của trung tâm nhắn tin đa phương tiện.

Chọn **Options > Advanced settings** để thay đổi các thông số cài đặt cấu hình sau:

Network type—Chọn loại giao thức Internet để sử dụng: **IPv4 settings** hoặc **IPv6 settings**.

Phone IP address—Nhập địa chỉ IP của điện thoại của bạn.

Name servers—Trong **Primary name server.**, nhập địa chỉ IP của server DNS chính. Trong **Second. name server.**, nhập địa chỉ IP của server DNS thứ hai. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ Internet để nhận các địa chỉ này.

 **Chú giải:** Dịch vụ tên miền (DNS) là một dịch vụ Internet có chức năng phiên dịch các tên miền như www.nokia-asia.com sang các địa chỉ IP như 192.100.124.195.

Proxy serv. address—Xác định địa chỉ của máy chủ proxy.

Proxy port number—Nhập số cổng proxy.

Packet data

Các cài đặt dữ liệu gói ảnh hưởng đến tất cả các điểm truy cập dùng kết nối truyền dữ liệu.

Packet data conn.—Nếu bạn chọn **When available** và bạn đang ở trong mạng có hỗ trợ dữ liệu gói, điện thoại sẽ đăng ký vào mạng truyền dữ liệu. Tương tự, việc bắt đầu một phiên truyền dữ liệu hiện hành (ví dụ để gửi và nhận e-mail) sẽ được thực hiện nhanh hơn. Nếu bạn chọn **When needed**, điện thoại sẽ chỉ sử dụng kết nối truyền dữ liệu khi nào bạn kích hoạt một ứng dụng hay tác vụ cần đến kết nối này. Nếu không nằm trong vùng phủ sóng của dịch vụ dữ liệu gói và bạn chọn **When available**, điện thoại sẽ cố gắng khởi tạo một kết nối dữ liệu gói theo định kỳ.

Access point - Bạn sẽ cần đến tên điểm truy cập để sử dụng điện thoại như một modem truyền dữ liệu cho máy tính.

Configuration

Bạn có thể nhận các thông số cài đặt server tin cậy từ nhà điều hành mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ qua tin nhắn cấu hình, hoặc các thông số này có thể đã được lưu trong thẻ SIM hoặc thẻ USIM của bạn. Bạn có thể lưu các thông số cài đặt này vào điện thoại, xem hoặc xóa chúng trong **Configurations**.



Date and time- Thời gian

Xem phần "[Cài đặt đồng hồ](#)" ở trang 16.

Xem thêm phần cài đặt ngôn ngữ trong phần "[General](#)" ở trang 98.



Security-Bảo mật

Điện thoại và SIM

PIN code request—Khi kích hoạt tính năng này, bạn sẽ phải nhập mã PIN mỗi lần bật điện thoại. Một số thẻ SIM có thể không cho phép bạn tắt tính năng yêu cầu mã số nhận dạng cá nhân (PIN). Xem phần "[Thuật ngữ mã PIN và mã khóa](#)" ở trang 105.

PIN code, PIN2 code, và Lock code—Bạn có thể thay đổi mã khóa, mã PIN và mã PIN2. Các mã này có thể chỉ gồm các số từ 0 đến 9. Xem phần "[Thuật ngữ mã PIN và mã khóa](#)" ở trang 105.

Tránh sử dụng mã truy cập tương tự với các số khẩn cấp để tránh việc tình cờ quay số khẩn cấp.

Nếu bạn quên bất kỳ mã nào trong các mã này, hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ của bạn.

Autolock period—Bạn có thể cài đặt thời hạn cho chức năng tự khóa, là một khoảng thời gian nghỉ của điện thoại mà sau đó máy sẽ tự khóa lại, và để sử dụng máy lại bạn cần nhập đúng mã khóa. Nhập vào thời gian nghỉ theo phút hoặc chọn **None** để tắt chức năng tự động khóa này.

Để mở khóa điện thoại, nhập mã khóa vào.



Lưu ý: Khi điện thoại bị khóa, bạn vẫn có thể gọi đến các số điện thoại khẩn cấp được lập trình trong điện thoại khi đang dùng cấu hình ngoại tuyến.



Mẹo! Để khóa điện thoại theo cách thủ công, bấm **(*)**. Danh sách các lệnh sẽ mở ra. Chọn **Lock phone**.

Lock if SIM changed—Bạn có thể cài điện thoại yêu cầu nhập mã khóa khi có thẻ SIM không rõ nguồn gốc được gắn vào điện thoại. Điện thoại quản lý một danh sách các thẻ SIM được xem là thẻ của chủ điện thoại.

Fixed dialling—Bạn có thể giới hạn điện thoại chỉ gửi và thực hiện cuộc gọi đến các số điện thoại được chọn, nếu được thẻ SIM hỗ trợ. Bạn cần phải có mã PIN2 cho chức năng này. Để xem danh sách các số gọi ấn định, bấm **☞**, và chọn **Tools > Settings > Security > Phone and SIM > Fixed dialling**. Để thêm số mới vào danh sách số gọi ấn định, chọn **Options**

> **New contact** hoặc **Add from Contacts**. Khi bạn sử dụng chức năng **Fixed dialling**, bạn có thể sẽ không thực hiện được các kết nối dữ liệu gói, ngoại trừ việc gửi tin nhắn văn bản qua kết nối dữ liệu gói. Trong trường hợp này, số trung tâm nhắn tin và số điện thoại của người nhận phải có trong danh sách số gọi ấn định.

■ Các tùy chọn trong cửa sổ **Fixed dialling** là **Open**, **Call**, **Activ. fixed dialling/Deact. fixed dialling**, **New contact**, **Edit**, **Delete**, **Add to Contacts**, **Add from Contacts**, **Find**, **Mark/Unmark**, **Help**, và **Exit**.



Lưu ý: Khi sử dụng các chức năng bảo vệ để hạn chế cuộc gọi (như **Call barring**, **Closed user group**, và **Fixed dialling**), bạn chỉ có thể gọi đến các số điện thoại khẩn cấp được lập trình trong điện thoại.

Closed user group (dịch vụ mạng)—Bạn có thể xác định nhóm người mà bạn có thể gọi điện cho họ hay họ có thể gọi điện cho bạn.

Confirm SIM services (dịch vụ mạng)—Bạn có thể cài điện thoại hiển thị các thông báo xác nhận khi bạn đang sử dụng dịch vụ trên thẻ SIM.

Thuật ngữ mã PIN và mã khóa

Mã số nhận diện cá nhân(PIN)-Mã này dùng để bảo vệ thẻ SIM không bị sử dụng trái phép. Mã PIN (4 đến 8 số) thường được cung cấp cùng với thẻ SIM.

Sau ba lần nhập sai, mã PIN sẽ bị khóa và bạn cần phải giải mã khóa trước khi có thể sử dụng lại thẻ SIM. Xem thêm thông tin về mã PUK trong phần này.

Mã UPIN-Mã này có thể được cung cấp cùng với thẻ USIM. Thẻ USIM là phiên bản nâng cao của thẻ SIM và được cung cấp cùng với điện thoại di động UMTS. Mã UPIN bảo vệ thẻ USIM không bị sử dụng trái phép.

Mã PIN2-Mã này (4 đến 8 chữ số) được cung cấp cùng với thẻ SIM, và sẽ được yêu cầu để truy cập một số chức năng trong điện thoại.

Mã khóa-Mã này (5 chữ số) có thể được sử dụng để khóa điện thoại không bị sử dụng trái phép. Giá trị cài đặt gốc của mã khóa là **12345**. Để tránh việc điện thoại của bạn bị sử dụng trái phép, hãy thay đổi mã khóa này. Giữ kỹ mã mới ở nơi an toàn tách biệt với điện thoại.

Mã số Mở khóa Cá nhân (PUK) và mã PUK2-Các mã này (8 chữ số) sẽ được yêu cầu để thay đổi mã PIN hoặc mã PIN2 bị khóa tương ứng. Nếu các mã này không được cấp cùng với thẻ SIM, liên hệ với nhà điều hành mạng của thẻ SIM bạn đang dùng.

Mã UPUK-Mã này (8 số) được yêu cầu để thay đổi mã UPIN bị khóa. Nếu mã này không được cấp

cùng với thẻ USIM, liên hệ với nhà điều hành mạng của thẻ USIM bạn đang dùng.

Mã Chi tiêu—Mã này được yêu cầu để sử dụng các dịch vụ chi tiêu. Xem phần "[Wallet-chi tiêu](#)" ở trang 79.

Quản lý chứng chỉ

Các chứng chỉ kỹ thuật số không phải là sự bảo đảm an toàn, chúng được sử dụng để xác nhận nguồn gốc của phần mềm.

Trong giao diện quản lý chứng chỉ, bạn sẽ thấy một danh sách các chứng chỉ hợp lệ được lưu trong điện thoại của bạn. Bấm  để xem danh sách các chứng chỉ cá nhân nếu có.

 Các tùy chọn trong giao diện quản lý chứng chỉ là **Certificate details**, **Delete**, **Trust settings**, **Mark/Unmark**, **Help**, và **Exit**.

 **Chú giải:** Các chứng chỉ kỹ thuật số được sử dụng để xác nhận nguồn gốc của các trang XHTML hoặc WML và để cài đặt các phần mềm. Tuy nhiên, chúng chỉ đáng tin cậy nếu các chứng chỉ này có nguồn gốc xác thực.

Bạn nên sử dụng các chứng chỉ kỹ thuật số nếu bạn muốn kết nối với một ngân hàng trực tuyến hoặc địa chỉ trang web khác hoặc server từ xa khác để thực hiện các giao dịch liên quan đến việc chuyển giao

các thông tin mật. Bạn nên sử dụng các chứng chỉ này nếu bạn muốn giảm bớt rủi ro do virus hoặc phần mềm phá hoại khác, đồng thời để chắc chắn về tính xác thực của phần mềm khi cần tải về và khi cài đặt phần mềm.



Chú ý: Ngay cả khi việc sử dụng các chứng chỉ này không an toàn khi kết nối từ xa và việc cài đặt phần mềm tương đối nhỏ, chúng vẫn phải được dùng đúng cách để có thể tận dụng lợi ích có được từ các tính năng an toàn nâng cao. Các chứng chỉ này tự bản thân chúng không cung cấp các tính năng bảo mật; mục quản lý chứng chỉ phải chứa các chứng chỉ chính xác, xác thực hoặc đáng tin cậy để đảm bảo cái thiện tính an toàn khả dụng. Các chứng chỉ đều có thời hạn sử dụng. Nếu thông báo **Expired certificate** hoặc **Certificate not valid yet** hiển thị, ngay cả khi chứng nhận của bạn vẫn còn hợp lệ, bạn cần kiểm tra lại xem ngày giờ trên máy bạn có được cài đúng không.

Xem chi tiết chứng chỉ—kiểm tra tính xác thực

Bạn chỉ có thể chắc chắn về danh tính hợp lệ của server khi chữ ký và thời hạn hiệu lực chứng chỉ của máy chủ được kiểm tra.

Bạn sẽ được thông báo trên màn hình điện thoại nếu nhận diện server không được xác thực hoặc nếu bạn không có chứng chỉ bảo vệ đúng trong điện thoại.

Để kiểm tra chi tiết chứng chỉ, di chuyển đến một chứng chỉ và chọn **Options > Certificate details**. Khi bạn mở xem chi tiết của chứng nhận, tính hợp lệ của Chứng nhận sẽ được kiểm tra, và một trong số các thông báo sau đây có thể xuất hiện:

- **Certificate not trusted**—Bạn không cài đặt bất kỳ ứng dụng nào để sử dụng chứng chỉ. Xem phần **"Thay đổi cài đặt về độ tin cậy"** ở trang 107.
- **Expired certificate**—Thời hạn hiệu lực của chứng chỉ được chọn đã kết thúc.
- **Certificate not valid yet**—Thời hạn hiệu lực của chứng chỉ được chọn chưa được bắt đầu.
- **Certificate corrupted**—Không thể sử dụng chứng chỉ. Liên hệ với nơi phát hành chứng chỉ.

Thay đổi cài đặt về độ tin cậy

Trước khi thay đổi bất kỳ cài đặt chứng chỉ nào, bạn cần đảm bảo rằng bạn thật tin người sở hữu chứng chỉ và chứng chỉ này thật sự thuộc sở hữu của người được liệt kê trong danh sách.

Di chuyển đến một chứng chỉ hợp lệ và chọn **Options > Trust settings**. Tùy theo loại chứng chỉ được chọn, một danh sách các ứng dụng có thể dùng đến chứng chỉ này sẽ được hiển thị. Ví dụ:

- **Symbian installation: Yes**—Chứng chỉ có thể xác nhận nguồn gốc của hệ điều hành Symbian mới.
- **Internet: Yes**—Chứng chỉ có thể chứng nhận các máy chủ.
- **App. installation: Yes**—Chứng chỉ có thể chứng nhận nguồn gốc của ứng dụng Java mới.

Chọn **Options > Edit trust setting** để thay đổi giá trị.



Call divert - Chuyển hướng cuộc gọi

Call divert cho phép bạn chuyển hướng các cuộc gọi đến hộp thư thoại hoặc một số điện thoại khác. Để biết thêm chi tiết, xin liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ.

- 1 Bấm **☰**, và chọn **Tools > Settings > Call divert**.
- 2 Chọn cuộc gọi bạn muốn chuyển hướng: **Voice calls** hoặc **Data and video calls**.
- 3 Chọn tùy chọn chuyển hướng theo ý muốn. Để chuyển hướng các cuộc gọi thoại khi máy bận hoặc khi bạn từ chối cuộc gọi đến, chọn **If busy**.
- 4 Bật (**Activate**) hoặc tắt (**Cancel**) tùy chọn chuyển hướng hoặc kiểm tra xem tùy chọn nào đang được kích hoạt (**Check status**). Bạn có thể khởi động nhiều tùy chọn chuyển hướng cùng một lúc.

Khi tắt cả cuộc gọi được chuyển hướng,  sẽ hiển thị ở chế độ chờ.

Bạn không thể sử dụng tính năng chặn cuộc gọi và chuyển hướng cuộc gọi cùng lúc.



Call barring- Chặn cuộc gọi (Dịch vụ mạng)

Chức năng **Call barring** cho phép bạn hạn chế cuộc gọi đi hoặc nhận cuộc gọi đến điện thoại của bạn. Để thay đổi các cài đặt này, bạn cần mật mã chặn cuộc gọi do nhà cung cấp dịch vụ cung cấp. Chọn tùy chọn chặn cuộc gọi bạn muốn và bật (**Activate**) hoặc tắt (**Cancel**) chức năng này hoặc kiểm tra xem chức năng này đã được kích hoạt chưa (**Check status**). **Call barring** sẽ ảnh hưởng đến tất cả các cuộc gọi, bao gồm các cuộc gọi dữ liệu.

Không thể kích hoạt tính năng **Call barring** và **Call divert** cùng lúc.

Khi các cuộc gọi đều bị chặn, bạn vẫn có thể gọi đến một số số điện thoại khẩn cấp chính thức.



Network- Mạng

Điện thoại Nokia 6680 có thể tự động chuyển đổi giữa các mạng GSM và UMTS. Mạng GSM được chỉ báo bằng  khi ở chế độ chờ. Mạng UMTS được chỉ báo bằng .

Network mode (chỉ hiển thị khi được nhà điều hành mạng hỗ trợ)—Chọn mạng để sử dụng. Nếu bạn chọn **Dual mode**, điện thoại sẽ tự động chọn mạng GSM hoặc UMTS tùy thuộc vào các thông số mạng và thỏa thuận hòa mạng giữa các nhà điều hành mạng. Liên hệ với nhà điều hành mạng để biết thêm chi tiết.



Cảnh báo: Nếu bạn cài điện thoại chỉ để sử dụng trong mạng GSM, bạn sẽ không thể thực hiện bất kỳ cuộc gọi nào, kể cả các cuộc gọi khẩn cấp, hoặc sử dụng các tính năng khác yêu cầu có kết nối mạng, nếu mạng được chọn hiện không hoạt động.

Operator selection—Chọn **Automatic** để cài điện thoại tìm và chọn một trong các mạng hiện có hoặc **Manual** để chọn mạng trong danh sách mạng theo cách thủ công. Nếu việc kết nối vào mạng bạn tự chọn không thành công, điện thoại sẽ báo lỗi và yêu cầu bạn chọn lại mạng. Mạng được chọn để kết nối

phải được thỏa thuận chuyển vùng với mạng bạn đăng ký, nghĩa là, nhà điều hành mạng dùng cho thẻ SIM của bạn.



Chú giải: Thỏa thuận hòa mạng là một thỏa thuận giữa hai hoặc nhiều nhà cung cấp dịch vụ mạng cho phép người sử dụng dịch vụ của một nhà cung cấp dịch vụ sử dụng dịch vụ của những nhà cung cấp dịch vụ khác.

Cell info display—Chọn **On** để cài điện thoại chỉ báo khi điện thoại được sử dụng trong mạng di động dựa trên công nghệ mạng MCN và để nhận thông tin về mạng này.



Enhancement (phụ kiện)

Các chỉ báo hiển thị khi ở chế độ chờ:

- Tai nghe được kết nối.
- Bộ trợ thính được kết nối.
- Không có tai nghe hoặc kết nối Bluetooth với tai nghe bị ngắt.

Chọn **Headset**, **Loopset** hoặc **Bluetooth handsfree**, và chọn các tùy chọn sau:

Chọn **Default profile**—Để chọn cấu hình bạn muốn kích hoạt mỗi khi bạn kết nối một phụ kiện nào đó với điện thoại. Xem phần "**Cài đặt âm**" ở trang 12.

Trả lời tự động—Để cài điện thoại tự động trả lời cuộc gọi đến sau 5 giây. Nếu kiểu chuông báo được cài sang **Beep once** hoặc **Silent** sẽ tắt chức năng trả lời tự động.



Voice command (Lệnh thoại)

Bạn có thể sử dụng các lệnh thoại để điều khiển điện thoại của bạn. Việc ghi âm lệnh thoại cũng tương tự như ghi âm khẩu lệnh. Xem phần "**Thêm khẩu lệnh**" ở trang 33.

Bấm , và chọn **Tools > Voice com.**

Gán một lệnh thoại cho một ứng dụng

Bạn chỉ có thể gán cho mỗi ứng dụng một lệnh thoại duy nhất.

- 1 Chọn ứng dụng bạn muốn thêm lệnh thoại. Để thêm ứng dụng mới vào danh sách, chọn **Options > New application**.
- 2 Chọn **Options > Add voice command**. Xem phần "**Thêm khẩu lệnh**" ở trang 33.



Manager

Bấm , và chọn **Tools > Manager**. Bạn có thể cài đặt hai loại ứng dụng và phần mềm vào điện thoại:

- Ứng dụng J2ME™ dựa trên công nghệ Java™ với phần mở rộng là JAD hoặc JAR () . Không tải các ứng dụng PersonalJava™ về vì bạn không thể cài đặt các ứng dụng này vào điện thoại được.
- Các ứng dụng và phần mềm khác tương thích với hệ điều hành Symbian () . Các tập tin cài đặt có phần mở rộng là SIS. Chỉ cài đặt phần mềm được thiết kế dành riêng cho điện thoại Nokia 6680.

Bạn có thể nhận các tập tin cài đặt từ máy tính tương thích về điện thoại, tải về trong khi trình duyệt hoặc nhận dưới dạng tin nhắn đa phương tiện, dưới dạng tập tin đính kèm e-mail hoặc sử dụng qua Bluetooth. Bạn có thể sử dụng Nokia Application Installer trong Nokia PC Suite để cài đặt ứng dụng vào điện thoại hoặc thẻ nhớ. Nếu bạn sử dụng Microsoft Windows Explorer để truyền tập tin, lưu tập tin vào thẻ nhớ (đĩa cục bộ trong điện thoại).

Cài đặt phần mềm và ứng dụng

Các biểu tượng của ứng dụng gồm:

-  Ứng dụng SIS
-  Ứng dụng Java
-  Ứng dụng chưa được cài đặt hoàn chỉnh
-  Ứng dụng được cài đặt vào thẻ nhớ



Chú ý: Chỉ cài đặt những ứng dụng từ nguồn bảo đảm chống lại phần mềm nguy hiểm khác.

Trước khi cài đặt, thực hiện các việc sau:

Để xem loại ứng dụng, số phiên bản, và nhà cung cấp hoặc nhà sản xuất ứng dụng, chọn **Options > View details**.

Để hiển thị chi tiết chứng chỉ bảo mật của ứng dụng, chọn **Options > View certificate**. Xem phần "[Quản lý chứng chỉ](#)" ở trang 106.

Nếu bạn cài đặt tập tin có chứa phiên bản cập nhật hoặc bản sửa lỗi cho ứng dụng hiện tại, bạn chỉ có thể khôi phục lại ứng dụng gốc nếu bạn có tập tin cài đặt gốc hoặc bản dự phòng đầy đủ của bộ phần mềm ứng dụng đã gỡ bỏ. Để khôi phục ứng dụng gốc, gỡ bỏ ứng dụng và cài đặt lại ứng dụng từ tập tin cài đặt gốc hoặc bản dự phòng.



Mẹo! Bạn cũng có thể sử dụng Nokia Application Installer hiện có trong Nokia PC Suite để cài đặt các ứng dụng. Xem trong đĩa CD được cung cấp kèm theo điện thoại.

Bạn sẽ được yêu cầu tải tập tin JAR để cài đặt ứng dụng Java. Nếu không có, điện thoại sẽ yêu cầu bạn tải tập tin này về. Nếu không có điểm truy cập nào được xác nhận cho ứng dụng, bạn sẽ được yêu cầu chọn một điểm truy cập. Trong quá trình tải tập tin JAR về, bạn cần phải nhập tên thuê bao và mật mã để truy cập vào server. Nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp ứng dụng sẽ cung cấp cho bạn tên thuê bao và mật mã.

- 1 Mở **Manager** và di chuyển đến tập tin cài đặt. Cách khác, dò tìm trong bộ nhớ máy hoặc thẻ nhớ, chọn một ứng dụng và bấm  để bắt đầu quá trình cài đặt.
- 2 Chọn **Options > Install**.



Mẹo! Trong khi trình duyệt, bạn có thể tải tập tin cài đặt về và cài đặt mà không cần ngắt kết nối.

Trong khi cài đặt, điện thoại sẽ hiển thị thông tin liên quan đến tiến trình cài đặt. Nếu bạn cài đặt ứng dụng không có chữ ký kỹ thuật số hoặc chứng chỉ, điện thoại sẽ hiển thị một cảnh báo. Bạn chỉ tiếp tục cài đặt nếu bạn đã chắc chắn nguồn gốc và nội dung ứng dụng.



Các tùy chọn trong cửa sổ **Manager** chính là **Install**, **View details**, **Go to web address**, **View certificate**, **Send**, **Remove**, **App. downloads**, **View log**, **Send log**, **Update**, **Settings**, **Help**, và **Exit**.

Để khởi động một ứng dụng được cài đặt, di chuyển đến ứng dụng đó và bấm .

Để kết nối mạng và xem thông tin bổ sung về ứng dụng, di chuyển đến ứng dụng đó và chọn **Options > Go to web address**, nếu có.

Để xem gói phần mềm ứng dụng nào đã được cài đặt hoặc gỡ bỏ và được thực hiện vào lúc nào, chọn **Options > View log**.

Để gửi nhật ký cài đặt của bạn đến trung tâm trợ giúp để thông báo ứng dụng nào đã được cài đặt hoặc gỡ bỏ, chọn **Options > Send log > Via text message**, **Via multimedia**, **Via Bluetooth**, hoặc **Via e-mail** (chỉ có nếu địa chỉ e-mail được cài đặt đúng).

Gỡ bỏ ứng dụng và phần mềm

Di chuyển đến một phần mềm và chọn **Options > Remove**. Bấm **Yes** để xác nhận.

Nếu bạn gỡ bỏ phần mềm, bạn chỉ có thể cài đặt lại phần mềm này nếu bạn có bộ phần mềm gốc hoặc một bản dự phòng đầy đủ của bộ phần mềm bị gỡ.

bỏ. Nếu bạn gỡ bỏ bộ phần mềm, bạn sẽ không mở được các tài liệu được tạo bằng phần mềm đó nữa.



Lưu ý: Nếu có bộ phần mềm khác phụ thuộc vào phần mềm bị gỡ bỏ, bộ phần mềm đó có thể không hoạt động được nữa. Tham khảo tài liệu về bộ phần mềm để biết chi tiết.

Cài đặt ứng dụng

Software installation—Chọn loại phần mềm bạn muốn cài đặt: **On**, **Signed only**, hoặc **Off**.

Online certif. check—Chọn để kiểm tra các chứng chỉ trực tuyến trước khi cài đặt ứng dụng.

Default web address—Cài đặt địa chỉ mặc định khi kiểm tra các chứng chỉ trực tuyến.

Một số ứng dụng Java có thể yêu cầu thực hiện cuộc gọi, gửi tin nhắn, hoặc kết nối mạng đến điểm truy cập được chỉ định để tải về các dữ liệu hoặc thành phần bổ sung. Trong cửa sổ **Manager** chính, di chuyển đến một ứng dụng và chọn **Options** > **Suite settings** để thay đổi các cài đặt liên quan đến ứng dụng riêng biệt đó.



Activation keys—xử lý các tập tin được bảo vệ bản quyền

Việc bảo vệ bản quyền có thể sẽ không cho phép sao chép, chỉnh sửa hay chuyển tiếp một số hình ảnh, kiểu chuông hay nội dung khác.

Bấm và chọn **Tools** > **Activation keys** để xem các phím khởi động bản quyền kỹ thuật số được lưu trong điện thoại.

- Các phím hợp lệ () được kết nối với một hoặc nhiều tập tin media.
- Với các phím đã hết hạn () , bạn không có thời gian để sử dụng tập tin media hoặc thời hạn sử dụng tập tin đã hết. Để xem các phím khởi động **Expired** , bấm .
- Để trả tiền cho thời gian sử dụng thêm hoặc gia hạn thời gian sử dụng tập tin media, chọn một phím khởi động và **Options** > **Activate content**. Các phím khởi động không thể cập nhật được nếu chức năng nhận tin nhắn dịch vụ Web bị tắt. Xem phần **"Tin nhắn dịch vụ Web"** ở trang 65.

- Để xem các phím nào hiện không được sử dụng (**Not used**), bấm  hai lần. Các phím khởi động không sử dụng sẽ không được kết nối với tập tin media nào được lưu trong điện thoại.
- Để xem các thông tin chi tiết như tình trạng hợp lệ và khả năng gửi tập tin, chọn một phím khởi động và bấm .

Giải quyết sự cố

Hỏi&Đáp

Khả năng kết nối Bluetooth

Hỏi: Tại sao tôi không tìm thấy máy của bạn tôi?

Đáp: Kiểm tra xem cả hai thiết bị đã kích hoạt kết nối Bluetooth chưa.

Hãy kiểm tra xem khoảng cách giữa hai thiết bị có vượt quá 10 mét và giữa chúng có các bức tường chắn hoặc chướng ngại vật nào không. Kiểm tra xem thiết bị cần kết nối có ở chế độ ẩn hay không.

Kiểm tra xem cả hai thiết bị có tương thích không.

Hỏi: Vì sao tôi không thể ngắt kết nối Bluetooth?

Đáp: Nếu có một thiết bị khác kết nối với điện thoại, bạn có thể ngắt kết nối từ thiết bị đó hoặc ngưng kích hoạt kết nối Bluetooth. Chọn **Connect.** > **Bluetooth** > **Off.**

Nhắn tin đa phương tiện

Hỏi: Tôi nên làm gì nếu điện thoại không thể nhận tin nhắn đa phương tiện vì bộ nhớ đã đầy?

Đáp: Dung lượng bộ nhớ cần thiết sẽ được chỉ báo trong thông báo lỗi: **Not enough memory to retrieve message. Delete some data first.** Để xem loại dữ liệu bạn đang có và dung lượng bộ nhớ đã dùng

cho từng nhóm dữ liệu, chọn **File manager** > **Options** > **Memory details.**

Hỏi: Ghi chú **Retrieving message** sẽ được hiển thị nhanh trên màn hình. Chuyện gì đang xảy ra?

Đáp: Điện thoại đang cố nhận tin nhắn đa phương tiện về từ trung tâm nhắn tin đa phương tiện. Kiểm tra xem cài đặt tin nhắn đa phương tiện được xác nhận đúng chưa và không có lỗi nào trong phần nhập số điện thoại và địa chỉ. Chọn **Messaging** > **Options** > **Settings** > **Multimedia message.**

Hỏi: Làm thế nào để ngắt kết nối dữ liệu khi điện thoại cứ lặp đi lặp lại phiên kết nối?

Đáp: Để ngăn máy thực hiện kết nối dữ liệu, chọn **Messaging** và chọn một trong các tùy chọn sau: **On receiving msg.** > **Defer retrieval**—để trung tâm nhắn tin đa phương tiện lưu lại tin nhắn để tải về sau, ví dụ sau khi bạn đã kiểm tra các cài đặt. Sau thay đổi này, điện thoại vẫn cần gửi thông tin về mạng. Để tải tin nhắn về ngay, chọn **Retr. immediately.** **On receiving msg.** > **Reject message**—Để từ chối nhận tất cả tin nhắn đa phương tiện gửi đến. Sau thay đổi này, điện thoại vẫn cần gửi thông tin về mạng và trung tâm nhắn tin đa phương tiện sẽ xóa tất cả tin nhắn đa phương tiện đang chờ gửi

cho bạn. **Multimedia reception > Off**—Để bỏ qua tất cả tin nhắn đa phương tiện gửi đến máy bạn. Sau thay đổi này, điện thoại sẽ không thực hiện bất kỳ kết nối mạng nào liên quan đến nhắn tin đa phương tiện.

Nhắn tin

Hỏi: Vì sao tôi không thể chọn số liên lạc?

Đáp: Thẻ liên lạc không có số điện thoại hay địa chỉ e-mail. Hãy thêm các thông tin còn thiếu này vào thẻ liên lạc trong **Contacts**.

Camera

Hỏi: Vì sao hình ảnh có vẻ lem nhem?

Đáp: Kiểm tra xem lớp bảo vệ ống kính chụp ảnh có được lau chùi sạch chưa.

Lịch

Hỏi: Tạo sao các số trong tuần bị thiếu?

Đáp: Nếu bạn đã thay đổi cài đặt lịch, ngày đầu tuần không phải là Thứ Hai, số tuần sẽ không hiển thị.

Các dịch vụ trình duyệt

Hỏi: Tôi phải làm sao nếu gặp thông báo sau: **No valid access point defined. Define one in Web settings.**?

Đáp: Hãy thêm các thông số cài đặt trình duyệt phù hợp. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để được hướng dẫn thêm.

Nhật ký

Hỏi: Vì sao trong nhật ký trống?

Đáp: Có thể bạn đã dùng chức năng lọc, và không có sự kiện liên lạc nào gửi đến máy bạn đáp ứng được điều kiện lọc mà bạn đã chọn. Để xem tất cả các sự kiện, chọn **Connect. > Log > Options > Filter > All communication**.

Hỏi: Làm thế nào để xóa thông tin nhật ký?

Đáp: Chọn **Connect. > Log > Options > Clear log** hoặc chọn **Settings > Log duration > No log**. Các thao tác này sẽ xóa vĩnh viễn nội dung nhật ký, nhật ký các cuộc gọi mới nhất và báo cáo gửi tin nhắn cố định.

Kết nối với máy PC

Hỏi: Vì sao tôi không thể thiết lập kết nối điện thoại với máy PC?

Đáp: Bạn cần đảm bảo rằng bộ phần mềm Nokia PC Suite đã được cài đặt và đang hoạt động trên máy PC. Xem phần Hướng dẫn Sử dụng dành cho Nokia PC Suite trên đĩa CD. Để biết thêm thông tin về cách sử dụng Nokia PC Suite, xem phần trợ giúp trên Nokia PC Suite hoặc vào trang hỗ trợ www.nokia-asia.com.

Mã truy cập

Hỏi: Các mã khóa, mã PIN và mã PUK là gì?

Đáp: Mã khóa mặc định là **12345**. Nếu bạn quên hoặc làm mất mã khóa, liên hệ với đại lý bán lẻ của

bạn. Nếu bạn quên hoặc làm mất mã PIN hoặc mã PUK, hoặc nếu bạn không nhận được các mã này, hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ mạng. Để biết thêm thông tin về mật mã, liên hệ với nhà cung cấp điểm truy cập, ví dụ nhà cung cấp dịch vụ Internet (ISP), nhà cung cấp dịch vụ hoặc nhà điều hành mạng.

Ứng dụng bị treo.

Hỏi: Làm thế nào để đóng một ứng dụng đang bị treo?

Đáp: Mở cửa sổ hoán chuyển ứng dụng bằng cách bấm và giữ . Sau đó di chuyển đến ứng dụng và bấm  để đóng ứng dụng.

Màn hình điện thoại

Hỏi: Vì sao có hiện tượng thiếu, phai màu hay có các chấm sáng xuất hiện trên màn hình mỗi khi tôi bật điện thoại của mình?

Đáp: Đây là một đặc tính của loại màn hình này. Một số màn hình có thể chứa các điểm ảnh hoặc dấu chấm sáng đang nhấp nháy. Đây là điều bình thường, không phải lỗi màn hình.

Không đủ bộ nhớ

Hỏi: Tôi nên làm gì nếu bộ nhớ gần đầy?

Đáp: Bạn có thể thường xuyên xóa một số mục dữ liệu để tránh tình trạng thiếu hụt bộ nhớ:
Tin nhắn trong các thư mục **Inbox**, **Drafts**, và **Sent** trong phần **Messaging**
Tài e-mail từ bộ nhớ điện thoại về

Đã lưu trang trình duyệt

Các hình ảnh và hình chụp trong **Gallery**
Để xóa thông tin liên lạc, ghi chú lịch, thời gian gọi, cuộc cuộc gọi, điểm trò chơi hoặc bất kỳ dữ liệu nào khác, hãy vào ứng dụng tương ứng để xóa dữ liệu. Nếu bạn xóa nhiều mục dữ liệu cùng lúc và gặp phải một trong các thông báo sau: **Not enough memory to perform operation. Delete some data first.** hoặc **Memory low. Delete some data.**, hãy xóa lần lượt từng mục (bắt đầu từ mục nhỏ nhất).

Hỏi: Tôi phải làm cách nào để lưu dữ liệu trước khi xóa chúng?

Đáp: Bạn có thể lưu dữ liệu bằng một trong các cách sau:

Dùng bộ phần mềm Nokia PC Suite để tạo bản sao lưu tất cả dữ liệu vào một máy tính tương thích.

Gửi các hình ảnh đến địa chỉ e-mail của bạn, và sau đó lưu các ảnh đó vào máy tính của bạn.

Sử dụng kết nối Bluetooth để chuyển dữ liệu đến một thiết bị tương thích

Lưu dữ liệu trong thẻ nhớ tương thích.

Thông tin về pin

Sạc và Xả pin

Điện thoại được cấp điện bằng một loại pin có thể sạc lại được. Lưu ý rằng pin mới chỉ nạp đầy điện sau hai hoặc ba lần sạc và xả pin. Pin có thể được sạc và xả hàng trăm lần nhưng cuối cùng cũng sẽ hư. Khi thời gian thoại và thời gian chờ ngắn hơn bình thường, đó là lúc bạn cần thay pin mới. Chỉ sử dụng pin và bộ sạc được Nokia phê chuẩn và được thiết kế cho riêng kiểu điện thoại này.

Rút dây bộ sạc ra khỏi ổ cắm điện và điện thoại khi không sử dụng. Không để pin gần với bộ sạc. Độ bền của pin có thể bị giảm do sạc quá lâu. Nếu để pin sạc đầy nhưng không sử dụng thì pin sẽ tự xả theo thời gian.

Chỉ sử dụng pin đúng mục đích. Không sử dụng bộ sạc hoặc pin đã bị hư.

Không nên để pin chạm mạch. Việc chạm mạch có thể bất ngờ xảy ra khi để một vật bằng kim loại ví dụ như đồng tiền, kẹp giấy hoặc bút bi tiếp xúc trực tiếp với cực (+) và cực (-) của pin. (Những vật này giống như mảnh kim loại trên pin.) Điều này có thể xảy ra, ví dụ như khi bạn mang pin dự phòng trong túi hoặc ví. Việc chạm mạch các cực pin có thể làm hư pin hoặc vật nổi hai cực.

Để pin trong môi trường nóng hoặc lạnh, chẳng hạn như trong xe đóng kín cửa vào mùa đông hoặc mùa hè sẽ làm giảm điện tích và độ bền của pin. Nên giữ pin luôn ở nhiệt độ khoảng từ 15oC đến 25oC (59oF đến 77oF). Điện thoại sẽ tạm ngừng hoạt động khi pin nóng hoặc lạnh, ngay cả khi pin được sạc đầy. Hoạt động của pin đặc biệt bị giới hạn ở nhiệt độ dưới đông.

Không được bỏ pin vào trong lửa vì pin có thể nổ. Pin bị hỏng cũng có thể gây nổ. Bỏ pin theo quy định của địa phương. Tái chế lại pin nếu có thể. Không được bỏ pin như rác sinh hoạt.

Hướng dẫn xác nhận pin Nokia

Hãy luôn sử dụng các loại pin chính hãng Nokia để đảm bảo an toàn cho bạn. Để chắc chắn là bạn đang sử dụng pin chính hãng Nokia, hãy mua pin tại đại lý phân phối Nokia được ủy quyền, xem xét logo Phụ kiện Chính hãng Nokia trên bao bì và kiểm tra nhãn ảnh ba chiều theo các bước sau:

Việc thực hiện đầy đủ bốn bước cũng không phải là đảm bảo xác thực pin chính hãng. Nếu bạn có bất cứ nghi ngờ rằng pin của bạn không phải là phụ kiện chính hãng Nokia, bạn nên ngưng sử dụng ngay lập tức và mang sản phẩm tới trung tâm dịch vụ Nokia hay đại lý phân phối sản phẩm được ủy quyền để được hỗ trợ. Trung tâm dịch vụ Nokia được ủy quyền hoặc đại lý phân phối sẽ kiểm định tính xác thực của pin. Nếu bạn không thể xác nhận pin, hãy trả lại pin cho nơi bán.

Xác nhận ảnh ba chiều

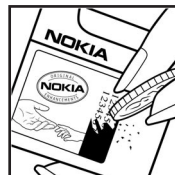
- 1 Khi nhìn vào ảnh ba chiều trên nhãn, bạn phải thấy được biểu tượng hai bàn tay kết nối của Nokia từ một góc độ nhất định và logo Phụ kiện Chính hãng Nokia khi nhìn từ góc độ khác.



- 2 Khi bạn nghiêng ảnh ba chiều sang trái, phải, trên và dưới, bạn phải thấy được 1, 2, 3 và 4 điểm lần lượt trên mỗi cạnh.



- 3 Cào cạnh của nhãn để làm hiện ra mã pin 20 số, ví dụ 12345678919876543210. Lật pin để các số hướng lên trên. Bạn có thể đọc mã pin 20 số bắt đầu từ các số từ trên xuống dưới.



- 4 Xác nhận tính hợp lệ của mã pin 20 số bằng cách thực hiện theo các hướng dẫn trên trang web www.nokia.com/batterycheck.



Để tạo một tin nhắn văn bản, nhập vào mã 20 số, ví dụ như 12345678919876543210 và gửi đến +44 7786 200276.

Để tạo một tin nhắn văn bản,

- Đối với các quốc gia tại khu vực Châu Á Thái Bình Dương, không bao gồm Ấn Độ: Nhập vào mã 20 số, ví dụ 12345678919876543210 và gửi đến +61 427151515.
- Chỉ dành cho Ấn Độ: Nhập vào chữ 'Battery' và sau đó là mã pin 20 số, ví dụ Battery 12345678919876543210, và gửi đến 5555.

Cước phí gửi tin trong nước và quốc tế sẽ được áp dụng.

Bạn sẽ nhận được một tin nhắn thông báo tính hợp lệ của mã pin.

Phải làm gì khi pin của bạn không phải là chính hãng?

Nếu bạn không thể xác nhận pin Nokia của bạn qua hình nổi ba chiều trên nhãn là pin chính hãng Nokia, đề nghị bạn không sử dụng pin này. Hãy mang pin đến dịch vụ hoặc đại lý được ủy quyền gần nhất của Nokia để được giúp đỡ. Việc sử dụng pin không được nhà sản xuất phê chuẩn có thể gây nguy hiểm, hiệu năng hoạt động kém hoặc gây hại cho thiết bị và phụ kiện. Điều này cũng có thể làm mất hiệu lực của các phê chuẩn hay bảo hành đối với thiết bị.

Để biết thêm thông tin về các loại pin chính hãng Nokia, hãy vào trang web www.nokiaoriginals.com/check.



Phụ kiện chính hãng Nokia

Một loạt phụ kiện hiện đang có sẵn cho điện thoại của bạn. Chọn các phụ kiện thích hợp với nhu cầu liên lạc của riêng mình. Một vài phụ kiện được mô tả chi tiết dưới đây.

Danh sách các phụ kiện tương thích:

Âm thanh

Tai nghe Thời trang Âm thanh nổi	HS-3
Tai nghe	HS-5
Bộ tai nghe	HDB-4
Bộ trợ thính	LPS-4
Tai nghe Radio	HS-2R
Bộ tai nghe không dây	HS-4W
Bộ tai nghe không dây	HDW-3
Tai nghe không dây	HS-11W
Tai nghe hình ảnh không dây	HS-13W
Tai nghe không dây Clip-on	HS-21W
Đế nhạc	MD-1

Trên xe

Tai nghe trên xe Plug-in Không dây	HF-6W
------------------------------------	-------

Tai nghe trên xe Plug-in	HF-3
Bộ tai nghe có tựa đầu	BHF-3
Bộ phụ kiện dùng trên xe không dây	CK-1W
Bộ phụ kiện trên xe cao cấp	CK-7W
Bộ phụ kiện trên xe	CK-10
Giá đỡ Di động	CR-27

Dữ liệu

Thẻ MMC 128 MB	MU-2
Môđun GPS vô tuyến	LD-1W

Hình ảnh

Camera Từ xa	PT-6
Album ảnh	PD-1

Nhắn tin

Bút Kỹ thuật số	SU-1B
Bàn phím không dây	SU-8W

Điện nguồn

Bộ sạc có thể thu gọn	AC-1
Bộ sạc di động	LCH-12

Một vài phụ kiện được mô tả chi tiết dưới đây.

Để biết thêm về các phụ kiện có sẵn, liên hệ với đại lý tại địa phương. Sau đây là một số hướng dẫn thực tế về cách sử dụng phụ kiện:

- Để phụ kiện ngoài tầm tay trẻ em.
- Khi bạn rút dây dẫn của bất kỳ phụ kiện nào ra, cảm vào phích cắm, không nên kéo dây.
- Thường xuyên kiểm tra mọi thiết bị điện thoại di động trong xe đã được lắp và vận hành đúng chưa.

Chỉ sử dụng pin, bộ sạc và phụ kiện do nhà sản xuất điện thoại kiểm duyệt. Việc sử dụng bất kỳ loại nào khác sẽ làm mất hiệu lực kiểm duyệt hoặc bảo hành và có thể gây nguy hiểm.

Pin

Loại	Công nghệ	Thời gian thoại#	Thời gian chờ#
BL-5C	Li-Ion	Đạt 2,2-3,2 giờ (WCDMA) 3-6 giờ (GSM)	Đạt 6 - 11 ngày

Thời gian hoạt động có thể thay đổi tùy thuộc thẻ SIM, các cài đặt mạng và sử dụng, cách thức và môi trường sử dụng.

Bộ tai nghe không dây HS-4W



Thoải mái hơn với Bộ tai nghe không dây Nokia. Cho dù bạn phải đi họp gấp hay chỉ đi dạo, bạn không cần phải lục tìm điện thoại trong túi hoặc áo choàng để nhận cuộc gọi.

Sự thuận tiện của tính năng không cần dùng tay sẽ cho bạn cảm giác hài lòng khi sử dụng bộ tai nghe nhẹ và tiện nghi này.

Công nghệ mang tính tạo nhả và tiện nghi này được trau chuốt cho phù hợp với nhu cầu và nhịp điệu cuộc

sống của bạn, dành cho cả kinh doanh lẫn giải trí. Đừng bỏ qua bước tiến này.

- Tai nghe không dây tiện lợi và hợp thời trang
- Công nghệ vô tuyến Bluetooth
- Xử lý cuộc gọi thuận tiện từ bộ tai nghe
- Chức năng không cần dùng tay để sử dụng
- Chuyển đổi qua lại dễ dàng giữa hai tai
- Đèn LED chỉ báo tình trạng

Bộ phụ kiện trên xe cao cấp CK-7W



Nokia Advanced Car Kit mang đến cho bạn khả năng giao tiếp rảnh tay thuận tiện trong khi đang lái xe. Bộ

phụ kiện hoạt động không dây dùng công nghệ vô tuyến Bluetooth và cũng có thể được kết nối với giá đỡ điện thoại di động tương thích, có khả năng tương thích với nhiều loại điện thoại di động.

Các tính năng chính:

- Giao tiếp không cần dùng tay
- Hai tùy chọn kết nối: Vô tuyến qua kết nối Bluetooth và cáp qua cổng Pop-Port™
- Xử lý cuộc gọi và điều chỉnh âm thanh qua Nút Điều khiển từ xa
- Ngắt âm radio trên xe
- Bộ dò công tắc cảm ứng
- Ngõ ra loa ngoài
- Ngõ ra âm thanh
- Sạc điện thoại di động — tùy thuộc vào giá đỡ được chọn
- Khẩu lệnh — yêu cầu điện thoại hỗ trợ

Bàn phím không dây SU-8W của Nokia



Tăng cường năng suất với Bàn phím Không dây Nokia. Soạn e-mail, tin nhắn văn bản, hoặc ghi chú cuộc họp nhanh chóng và dễ dàng với bàn phím QWERTY đầy đủ chức năng. Với thiết kế nhỏ, nhẹ, xếp lại được, Bàn phím Không dây Nokia thuận tiện trong việc sử dụng và mang theo, đồng thời là một công cụ hoàn hảo cho văn phòng không dây di động của bạn.

Các tính năng chính:

- Bàn phím QWERTY gọn nhẹ, xếp lại được
- Phím bật/tắt nguồn cộng với chức năng tự động tắt nguồn khi được xếp lại
- Các phím tắt dành cho chức năng nhắn tin và menu ứng dụng chính của điện thoại tương thích
- Kết nối vô tuyến với điện thoại tương thích (công nghệ vô tuyến Bluetooth)

- Đèn LED chỉ thị 3 tình huống: Bật/tắt nguồn, trạng thái kết nối không dây, tình trạng pin
- Được cấp nguồn bằng 2 pin AAA

Bút kỹ thuật số Nokia SU-1B



Dùng bút kỹ thuật số để tạo những tin nhắn nhiều màu sắc tùy theo ý thích của bạn và gửi các tin nhắn này đến điện thoại tương thích qua công nghệ Bluetooth, và chuyển tiếp qua MMS. Bạn cũng có thể sử dụng bút để lưu các ghi chú này trên máy PC tương thích.

Giữ gìn và Bảo trì

Điện thoại là sản phẩm được thiết kế cao cấp và tinh vi, vì vậy phải được giữ gìn cẩn thận. Những đề nghị sau đây sẽ giúp bạn thực hiện tốt các quy định bảo hành.

- Giữ điện thoại khô ráo. Chất kết tủa, độ ẩm và tất cả các loại chất lỏng hoặc ẩm ướt có chứa khoáng chất sẽ ăn mòn các mạch điện tử. Nếu điện thoại bị ẩm ướt, tháo pin ra khỏi điện thoại và để điện thoại thật khô trước khi đặt pin trở lại.
- Không nên sử dụng hoặc đặt điện thoại ở những nơi có bụi bẩn. Các bộ phận di động và các linh kiện điện tử của điện thoại có thể bị hư.
- Không nên cất điện thoại ở những nơi khô nóng. Nhiệt độ cao có thể làm giảm độ bền của thiết bị điện tử, làm hư pin, cong hoặc cháy một số linh kiện nhựa.
- Không nên cất điện thoại ở những nơi quá lạnh. Khi điện thoại trở về nhiệt độ bình thường của nó, hơi ẩm đọng lại trong điện thoại sẽ gây hư hỏng các bản mạch điện tử.
- Không tìm cách mở điện thoại khác với những điều chỉ dẫn trong sách hướng dẫn này.
- Không làm rơi, đập, hoặc lắc điện thoại. Việc dùng mạnh tay có thể làm hư các bản mạch điện tử bên trong điện thoại.
- Không sử dụng hóa chất mạnh, chất tẩy rửa, hoặc xà phòng đậm đặc để lau chùi điện thoại.

- Không được sơn điện thoại. Nước sơn có thể làm nghẽn các bộ phận di động và khiến điện thoại hoạt động không chính xác.
- Dùng miếng vải mềm, sạch và khô để lau chùi các ống kính (ví dụ như camera, bộ cảm biến khoảng cách, và bộ cảm biến ánh sáng).
- Chỉ sử dụng ăng-ten được cung cấp hoặc ăng-ten thay thế đã qua kiểm duyệt. Việc sửa đổi hoặc lắp ăng-ten không được kiểm duyệt có thể làm hư điện thoại và vi phạm các quy định về các dịch vụ vô tuyến.

Tất cả các đề nghị trên sẽ áp dụng chung cho điện thoại, pin, bộ sạc hoặc bất kỳ phụ kiện cải tiến nào. Nếu điện thoại không hoạt động, đem máy đến dịch vụ được ủy quyền gần nhất để được sửa chữa.

Thông tin bổ sung về sự an toàn

Môi trường hoạt động

Phải tuân thủ các luật lệ đặc biệt hiện hành ở những nơi có qui định và đồng thời phải luôn tắt điện thoại ở những nơi bị cấm sử dụng, hoặc có thể gây nhiễu sóng hoặc nguy hiểm. Chỉ sử dụng điện thoại ở vị trí vận hành thông thường. Để tuân theo các quy định về mức độ phơi nhiễm sóng điện từ, chỉ sử dụng các phụ kiện được Nokia chấp thuận để sử dụng với kiểu điện thoại này. Khi điện thoại đang bật và đang được mang bên người, luôn sử dụng ngăn chứa hoặc bao đeo được phê chuẩn.

Thiết bị y tế

Khi sử dụng bất kỳ thiết bị vô tuyến nào, kể cả điện thoại di động, đều có thể gây nhiễu sóng một số chức năng của các thiết bị y tế vốn không được bảo vệ đúng mức. Tham vấn với bác sĩ hoặc nhà sản xuất thiết bị y tế để biết các thiết bị này có được bảo vệ khỏi năng lượng bức xạ sóng vô tuyến không hoặc nếu có bất kỳ thắc mắc nào khác. Tắt điện thoại ở trung tâm y tế khi có dán qui định hướng dẫn ở những nơi này. Bệnh viện hoặc các trung tâm y tế có thể sử dụng thiết bị nhạy với sóng vô tuyến.

Máy điều hòa nhịp tim

Các nhà sản xuất máy điều hòa nhịp tim khuyến nghị đặt điện thoại cầm tay vô tuyến cách máy điều hòa nhịp tim tối thiểu là 6 inch (15,3 cm) để tránh gây nhiễu sóng. Những khuyến nghị này là kết quả của quá trình nghiên cứu độc lập, đồng thời cũng là khuyến nghị của viện Nghiên cứu Công nghệ Vô tuyến. Người đeo máy điều hòa nhịp tim nên:

- đặt điện thoại cách máy điều hòa nhịp tim ít nhất 6 inch (15,3 cm) khi bật điện thoại;
- không để điện thoại trong túi áo ngực; và
- nghe bằng tai đối diện với máy điều hòa nhịp tim để giảm thiểu nguy cơ nhiễu sóng.

Nếu có lý do nghi ngờ máy điều hòa nhịp tim đang bị nhiễu sóng, tắt điện thoại ngay.

Thiết bị trợ thính

Một số thiết bị vô tuyến kỹ thuật số có thể gây nhiễu sóng thiết bị trợ thính. Bạn có thể tham vấn với nhà cung cấp dịch vụ nếu bị nhiễu sóng.

Xe cộ

Một số tín hiệu vô tuyến có thể ảnh hưởng không tốt đến các hệ thống điện tử chưa được bảo vệ đúng mức hoặc lắp đặt không đúng trong các xe mô tô, ví dụ như hệ thống bơm xăng điện tử, hệ thống thắng chống trượt (chống xóc) điện tử, hệ thống kiểm soát tốc độ điện tử, hệ thống túi đệm khí. Để biết thêm thông tin, kiểm tra với nhà sản xuất hoặc người đại diện về bất kỳ thiết bị nào được gắn trên xe.

Chỉ những nhân viên có khả năng chuyên môn mới được sửa chữa điện thoại di động, hoặc lắp điện thoại trong xe. Lắp đặt sai hoặc sửa điện thoại không đúng có thể gây nguy hiểm và làm mất hiệu lực bảo hành cho sản phẩm. Thường xuyên kiểm tra mọi thiết bị điện thoại di động trong xe đã được lắp và vận hành đúng chưa. Không lưu trữ hoặc chuyên chở các chất lỏng dễ cháy, gas hoặc chất nổ chung với điện thoại, các phụ kiện cài tiến hoặc phụ tùng điện thoại. Đối với xe hơi có trang bị túi đệm khí, xin lưu ý túi đệm khí khi nổ sẽ tạo ra một lực lớn. Không được đặt đồ vật, kể cả thiết bị vô tuyến lắp sẵn hoặc di động ở khu vực phía trên túi đệm khí hoặc khu vực sử dụng túi đệm khí. Nếu thiết bị vô tuyến trên xe không được lắp đặt đúng thì khi túi đệm khí nổ có thể gây thương tật nghiêm trọng.

Cấm sử dụng điện thoại di động khi ở trên máy bay. Tắt điện thoại di động trước khi máy bay cất cánh. Sử dụng điện thoại vô tuyến trên máy bay có thể gây nguy hiểm cho việc vận hành máy bay, làm gián đoạn mạng điện thoại vô tuyến và có thể xem là bất hợp pháp.

Môi trường có khả năng gây nổ

Tắt điện thoại khi ở trong khu vực dễ phát nổ và phải tuân theo tất cả các bảng hướng dẫn. Môi trường có khả năng gây nổ bao gồm cả các khu vực nơi bạn thường được yêu cầu tắt máy xe. Các tia lửa trong những khu vực như thế có thể phát cháy nổ gây thương tật hoặc thậm chí tử vong. Tắt điện thoại tại các trạm tiếp nhiên liệu, ví dụ như ở gần nơi đổ xăng tại các trạm dịch vụ. Hãy tuân theo các quy định hạn chế việc sử dụng các thiết bị vô tuyến tại các kho hàng, kho lưu trữ và phân phối nhiên liệu, nhà máy hóa chất hoặc khu vực đang tiến hành phá nổ. Những khu vực có khả năng gây nổ không phải luôn được niêm yết rõ ràng. Những khu vực này bao gồm dưới boong tàu, các phương tiện chuyên chở hoặc kho hóa chất, các phương tiện sử dụng khí đốt lỏng (như propan hay butan); ở môi trường không khí có hóa chất hay những hạt nhỏ thóc gạo, bụi hoặc bột kim loại.

Cuộc gọi khẩn cấp



Chú ý: Cũng như các thiết bị vô tuyến khác, điện thoại này sử dụng tín hiệu truyền thanh, mạng vô tuyến và hữu tuyến cũng như các chức năng khác do người sử dụng lập trình. Do đó, các kết nối không đảm bảo trong mọi điều kiện. Bạn không nên chỉ dựa vào điện thoại vô tuyến cho các cuộc liên lạc khẩn cấp như cấp cứu y tế chẳng hạn.

Để gọi khẩn cấp:

- 1 Bật điện thoại nếu chưa bật. Kiểm tra cường độ tín hiệu mạng thích hợp.
Một số mạng có thể yêu cầu phải lắp đúng thẻ SIM hoặc USIM hợp lệ vào điện thoại.
- 2 Bấm  nhiều lần để xóa màn hình hiển thị và sẵn sàng cho các cuộc gọi.
- 3 Nhập số điện thoại khẩn cấp chính thức tại nơi ở hiện thời của bạn. Số khẩn cấp thay đổi tùy theo địa phương.
- 4 Bấm phím .

Nếu đang sử dụng một số tính năng nhất định, trước tiên bạn cần tắt các tính năng này mới có thể gọi số khẩn cấp được. Để biết thêm thông tin, tham khảo tài liệu này hoặc tham khảo ý kiến của nhà cung cấp dịch vụ.

Khi gọi số khẩn cấp, cung cấp tất cả thông tin cần thiết càng chính xác càng tốt. Điện thoại vô tuyến có thể là phương tiện liên lạc duy nhất tại hiện trường xảy ra tai nạn. Không nên cúp điện thoại trừ khi được yêu cầu.



Cảnh báo! Trong cấu hình offline, bạn sẽ không thể thực hiện các cuộc gọi hoặc sử dụng những tính năng có yêu cầu vùng phủ sóng của mạng, ngoại trừ các cuộc gọi đến các số khẩn cấp nhất định.

Thông tin về chứng nhận (SAR)

Kiểu điện thoại này đáp ứng các qui định QUỐC TẾ VỀ TIẾP XÚC VỚI SÓNG VÔ TUYẾN.

Điện thoại di động là một thiết bị truyền và nhận sóng vô tuyến. Điện thoại được thiết kế và sản xuất sao cho không vượt quá giới hạn tiếp xúc với tần số vô tuyến (RF) được qui định bởi hướng dẫn quốc tế (ICNIRP). Các giới hạn này là phần hướng dẫn toàn diện và thiết lập các mức độ tiếp xúc sóng vô tuyến cho phép dành cho công chúng. Các hướng dẫn này được triển khai bởi các tổ chức khoa học độc lập định kỳ và qua việc đánh giá các nghiên cứu khoa học. Các hướng dẫn này bao gồm một ngưỡng an toàn đáng kể được thiết kế để bảo đảm an toàn cho tất cả mọi người, bất kể tuổi tác cũng như sức khỏe.

Tiêu chuẩn tiếp xúc dành cho điện thoại di động áp dụng một đơn vị đo được gọi là Tỷ lệ Hấp thụ Riêng, hoặc SAR. Giới hạn SAR được nêu trong hướng dẫn quốc tế là 2,0 W/kg*. Các thử nghiệm về SAR được tiến hành theo vị trí vận hành chuẩn khi điện thoại truyền ở mức năng lượng được chứng nhận là cao nhất trong mọi băng tần thử nghiệm. Mặc dù SAR được kiểm tra ở mức năng lượng cao nhất, nhưng mức SAR thực sự của điện thoại trong khi vận hành có thể dưới giá trị cực đại này. Lý do là điện thoại được thiết kế để vận hành ở nhiều mức năng lượng để chỉ sử dụng năng lượng mà mạng yêu cầu. Nói chung, nếu bạn càng gần trạm phát, thì năng lượng phát ra càng thấp.

Giá trị SAR cao nhất cho kiểu điện thoại này được thử nghiệm khi đặt ở tai là 0,69 W/kg.

Sản phẩm này đáp ứng các tiêu chuẩn tiếp xúc RF khi cầm ở vị trí thông thường gần tai hoặc cách xa cơ thể ít nhất 1,5 cm. Khi sử dụng túi đeo, đai đeo hoặc ngăn chứa để mang điện thoại bên mình, bạn cần đảm bảo các thiết bị này không chứa kim loại và cách xa cơ thể ít nhất 1,5 cm.

Để truyền các tập tin dữ liệu hoặc tin nhắn, thiết bị này cần được kết nối với mạng một cách ổn định. Trong một số trường hợp, việc truyền các tập tin dữ liệu hoặc tin nhắn có thể bị chậm trễ cho đến khi kết nối trên đạt được tính ổn định. Hãy đảm bảo các hướng dẫn về khoảng cách giữa các thiết bị trên được tuân thủ cho đến khi việc truyền dữ liệu hoàn tất.

* Giới hạn SAR dành cho công chúng sử dụng điện thoại di động là 2,0 watts/kilogram (W/kg) trung bình trên mười gram mô. Các hướng dẫn này bao gồm một ngưỡng an toàn đáng kể để bảo vệ thêm cho công chúng và để giải thích cho bất kỳ thay đổi nào trong việc đo đạc. Giá trị SAR khác nhau tùy thuộc vào các yêu cầu báo cáo trong nước và hệ thống mạng. Để biết thêm thông tin về SAR ở những khu vực khác, vui lòng xem mục thông tin sản phẩm tại địa chỉ web: www.nokia-asia.com.

Từ mục

A

Activation keys 112

âm báo

báo thức 16

âm thanh

ghi âm 78

tắt chuông báo 25

automatic find 56

B

báo lại

báo thức 16

bảo vệ bản quyền

xem Activation keys

bộ nhớ

xem mức sử dụng bộ nhớ 18

xóa bộ nhớ 28

Bộ PC Suite

đồng bộ 93

truyền hình ảnh đến máy PC 41

truyền tải tập tin âm nhạc vào

thẻ nhớ 41

xem dữ liệu trong bộ nhớ điện

thoại 18

biên tập video

hiệu chỉnh video clip 43

thêm đoạn chuyển cảnh 43

thêm hiệu ứng 43

thêm sound clip 43

Bluetooth

địa chỉ thiết bị 91

biểu tượng thiết bị 92

các chỉ báo trạng thái kết nối 92

ghép nối, giải thích thuật ngữ 91

kết nối hai thiết bị, ghép nối 91

mã khóa được cài trước 91

mã khóa, giải thích thuật ngữ 91

tai nghe 109

tắt 93

yêu cầu ghép nối 91

yêu cầu kết nối 91

C

các ứng dụng Java 110

các đoạn ghi âm 41

các đoạn video clip 41

cài đặt bộ trợ thính 109

cài đặt kết nối 101

cài đặt riêng 14

cài đặt tai nghe 109

Cáp USB 93

Calendar

âm báo 67

camera 35

điều chỉnh độ sáng 37, 39

điều chỉnh độ tương phản 37,

39

chế độ ban đêm 36

chế độ liên tiếp 37

chụp tự động 37

gửi hình 37

lưu video clip 40

sending images 20

thông số cài đặt máy quay

video 40

cắt văn bản 53

CD-ROM 93

chứng chỉ 106

chế độ chờ 11

chỉ mục, phần giải thích 70

chuyển nội dung từ điện thoại khác

13

cuộc gọi

- các số vừa gọi 28
- cài đặt chuyển hướng cuộc gọi 107
- chuyển 27
- nhận 28
- quốc tế 23

cuộc gọi hội nghị 25

cuộc gọi video 23

- từ chối 26
- trả lời 26

D

dán văn bản 53

DNS, dịch vụ tên miền, giải thích thuật ngữ 103

Đ

Địa chỉ IP, giải thích thuật ngữ 103

định dạng tập tin

- RealPlayer 46
- Tập tin JAD 110
- Tập tin JAR 110, 111
- Tập tin SIS 110

điểm truy cập 101

- Settings 102

Điểm truy cập Internet (IAP)

- Xem *điểm truy cập*

điều chỉnh âm lượng 17

- loa 17
- trong khi gọi 23, 24

đồng hồ

- âm báo 16
- báo lại 16
- cài đặt 16

độ phân giải, phần giải thích 38

độ sáng

- cài đặt trong camera 37, 39
- màn hình 99

độ tương phản

- cài đặt trong camera 37, 39

E

e-mail 54

- automatic retrieving 60
- cài đặt 64
- hộp thư từ xa 58
- mở 59
- nhận từ hộp thư 59
- xem tập tin đính kèm 59

G

gửi

- các đoạn video clip 44
- hình 37
- thẻ liên lạc, danh thiếp 31

Gallery 40

ghi âm khẩu lệnh 33, 109

giờ

- cài đặt 104

Giá trị SAR 128

gọi số ẩn định 104

H

handsfree

- see *loudspeaker*

hộp thư 58

hộp thư từ xa 58

hộp thư thoại 23

- chuyển hướng cuộc gọi đến hộp thư thoại 107
- thay đổi số điện thoại 23

hình ảnh dạng thu nhỏ

- trong thẻ liên lạc 30

J

Java

- Xem *các ứng dụng Java*

K

kết nối dữ liệu

- chi tiết 94
- kết thúc 94

kết nối dữ liệu gói 94

- cài đặt 103
- GPRS, giải thích thuật ngữ 101

kết nối máy tính 93

Kết nối PC

qua Bluetooth hoặc cáp USC
93

khẩu lệnh 32

gọi điện 33
thêm 33, 109

kiểu chuông

nhận trong tin nhắn văn bản 57
thêm kiểu chuông riêng 32
xóa kiểu chuông riêng 32

L

lệnh dịch vụ 50

Lệnh USSD 50

loa 17

Log

lọc 29
xóa nội dung 29

loudspeaker

activating 17

M

mã 104

mã khóa
Mã PIN 105
Mã PIN2 105

mã bảo vệ

Xem phần *mã khóa*

mã chỉ tiêu 80, 106

mã khóa 105

Mã PIN 105

Mã UPIN 105

mã UPUK 105

mailbox

automatic retrieving 60

máy quay phim

Xem phần *camera*

menu

sắp xếp lại 11

Messaging

e-mail 54
tin nhắn đa phương tiện 53
tin nhắn văn bản 53

messaging

automatic find 56

N

ngày

cài đặt 104

nhắc nhở

Xem *Calendar*, *âm báo*

nhật ký điện thoại

Xem phần *Nhật ký*

P

phần mềm

truyền file về điện thoại 110

phím tắt

camera 36
kết nối Web 69

Phụ kiện chính hãng Nokia 120

Q

quản lý bản quyền kỹ thuật số,
DRM

xem Activation keys

quay số bằng khẩu lệnh 32

quay số nhanh 25

quay video 40

S

sao chép

các số liên lạc giữa thẻ SIM và
bộ nhớ điện thoại 31
văn bản 53

sending

images 20

Settings

điểm truy cập 102
bộ trợ thính 109
cài đặt gốc 98
cài đặt IM 83, 84, 88
cài đặt riêng điện thoại 11
Calendar 68
chứng chỉ 106
chặn cuộc gọi 108

chuyển hướng cuộc gọi 107
 Kết nối Bluetooth 90
 kết nối dữ liệu 101
 mã chi tiêu 106
 mã khóa 105
 Mã PIN 105
 mã truy cập 104
 Mã UPIN 105
 mã UPUK 105
 màn hình 99
 màn hình riêng 99
 ngày và giờ 104
 ngôn ngữ 98
 tai nghe 109
 Wallet 82

Synchronise 95

T

tắt âm 47
tập tin media
 định dạng tập tin 46
 lui về 47
 tắt âm 47
 tiến nhanh về trước 47

Tập tin SIS 110

thời lượng nhật ký 29

thành phố cư ngụ 17

thẻ liên lạc

chèn hình 30

lưu âm DTMF 27

thẻ nhớ 19

Thẻ SIM

sao chép các tên và số liên lạc
 vào điện thoại 31
 tên và số điện thoại 31
 tin nhắn 61

tin nhắn đa phương tiện 53

tin nhắn thoại 23

tin nhắn trò chuyện 83

cuộc trò chuyện riêng 86
 gửi một tin nhắn riêng 85
 gửi tin nhắn trò chuyện 85
 ghi âm tin nhắn 85
 kết nối server 83
 khóa 85
 nhóm 87
 tên thuê bao, giải thích thuật
 ngữ 86

tin nhắn văn bản 53

trò chuyện

Xem *phần tin nhắn trò chuyện*

trung tâm nhắn tin văn bản mới

thêm mới 62

trung tâm SMS, trung tâm dịch vụ

tin nhắn ngắn 62

V

Video Editor 43

video player

Xem phần *RealPlayer*

W

Wallet 79

cài đặt 82
 cài đặt lại mã chi tiêu 82
 lưu chi tiết thẻ 80
 nhập mã chi tiêu 80
 xem cho tiết vé 82

web

các điểm truy cập, xem phần
điểm truy cập

X

Xóa bộ nhớ

Thông tin nhật ký 115

xóa màn hình

Xem *chế độ chờ*